

Tác Giả và Tác Phẩm

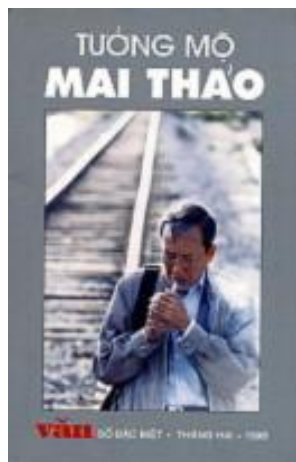
Mai Thảo (II)

Tiểu sử

Sinh ngày: 8.6.1927, Nam Định.

Tác phẩm

Người thầy cũ, Tháng giêng cỏ non



Mục Lục

Làm báo văn học ở hải ngoại – Khánh Trường - 2
Hà Nội một ánh lửa đã tắt - 6
Nhân cách Bình Nguyên Lộc - 7
Mai Thảo – Nguyễn Ngọc Tuấn - 10
Tản mạn về văn Mai Thảo – Trần Doãn Nho - 12
Mai Thảo còn đó một đời – Nguyễn Vũ - 23
Vài kỷ niệm với Bùi Giáng - 26
Đọc ở sao trời – Hoàng Hải Thủy - 30
Mai Thảo: “Cà phê sữa đá” – Du Tử Lê – 34
Sáng Tạo - Võ Phiến - 35
Những ngày cuối năm - 36
Mai Thảo (1927-1998) – Thụy Khuê - 38
Mai Thảo. Mãi mãi. Ký ức – Du Tử Lê – 55
Mai Thảo - Cao Xuân Huy – 61
Luân – 62

(Tim bài đọc: ở “Keyboard”, nhấn nút “F5”, đánh số trang, rồi “Enter”)

Làm báo văn học ở hải ngoại Khánh Trường

I. Mai Thảo và tạp chí *Văn tục bản tại Hoa Kỳ*

Nằm ngay trung tâm 'Tiểu Sài Gòn', khu building gồm nhiều phòng nhỏ, mỗi phòng được xem như một đơn vị gia cư (chỉ dành riêng cho người già.) Cạnh cầu thang của tầng trên, phía dưới ba con số bằng đồng đã xỉn màu là hai chữ 'Mai Thảo' (có lẽ cắt ra từ tạp chí *Văn*) được dán phủ bằng băng keo trên cánh cửa gỗ nâu sẫm. Cánh cửa luôn đóng kín. Như một qui ước riêng, anh em thân thiết sẽ dễ dàng nhận biết ông có mặt bên trong hay không nhờ vào tấm màn cửa sổ (cạnh cửa chính) kéo ra phân nửa hay phủ kín toàn phần. Một đôi khi cần nghỉ ngơi hoặc không muốn tiếp ai, ông cũng dùng 'qui ước' đó thay lời tiễn khách.

Bên trong, một giường cá nhân kê song song sát tường nhìn ra cửa chính. Chỗ chân giường, một kệ gỗ thấp trên đặt vài ba chiếc cốc, cái phin lọc cà phê, chiếc ấm sắt cũ, gói mì ăn liền, phong bánh ngọt, cuốn sách, tập báo... Dưới gầm kệ: chiếc lò điện tuổi tác chắc không kém cái ấm nước, đôi dép da, cái máy hút bụi loại cầm tay... Bàn viết sau cửa sổ, trên mặt bàn, những trang bản thảo đang viết dở (thường là mục 'sổ tay') nằm ngay ngắn, thường trực, để có thể bất cứ lúc nào cũng cập nhật được những tin tức liên quan đến văn học, chính trị, thời sự trong chu kỳ một tháng. Trợn vì tường phía tay phải nhìn vào từ cửa chính là ba bốn hàng gạch chồng lên nhau, gác ngang qua bằng những tấm ván dài, kín đầy sách. Đa số sách tiếng Việt của văn hữu hoặc nhà xuất bản gửi tặng, xen kẽ vài mươi cuốn sách Pháp. Chiếc tủ lạnh loại cá nhân đặt gần cánh cửa nhỏ ngăn chia 'phòng khách' và buồng vệ sinh, phía trên hàng chục chai rượu đã uống cạn, một hai chai đang uống dở. Cạnh đó, chiếc TV 12 in. mở thường trực. Rải rác trên những mặt tường còn lại, nhiều chân dung (ảnh chụp, sơn dầu, phác thảo mực Tàu) của nhà văn do thân hữu thực hiện xen kẽ những ấn bản tranh Van Gogh, Gauguin, Miro, Matisse... Căn phòng chỉ vồn vện mười sáu thước vuông, kể cả buồng vệ sinh. Chật. Nhưng tất cả đều ngăn nắp, trật tự, sạch sẽ.

Đó là 'toà soạn' tạp chí *Văn*.

Đó là nơi làm việc, ngơi nghỉ, nấu nướng, ăn ngủ của chủ nhiệm kiêm chủ bút kiêm thư ký toà soạn kiêm kỹ thuật mỹ thuật kiêm phát hành kiêm thủ quỹ và kiêm... tùy phái. Nhất kiếm trấn môn liên tục mười năm nay!

Đó cũng là nơi, vào một số ngày nhất định trong tháng, ông ngồi trước chông bao thư cao ngất trên năm trăm cái, dán ngay ngắn từng con tem, cẩn trọng viết tên từng độc giả, xem lại tỉ mỉ từng địa chỉ (cái nào vẫn giữ nguyên, cái nào vừa thay đổi, cái nào thêm, cái nào bớt, cái nào sắp hết hạn cần nhắc nhở.) Công việc lẽ ra chỉ giải quyết trong hai tiếng đồng hồ, nếu sử dụng máy dập tem và đưa danh sách độc giả dài hạn vào computer (nhà thơ TYT và nhà báo ĐNY từng nhiều lần tình nguyện làm giúp.) Nhưng vẫn nhất định giải quyết theo lối 'thủ công nghệ'. Hỏi tại sao? Trả lời: "Tôi thích thế. Các bạn làm hai giờ, tôi làm hai ngày, đã sao?" "Có sao chứ, thưa anh, tốn thì giờ vô ích." "Không vô ích đâu." Và giải thích: "Nhiều độc giả gửi thư về, nhận xét: mười năm nay, suốt chiều dài của tuổi thọ *Văn*, chưa một lần báo thất lạc, và vẫn tuồng chữ đó, mười năm không thay đổi. Cảm động lắm sự thủy chung, trân trọng của nhà văn đối với độc giả." Dùng lại để rít dài một hơi thuốc, tiếp: "Tôi không muốn sử dụng những tiện nghi của máy móc là vì vậy. Làm như tôi đang làm tuy cực đôi chút nhưng chắc chắn sẽ tạo được cảm tưởng gần gũi giữa chúng ta, những người viết, và họ, những người đọc."

Đó cũng là nơi, hằng đêm, vào những khuya khoắt, ngật ngật ra khỏi giấc ngủ chập chờn, ông trở dậy, bước đến chiếc tủ lạnh, với tay cầm chai rượu rót ra ly... Và giữa tịch mịch của đêm sâu, giữa lũ bàn ghế chần giường sách vở cặm nín vô hồn, trước màn ảnh tivi xanh đỏ, trong

tay ly rượu hết vơi lại đầy, ông vừa uống vừa kiên nhẫn chờ đợi một ngày mới. Một ngày như mọi ngày! "Đêm, không ngủ được, chỉ mê đi vài tiếng, rồi lại thức, lại uống - cười - không uống thì làm gì?" Hỏi, như một lối chấm câu, đề tiếp: "Uống mãi vẫn chả hết đêm... Thì bày chén bát soong nồi ra, ta nấu gói mì, ta luộc quả trứng. Thế là vừa uống vừa ăn vừa xem TV. Hừm... thích lắm cơ." Một lần, thích. Hai lần, thích. Ba bốn năm sáu lần, có thể còn thích. Nhưng như thế, đã bao nhiêu năm (mỗi năm ba trăm sáu mươi lăm ngày!) Chúng ta hãy tưởng tượng đi. Một mình, với đêm!

Đó cũng là nơi trở về sau buổi tối cùng anh em ở những hàng quán. Trong lòng băng ghế trước, ông ngồi so vai lạng lẽ giữa âm thanh nổ trầm một nhịp của động cơ xe hơi. Năm phút, mười phút... bỗng ngẩng đầu nhìn lên vòng cửa sáng đèn, rồi nhìn gã 'tài xế' (cũng là bạn rượu), cất giọng: "Bây giờ... lên trên ấy... Buồn nhỉ?" Giọng nói nhỏ nhẹ, trầm tĩnh, nhừa nhựa hơi men. Không phải lời ta thán. Nhưng mà, nhưng mà... nó xoáy vào tai, nó làm trái tim đau quặn, nó mở ra trước mặt người nghe cái thế giới quanh hiu hoang lạnh một cuối đời.

Đó cũng là nơi, nhiều ngày, nhiều tuần, tấm màn cửa sổ mãi khép toàn phần, cánh cửa màu nâu sẫm mãi đóng cầm lặng: Ông đang lang thang đâu đó trong một thành phố khác, một quốc gia khác, một tiểu bang khác. Những chuyến đi, những cảnh thổ mới, những bè bạn năm châu. "Vẫn vậy, hết rồi những ngạc nhiên, những bàng hoàng, những niềm vui bất chợt. Đi không có nghĩa như một tìm kiếm cái lạ cái hay. Đi chỉ giản dị là đi. Bời ở đâu thì cũng thế, ở đâu thì cũng là di chuyển một bàn rượu này qua một bàn rượu khác." Và mỉm cười hom hem: "Ngày xưa Nguyễn Tuân mơ ước lúc chết sẽ được thuộc da làm chiếc va-li. Thời trẻ tôi yêu lắm ước mơ này của Nguyễn. Bây giờ, ngắm nghĩ, đi như ông ấy thì... 'ra cái đêch gì'."^[1]

II. Những tình cờ định mệnh

Tôi yêu hội họa. Từ ấu thơ, tôi đã mơ sẽ có ngày nào đó, trong

đời, tên tuổi tôi trở nên quen thuộc, được nhiều người hâm mộ, như một họa sĩ.

Lớn hơn tí nữa, định mệnh đẩy tôi vào một ngã rẽ khốc liệt, chính cây bút chì than và tập giấy *croquis* giúp tôi đứng thẳng được trên đôi chân yếu, để tiếp tục bước về phía trước, làm người. Bản vẽ đầu tiên của tôi năm 13 tuổi được trả bằng tiền. Từ đó đến bây giờ, tôi đã sống, đã nuôi vợ nuôi con và nuôi chính bản thân mình chỉ bằng một nghề duy nhất: hội họa (tôi dùng chữ hội họa trong nghĩa phổ thông, gồm tất cả mọi công việc ít nhiều liên quan đến cọ sơn, màu sắc: tôi từng là thợ kẻ bảng hiệu; vẽ chân dung truyền thần; vẽ quảng cáo báo chí; vẽ dương bản trên phim để giới thiệu các sản phẩm thương mại (dầu cù là, thuốc nhuộm tóc, bột ngọt Vị Hương Tố, xà phòng Cô Ba, sữa hộp Con Chim... chiếu chào hàng trong các rạp chiếu bóng; vẽ *pano* cổ động gắn hai bên hông xe buýt, trên các lầu cao, và ngoài xa lộ. Tôi cũng đã từng trình bày bìa sách, bìa băng nhạc, logo, nhãn bao bì cho các cơ sở sản xuất hàng tiêu dùng. Cuối cùng, "có trình độ" hơn, tôi sáng tác tranh bằng sơn dầu, màu nước, bột màu... và triển lãm vung vít.) May mắn, những sản phẩm thương mại hạ cấp ấy thường được đánh giá "có chất lượng". Nhờ thế, tôi sống. Ngay cả chuyện vượt biển "tìm tự do", định mệnh cũng sắp xếp cho tôi bằng con đường hội họa: một cậu học trò (học vẽ) đã cho tôi một chỗ ngồi trên chiếc tàu đánh cá nhỏ bé với sức chứa tối đa 22 nhân mạng do cậu làm chủ.

Xuyên qua quá trình đầy thử thách đó, tôi nghĩ, và yên trí, suốt đời, sẽ chẳng còn con đường nào để chọn lựa cho hướng đi (đến nghĩa trang) của mình, ngoài con đường duy nhất, và cũng là con đường tôi hằng mơ ước thuở thiếu thời: hội họa.

Nhưng, như tất cả mọi chúng sinh khác trong "cõi nhân gian bé tí" này, có nhiều tình cờ không định trước đã đẩy số phận mỗi chúng ta vào những khúc quanh... tiền định.

Từ hội họa, bất ngờ, tôi rơi vào lĩnh vực văn chương, báo chí.

Đó là thời gian đầu vừa đặt chân đến Mỹ. Đang loay hoay chưa biết phải làm gì, tôi được một người bạn giới thiệu với Du Tử Lê. Lúc ấy anh đang làm chủ nhiệm kiêm chủ bút tuần báo *Tay Phải*. Anh hỏi tôi "đã định làm gì chưa", tôi bảo chưa, anh liền đề nghị: "Thế thì về làm báo với mình, cho vui." "Tôi biết gì mà làm?" "*Lay-out*, tay ngang còn làm được, hướng gì anh là họa sĩ."

Đúng như Du Tử Lê nói, chỉ cần một tí khéo tay, thêm một tí kiến thức tối thiểu về mỹ thuật, ai cũng có thể trở thành chuyên viên *lay-out*. Tôi lại có thêm lợi điểm: dư khả năng lấp đầy những khoảng trống còn thừa trong các cột báo bằng những minh họa. Thi sĩ họ Lê có vẻ hài lòng vì đã nhật được một gã phụ tá... sáng trí, đa năng (!!!) Anh bèn đẩy sự hài lòng cao hơn tí nữa: một hôm, báo thiếu bài, anh nói với tôi: "KT viết hộ cái gì nhé."

Viết? Đề nghị thật bất ngờ. Tôi vốn mê đọc, là đọc giả trung thành của tất cả nhà văn nhà thơ lớn bé thuộc mọi thành phần, giai cấp, trình độ, trường phái, khuynh hướng, phe nhóm, chủ trương, quốc tịch... Từ *Bên dòng sông Trẹm* đến *Bàn tay máu*, từ "một đèo một đèo lại một đèo" đến "ô hay con gái bay nhiều quá / đôi cánh tay mềm như cánh chim", từ "em là gái trời bắt xấu" đến "tôi gọi tên tôi cho đỡ nhớ", từ *Thung lũng tình yêu* đến *Hố thẳm tư tưởng*, từ *Lũ người quỷ ám* đến *Chiến tranh và hòa bình*, từ *Chuông gọi hồn ai* đến *Âm thanh và cuồng nộ*, từ *Buồn nôn* đến *Dịch hạch*... Tôi đọc tuốt tuốt bất cứ cái gì vớ được. Nhưng viết thì chưa bao giờ. Tôi không mặn với chuyện viết lách. Bạn tôi, ở Sài Gòn trước và sau 1975, nhiều tên cầm bút, và tên nào trông cũng... không giống ai, khiến tôi... nhợn (và nhờn!) Tuy nhiên chưa bao giờ không có nghĩa chẳng bao giờ. Ừ, thì viết. Thử xem. Thế là vài ba bút hiệu lằng nhằng nhảm nhí lần lượt xuất hiện. Lâu dần, trở thành quen. Và cũng lâu dần, nghề dạy nghề, tôi lên... lão làng, trong lĩnh vực "bán chữ" (dù loại) cho các tờ báo tuần, báo tháng.

Vào khoảng năm 1989 (nếu tôi nhớ không lầm) chị Nguyễn Mộng Giác cùng các cháu từ Việt Nam sang. Để có đủ thì giờ lo cho gia đình, anh Giác giao lại tờ *Văn Học* do anh làm chủ nhiệm kiêm chủ bút cho ba anh Trịnh Y Thư, Cao Xuân Huy và Hoàng Khởi Phong. Ba ông chủ mới của tờ *Văn Học* có tài viết lách song lại thiếu... tài làm đẹp những trang chữ. Nghĩa là phải cần thêm một anh "chuyên trị" phần hình thức cho tờ báo. Trong đám "sinh hoạt chữ nghĩa" ở quận Cam, hình như tôi có tí khả năng, lại không ngại chuyện cõm nhà ngà voi, do đó, được ba ông vờ về, gán lon "giám đốc mỹ thuật" (nghe lẩm liệt như vừa được phong hàm... đại tướng!) Lâu nay chỉ loay hoay giữa rừng lá cải lá đa, tôi đã bị mang tiếng là phờng... buồn lá (chính xác hơn: phờng lá chữ). Nay, được thăng cấp, nên dù hiểu nếu làm công cho các tờ báo biểu thì tuy không thừa ăn thừa mặc, nhưng cơ bản vẫn lương tiền đâu ra đó, còn làm cái chức lớn "giám đốc mỹ thuật" cho tạp chí *Văn Học*, chắc chắn chỉ được quyền uống... nước lã. Ai có tí liên hệ với ngành báo hải ngoại đều biết báo biểu kinh doanh bằng quảng cáo (nhiều tờ sống hùng sống mạnh, có khả năng tạo được xe đẹp nhà sang cho các ông bà chủ nhiệm.) Ngược lại, báo *Văn Học* (và những "con" tương cận) không có quảng cáo, sống hay chết hoàn toàn nhờ vào độc giả. Mà độc giả ở hải ngoại vốn đã ít, lại càng ít thêm theo thời gian. Tờ nào trụ được không phải bù lỗ đã là may mắn, nói gì đến chuyện thủ lao cho những người thực hiện!

Cũng như *Tay Phái* của Du Tử Lê, thỉnh thoảng *Văn Học* đòi bài. Đệ nhất, đệ nhị chủ bút Trịnh Y Thư, Hoàng Khởi Phong lười viết, tổng thư ký Cao Xuân Huy lo đánh máy bài vở, không có thì giờ. Nhìn quanh, chẳng còn ai, thế là nhị vị chủ bút bèn đồng dục ra lệnh: "Số này còn thừa 10, 15 trang, KT viết cái gì đi!" Từ việc viết lách lằng nhằng tán tụng ca sĩ, bốc thơm đào kép mu vi... sang lĩnh vực văn chương chữ nghĩa nghiêm túc, hẳn nhiên khác nhau như trăng với đèn. Nhưng mà, (lại) thử xem. Thế là, ngoài những "bút hiệu" tôi từng ký dưới các bài báo lá đa lá mít (ngày nay, thực tình, tôi không nhớ nổi một tên, để sau này dặn dò con cháu đưa vào gia phả!), lần đầu tiên, tôi hiện ngang ký tên thật dưới các sáng tác.

☐

Trước đó, và trong thời gian cùng anh em coi sóc tạp chí *Văn Học*, tôi đã quan niệm văn chương là cái của muôn đời. Chế độ nào, chủ nghĩa nào rồi cũng sẽ tàn lụn với thời gian, duy văn học nghệ thuật sẽ còn đó, mãi mãi, nếu thực sự đó là những sáng tạo giá trị. Vì vậy, tôi chủ trương nên mở rộng cửa tiếp nhận tất cả mọi thành tựu, của thế giới, nói chung, Việt Nam, nói riêng, không phân biệt trong nước hay hải ngoại, càng không băn khoăn tìm hiểu vị trí xuất thân của người đã khai sinh ra tác phẩm. Mặc kệ ông ta (bà ta) là nhà văn, nhà thơ của Việt Nam Cộng Hòa xưa kia, hay của "thế giới lưu vong" hôm nay, hay của Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa

Việt Nam bây giờ. Một hai trăm năm nữa, người đọc sẽ chẳng bao giờ thắc mắc như chúng ta đang thắc mắc. Vậy, vấn đề chỉ giản dị: tác phẩm ấy hay hoặc dở. Xứng đáng nằm trang trọng trên các trang báo *Văn Học*, hay chỉ nên ném vào sọt rác. Thế thôi. Và chỉ thế thôi.

Tôi đưa ý kiến này ra bàn với anh em, và đề nghị nên tìm đọc, mời, chọn đăng những sáng tác hay của các nhà văn nhà thơ trong nước. Trịnh Y Thư bản chất hiền lành, không muốn mất lòng anh em, xin theo quyết định của đa số. Hoàng Khởi Phong chín chắn, bảo "Chưa đúng thời điểm". Riêng Cao Xuân Huy cực lực phản đối, tuyên bố rất "quân phiệt": "Cái gì dính líu đến Việt Cộng là tao không ưa, dứt khoát". Như thế, đương nhiên tôi đứng về phe thiểu số (chỉ có một phiếu ủng hộ duy nhất của... chính tôi!)

Thua, nhưng trong lòng vẫn ấm ức. Ý định xuất bản một tờ báo có chủ trương hợp lưu mọi dòng văn học về một mối manh nha trong đầu. Tôi tìm gặp vài anh chị em khác: Nhật Tiến, Đỗ Khiêm, Vũ Huy Quang, Lê Bi, Nguyễn Hương, Thân Trọng Mẫn, Phạm Việt Cường, Nguyễn Hoàng Nam, Nguyễn Mạnh Trinh... và liên lạc bằng điện thoại, thư từ với nhiều anh chị em khác nữa, cư ngụ ngoài Cali và nước Mỹ. Điều tôi không ngờ: hầu hết các văn nghệ sĩ tôi tiếp xúc đều tán đồng chủ trương của tôi. Chẳng những thế, ngoài bài vở, sáng tác, họ còn sẵn sàng đóng góp tiền bạc để tôi có thể xuất bản tờ báo như ý muốn.

Như thế, với nhiều công sức tài lực của nhiều anh chị em, *Hợp Lưu* ra mắt số đầu tiên đầu tháng 10 năm 1991.

Tám năm trôi qua. Bao nhiêu sóng gió. Nhất là giai đoạn đầu, gần như tuần nào, tháng nào, trên hầu hết các tờ báo, *Hợp Lưu* và nhóm chủ trương, nhất là tôi... cũng bị đem ra làm bia tập bắn. Nhẹ, lời lẽ ôn hoà xây dựng; nặng, bỉ thử thô lỗ, có khi mang cả đời tư của chúng tôi và những hệ lụy cật ruột ra bêu rếu, ném bùn. Nhiều tháng liền, cách vài ba đêm, giữa khuya, một cú điện thoại từ đâu đó gọi tới, đòi "đốt nhà, ném lựu đạn, bắn bỏ" cái kẻ "ăn cơm quốc gia thờ ma cộng sản", cái bọn "nằm vùng, đăm sau lưng chiến sĩ". Ban đầu, thấy mọi người thân trong gia đình lo sợ, khủng hoảng, tôi định đổi số *phone*. Nhưng nghĩ lại, vô ích, một tờ báo tất phải có địa chỉ và số *phone* tòa soạn. Làm sao giấu được. Vả, nghĩ xa hơn, tôi thấy hành động như thế nào khác gì trốn lánh, đào thoát. Hèn quá. Vì thế, tôi quyết định... chịu trận. Có khi cao hứng, tôi chọc lại bằng cái phong cách rất... nhầy dừ: hẹn các đảng hùng anh kia đến một công viên nào đó chọi tay đôi, hoặc đấu súng đấu dao tùy chọn lựa, bảo đảm không báo trước với cảnh sát. Tất nhiên tôi biết thừa: phạm những anh đấu võ mồm hung hăng nhất đều có những lá gan bé nhất, nên chẳng bao giờ tôi được hân hạnh "biểu diễn võ công". Và món võ lì này có hiệu quả. Gọi mãi, chửi mãi, hăm dọa mãi, vẫn thấy *Hợp Lưu* xuất hiện đều đặn, đúng kỳ trên các sạp báo ở các nhà sách. Những cú điện thoại thưa dần, rồi dứt hẳn.

Nhiều năm trôi qua, *Hợp Lưu* không chết, trái lại, mỗi ngày thêm vững vàng, nhờ lực lượng sáng tác được bổ sung đều, và nhờ độc giả tìm đọc ngày thêm đông. Cơ hạp hối (nhiều anh chị em đồng nghiệp ở xa vẫn nghĩ thế, vào những năm đầu) của *Hợp Lưu* thực sự đã bị đẩy lùi. Tờ báo đang sống, tờ báo sẽ sống, bình thường, như rất nhiều anh em đồng nghiệp khác.

Viết về những tình cờ định mệnh đẩy đưa một người cầm cọ đến cầm bút, và viết về kinh nghiệm đã trải qua trên mười năm "tắm gội" trong nghiệp báo, tôi nghĩ, cũng là một cách nào đó, tự trả lời cho chính bản thân một câu hỏi, rằng từ lúc chọn chữ nghĩa như nghiệp dĩ thứ hai, liệu tôi có lỗi lầm nào đáng chê trách? Tôi nghĩ, hình như có. Đó là, nhiều lúc tôi cảm thấy nản lòng, muốn buông trôi, bỏ cuộc. Nhiều lúc khác, không dần được bức xúc do mọi sức ép tâm tôi bên ngoài, tôi đã thả lỏng ngòi bút của mình, mặc cho những cơn giận dữ cuốn đi. Thuở còn sinh tiền, nhà văn Mai Thảo thỉnh thoảng vẫn bảo: "Chữ nghĩa đẹp để lắm cơ. Còn sống với chữ nghĩa thì phải cố mà nuôi dưỡng nó cho đàng hoàng."

Sống đàng hoàng với chữ nghĩa, tôi cho là điều khó khăn nhất, và cũng là điều cần nhiều nỗ lực nhất, đối với một người cầm bút.

Hà Nội một ánh lửa đã tắt

Thời kỳ tản cư ra khỏi thủ đô Hà Nội, bấy giờ là 46, toàn quốc kháng chiến lang thang suốt ba bốn năm liền ở mấy tỉnh phụ cận với năm cửa ô và ba mươi sáu phố phường là Sơn Tây, Hà Đông, Phủ Lý, buổi tối nào với tôi cũng có một khoảng thời gian nhỏ dành cho nhìn về Hà Nội. Đứng dưới một gốc cây, tôi trèo lên cành. Ở giữa một cánh đồng, tôi leo lên mặt đê. Một bụi tre làm cho khuất lấp? Tôi lần ra khỏi ngõ. Và như thế, đứng cái thế đứng chênh vênh trên một ụ đất, một gò đồng, tôi mê mải ném tầm mắt cho bay qua một khoảng trống trải rộng nhìn về cái phía có một vùng ánh sáng lung linh hư ảo bốc lên. Trời của chiến thời mới khởi dấy hồi đó, đêm nào cũng tối đặc như trời ba mươi tết. Tiêu thổ lướt qua như một bóng rợp khổng lồ, tất cả những thị trấn đã nằm xuống thành bình địa. Duy Hà Nội còn đứng vững với những kiến trúc tiền chiến và tiền khởi nghĩa, duy Hà Nội còn ánh sáng, còn mái ngói, còn cửa sổ, hàng hiên và những ngọn điện đường. Cho nên, giữa một địa hình làng xóm tối đen hoa mắt, bên này một vòng đai trắng, mà đứng ở đâu, tôi cũng quy định phương hướng Hà Nội thật dễ dàng, bằng vùng hào quang của Hà Nội ở xa xa, vùng hào quang chập chờn, nghi ngút, như dấy bốc lên từ một miệng lò vĩ đại. Màu hồng của lửa ném lên khoảng không mịt mù ở một góc trời, đó là cái ấn tượng, cái hình ảnh cuối cùng Hà Nội còn gửi đến cho tôi, tôi đã ở xa rồi, đêm tối vây quanh, nhưng tôi còn nhìn thấy lửa của Hà Nội, và lửa ấy đã cháy sáng trong hồn tôi thành một tình yêu lớn. Kể thức với đêm dài đến chán ngấy, đợi chờ một ánh nắng bình minh thấy cái đĩa mặt trời đỏ lửa hiển hiện, niềm vui có lẽ cũng chỉ ngang bằng với niềm vui mừng đầy xúc động của tôi, khi nhìn thấy vùng lửa xa của Hà Nội trong đêm. Suốt mấy năm đầu của một lưu động trường kỳ, tôi không rời được mấy khu vực kề cận với Hà Nội, tôi quần quanh với những hàng xóm Hồng Hà, tôi lưu luyến với những bãi bờ sông Đáy, nguyên nhân tình cảm sâu nặng kín thắm là ở đó, nơi tôi không rời xa một ánh lửa đêm, ánh lửa tạo cho tôi cái cảm giác Hà Nội còn gần, và phía lửa Hà Nội còn kia, tôi còn có thể một ngày trở về Hà Nội. Lửa của trời Hà Nội. Lửa hồng bên trên, Hà Nội dưới lửa. Lửa cháy thành năm ngọn, mỗi ngọn một cửa ô. Lửa đỏ ba mươi sáu tầng. Mỗi tầng một phường cũ. Nhìn thấy lửa Hà Nội xa xa chập chờn dấy bốc với tưởng tượng dẫn đường và hình dung phóng lớn, kết tụ từ một tổng hợp của ánh sáng muôn nghìn thành một vùng lửa lớn, tôi đã thấy được Hà Nội, qua từng khu phố, từng con đường. Lửa kia là của những ánh điện thấp thoáng lơ lửng buông rũ bên bờ Hoàn Kiếm, phản chiếu lên từ mặt nước Hồ Gươm. Chỗ sáng rõ nhất của hào quang ném thẳng lên trời kia, không thể khác hơn là khu trung tâm đông chật của Hà Nội, lửa nhiều như vậy là lửa của Hàng Ngang, Hàng Bạc, Hàng Đào. Những đường viền mờ nhạt hơn, lúc có, lúc không, lúc ngời lúc tắt kia là lửa ngoại ô, với những ngọn đèn cao trên đê Yên Phụ, những chụp bóng thấp lổ vào Cổ Ngự. Và cái hàng dài như một cánh tay, lan xa thành một mũi tên vàng trong bóng tối kia, là dãy lửa hai hàng lấp lánh chạy từ phố Huế chạy tới Bạch Mai, giữa leng keng tàu điện Kim Liên trong chuyến cuối cùng về Ô Đống Mác. Lửa Hà Nội nhìn xa như thế, mê đắm nghìn lần hơn khi Hà Nội nhìn gần. Trời cứ tối đặc ở ba phương. Riêng lửa một phương Hà Nội sáng. Nhiều đêm tôi không nhìn thấy vùng lửa ấy của Hà Nội. Đó là những buổi tối có sương mù, có mưa dăng, và trời hậu phương những đêm đó, đã không còn một quê hương nào cho tầm mắt nữa.

Rời xa Hà Nội thêm, thêm những cây số đường vào miền trong, thêm những cây số đường lên miền ngược, lửa Hà Nội bỏ lại bên kia những triền núi, và những cánh rừng, tôi không còn nhìn thấy. Nhưng đi xa thuở đó, tôi đã mang lửa Hà Nội lên đường. Trong mắt đã nhạt nhòa, mà đêm đêm nhớ về Hà Nội, lửa ba mươi sáu phố phường vẫn cháy sáng rực rỡ, một vùng trời lý tưởng. Hội lửa trong tôi về Hà Nội những năm đó chưa tắt. Còn bập bùng. Còn sáng rỡ. Những đêm đứng ở một đầu núi Thanh Hóa, những buổi tối đứng ở một lưng đèo Phú Thọ, xa cách với Hà Nội đã bằng một xa cách nghìn trùng, mà tầm mắt lữ thứ của tôi vẫn còn như sáng mãi vùng lửa ấy của địa hình Hà Nội trên trời Việt Nam đêm. Nói một cách khác, có thể là hết thấy, nhưng tôi vẫn nhìn về, nên Hà Nội vẫn sáng. Nói cho đúng hơn, lửa của Hà Nội đã có thể chỉ còn là thuần túy một ánh sáng tưởng tượng, nhưng tình yêu cũng lửa đỏ mà, tôi còn yêu, tôi

còn lưu luyến, tôi còn gắn bó, nên giữa tối đen nào, Hà Nội vẫn sáng ngời, vẫn lấp lánh trong tôi. Rồi tôi trở về Hà Nội. Rồi tôi vào Nam. Và một đêm lửa Hà Nội không còn cháy nữa. Bảy giờ là vào khoảng ba bốn giờ sáng. Bốn giờ sáng của một ngày tháng bảy của năm Việt Nam mang tên là đứt rời hai miền. Chiếc máy bay bốn động cơ vừa cất cánh từ phi trường Gia Lâm. Nửa đêm về sáng của khởi hành kín đặc sương mù. Phi cơ vừa rời khỏi phi đạo, lũ cỏ bãi nơi phi trường đã nhạt nhòa thành một biển sương đặc quánh. Chiếc phi cơ lượn vượt qua Hồng Hà, nghiêng cánh từ bên này Gia Lâm hướng về bên kia Giá Nứa lượn một vòng trên Hà Nội. Trên máy bay ngó xuống dưới biển sao tháng bảy hằng hà lấp lánh chưa từng bao giờ tôi được thấy lửa của Hà Nội lại dày đặc, trập trùng, muôn vàn như vậy.

Mỗi ánh đèn của Hà Nội đêm đó là một điểm lân tinh. Muôn vàn lân tinh của Hà Nội đã hóa thân thành biển. Có điều là, cùng với cháy sáng đồng loạt của lửa mà từ trên cái đường kính của một nghiêng cánh vịnh biệt, tôi đã đồng thời nhìn thấy trong cái cõi ba mươi sáu phố phường lấp lánh động ảnh phía dưới, từng ánh lân tinh của Hà Nội tàn dần. Đêm lên đường, cái hệ thống đèn lửa lỗ đố của Hà Nội đang dần dần khép mắt. Từng ngọn một. Từ Yên Phụ tới Kim Liên. Từ Quan Chưởng tới cầu Rền. Từ Mã Mây tới Bấy Mẩu. Bay lên khỏi địa hình Hà Nội, mỗi đốm lửa Hà Nội, trong tâm tưởng đã rời đứt vịnh viễn với thủ đô cũ ở nơi tôi, là một ánh tinh thể xuất thoát khỏi một tử thi đã lâm chung, đã ngừng thở. Khi người nữ chiêu đãi viên bảo tôi là máy bay lên cao, đã bay vào một đường thẳng, đang hướng về những vì sao phương Nam, tôi nhắm mắt lại. Đầu óc tôi phút đó tối đen. Với tôi, đêm đó lửa Hà Nội đã tắt. Tắt tới cái điểm le lói cuối cùng của lửa.

Nhân cách Bình Nguyên Lộc

Thời gian đầu, sau khi cộng sản đã lấy nốt được miền Nam là thời gian còn được để yên, chưa bị kết tội, chưa bị lùng bắt, tôi thường sáng sáng một mình đạp xe đạp qua một Sài Gòn tan nát tới thăm một nhà thơ và một nhà văn, người trước Bắc, người sau Nam, cả hai đều thuộc thế hệ trước tôi, cả hai đều đã tên tuổi lẫy lừng từ thời tiền chiến.

Những thăm viếng thường xuyên này của tôi, giữa Sài Gòn và trong đời lúc đó được đọc bởi hai điều. Một, hai khuôn mặt lớn ấy của văn học Miền Nam, từ quốc nạn 1975, đã đóng kín địa chỉ, dựng cao lũy hoa, cắt đứt với đời, không ra khỏi nhà, muốn gặp họ tôi phải tìm tới. Hai, giữa cái thế chế chuyên chính đã trùm kín, chưa bao giờ trong đời tôi lại cảm thấy sự cần thiết lớn lao phải giữ chặt lấy một số thân tình bền vững tôi hằng mến yêu và kính trọng. Và hai cái đối tượng của thăm viếng thường xuyên thì với tôi lại là hai niềm mến yêu và kính trọng vô cùng. Nhà thơ miền Bắc tôi vừa nói tới là Vũ Hoàng Chương. Và nhà văn miền Nam, Bình Nguyên Lộc.

Vũ Hoàng Chương thời gian đó ở khá xa, mãi bên vùng Khánh Hội, trong một ngõ hẻm khuất khúc giữa phường Cây Bàng, trên căn Gác Bút lừng tiếng, nơi thi sĩ bị công an cộng sản tới bắt đem giam nhốt vào khám Chí Hòa rồi trở về trong hấp hối lâm chung và lìa đời ở đó. Bình Nguyên Lộc ở gần hơn. Thăm viếng do vậy cũng ngắn đường hơn, trong cuối đáy một con ngõ yên tĩnh một thời Vũ Hoàng Chương đã ở, khu Cô Giang Cô Bắc, đầu ngõ là con đường Huỳnh Quang Tiên, khúc từ con ngõ nhìn ra có những vì tường xám của hãng thuốc lá MIC chạy dài trước mặt.

Tới ngõ, tôi xuống xe dắt bộ đi vào, và ngừng lại trước một căn nhà một tầng cổ cũ, căn nhà này là của gia đình Bình Nguyên Lộc, nhà văn chỉ mới dọn về ở một thời gian từ sau cái chết của người con trai lớn là Bác sĩ Giám Đốc Dưỡng Trí Viện Biên Hòa, để sống gần với người chị ruột ở căn nhà kế cận.

Mở cánh cổng thấp, dựa xe vào thành tường, bên cạnh hai chậu vạn niên thanh trần môn xanh ngắt, một màu xanh muôn thuở, tôi gõ nhẹ tay vào thành cửa đóng kín. Nhớ lần nào tôi cũng

phải đứng chờ ít phút, nhưng không lần nào phải trở về. Căn nhà yên lặng hoàn toàn. Tiếng gõ cửa ngân vào thật sâu thật xa ở bên trong, rồi là tiếng chân người đi ra. Rồi là cánh cửa hé mở từ từ và cái thân hình nhỏ bé, bộ đồ ngủ lụng thụng và cái mái tóc rẽ giữa duy nhất của văn học miền Nam, cái mái tóc rẽ giữa của Bình Nguyên Lộc.

Bao nhiêu lần như bao nhiêu lần, và cảm giác này càng rõ rệt những buổi sáng tới bạn sau vụ c thăm 1975, lần nào nhìn thấy Bình Nguyên Lộc, tao nhã, gầy guộc, trên cái nền mờ tối của căn nhà đóng kín, tôi cũng có được tức khắc, ở trong tôi, như một màu nhiệm êm đềm, một ấm áp và một yên tâm không thể nào tả được. Ấm áp như cái thể giới tiểu thuyết Bình Nguyên Lộc, không siêu hình, không gió bão, cái thể giới đã bốn mươi năm văn học ở trong đời sống và làm cho đời sống muôn vàn tươi thắm. Yên tâm như cái văn phong, cái nhân cách Bình Nguyên Lộc, dung dị mà bác học, đơn giản mà trí thức, Bình Nguyên Lộc con người và Bình Nguyên Lộc tác phẩm chính là niềm yên tâm lớn nhất một thời của văn học chúng ta.

Thấy anh, lần nào tôi cũng nói, cảm động thành thực:

- Còn được tới thăm anh.

Lần nào anh cũng cười:

- Còn được gặp anh. Vào đây.

Anh bảo tôi đưa xe vào nhà, kéo xe máy “hết đường tới thăm bạn”. Đoạn đóng cửa lại, bật ngọn đèn đầu giường và đi về phía sau đun một ấm nước.

Giữa đám sách vở, tài liệu bừa bộn, cạnh một chỗ nằm cũng là chỗ ngồi làm việc của ông, trước một khay trà, thật bình dân, không cầu kỳ như khay trà Vũ Hoàng Chương và những điều thuốc đen ông đốt theo một nhịp điệu đều đặn, tôi thường ở rất lâu với Bình Nguyên Lộc. Tới trưa. Tới sau trưa. Tới cái gạt tàn có ngọn. Tới bình trà nguội tiếp thêm một bình trà. Một vài lần còn tới giữa bữa cơm ông ấy lấy thêm bát đĩa ép tôi cùng ăn, bữa ăn cực kỳ thanh đạm, chỉ một soong cơm và một con cá khô hấp nóng. Phải, nhớ lần nào tôi cũng ở lại thật lâu. Với cái mái tóc rẽ giữa. Với những cử chỉ chậm rãi. Với cặp mắt thông minh sau làn khói. Với những đứng ngồi lên xuống từ tốn. Trong cái thể giới rất riêng tây, cách biệt của Bình Nguyên Lộc, càng riêng tây, càng cách biệt từ cộng sản đã vào tới Sài Gòn.

Những lần tới thăm Bình Nguyên Lộc như vậy, ông thường nói ít lời như một tạ lỗi, nhờ tôi nói lại với anh em, với mọi người. Rằng từ ngày người con trai lớn mất, ông đã chẳng muốn đi đâu. Rằng chứng áp huyết nặng tới kỳ chững di chuyển, những hợp mắt. Rằng “họ” đã vào tới rồi, thành phố là của “họ”, đời sống chẳng còn gì đáng thấy, đóng cửa trong nhà thôi.

Lập luận về một thái độ sống thu vào im lặng và ẩn dật, thoạt nghe ở Bình Nguyên Lộc tưởng thật dễ dàng. Sự thật, nó chẳng dễ dàng chút nào, với Bình Nguyên Lộc, với chế độ mới và Bình Nguyên Lộc, suốt thời gian ở đó. Và cái lý do giản dị chỉ là ông chẳng phải là một người viết văn như bất cứ một người viết văn nào mà là nhà văn hàng đầu, nhà văn lớn nhất miền Nam.

Bây giờ, đó là thời gian từ 30 tháng tư 75, tới đầu 76, Trung Ương Đảng Cộng Sản ở Hà Nội, tuy chưa phát động đàn áp và cầm tù văn nghệ sĩ, đã cho thi hành ở Sài Gòn một chính sách lũng đoạn hàng ngũ văn nghệ cực kỳ hiểm độc. Chính sách đó nhằm tạo kỳ thị, gây chia rẽ, giữa những nhà văn miền Bắc vào Nam trong đợt di cư 1954 với những nhà văn sinh trưởng ở Nam Phần. Suốt ba mươi năm văn học, Nam Bắc đã một nhà, Bắc Nam đã bằng hữu. Cộng sản muốn chấm dứt cái tình trạng hòa đồng tốt đẹp đó. Và người chúng đã dành hết mọi nỗ lực khuynh đảo là Bình Nguyên Lộc. Thoạt đầu là đám văn nghệ nằm vùng. Như Sơn Nam, Vũ Hạnh. Kế đó, đến nhóm văn nghệ của Mặt Trận Giải Phóng về thành, tạm thời được nắm giữ những địa vị quan trọng như Trần Bạch Đằng, Giang Nam, Anh Đức, nhiều kẻ đã quen biết Bình Nguyên Lộc từ xưa. Cuối cùng là đám nhà văn, nhà thơ công thần của chế độ và vào từ Hà Nội như Nguyễn Công Hoan, Chế Lan Viên, Nguyễn Đình Thi, Huy Cận. Tất cả, trên từng địa vị khác biệt, đã viết thư, điện thoại ân cần thăm hỏi tác giả Đò Dọc, về sức khỏe, về đời sống của ông, nói thân thể ông mãi an toàn, sinh kế vẫn bảo đảm, sự nghiệp không chôn vùi, ông vẫn nhà văn lớn. Tất cả đã lần lượt đến khu Cô Giang Cô Bắc, tươi cười, nhã nhặn gõ cửa xin gặp người trong ngôi nhà có hai chậu vại niên thanh. Bình Nguyên Lộc tiếp hết, từ tốn,

chững chạc vậy thôi. Duy có một lần, không sao được, ông phải tới dự đại hội văn nghệ thống nhất lần thứ nhất ở Bộ Thông Tin cũ đường Phan Đình Phùng. Kỳ họp này, Vũ Hạnh, Thanh Nghị báo cáo kể công, Sơn Nam đóng trò nhiệt tình khóc lóc, riêng Bình Nguyên Lộc ngồi im lặng từ đầu đến cuối, không chịu phát biểu một lời nào.

Đó là lần đầu tiên, cũng là lần cuối cùng. Cửa tiếp xúc Bình Nguyên Lộc với chế độ mới. Có nhân quen biết tương đối thân thiết nhất với anh là Giang Nam, được Thế Lữ ca ngợi là tiếng thơ cách mạng lớn nhất miền Nam, về Sài Gòn giữ chức vụ Chủ tịch Hội Văn Nghệ Giải Phóng, mặc dù đã viết cho Bình Nguyên Lộc một lá thư thật dài, thật tình cảm, cũng thất bại. Thư mời Bình Nguyên Lộc tới trụ sở Hội. Mời sinh hoạt. Mời hội họp. Mời viết lại. Và Bình Nguyên Lộc đã nhã nhặn viết một lá thư trả lời. Nói ông rất đau yếu. Nói bị chứng áp huyết. Nói chẳng còn làm được gì. Nói chẳng thể đi đâu. Nói xin được yên thân. Cuối cùng rồi mọi ve vuốt, mọi khuynh loát đều chịu thua, đều lùi bước trước sự nhã nhặn khước từ, trước cái nhân cách và sự tự trọng chói lọi của Bình Nguyên Lộc. Hồ đành để cho Bình Nguyên Lộc được cách biệt, được một mình, được vẫn mãi mãi là Bình Nguyên Lộc trong căn nhà đóng kín.

Nhân cách trí thức độc lập ấy của Bình Nguyên Lộc, thái độ tuyệt vời của người nhà văn miền Nam ở Bình Nguyên Lộc, không một lần nào, ông phê trương mà chúng tôi đều biết, cả miền Nam đều biết và sung sướng vô cùng và quý mến rất mực.

Nhớ Bình Nguyên Lộc ở xa, tin tức quê nhà đã lâu không nhận được, chẳng biết vẫn còn hay đã mất, những lần sau cùng tới khu Cô Giang Cô Bắc, hình ảnh hai chậu vạn niên đại xanh ngắt một màu xanh muôn thuở trước ngôi nhà văn học đóng kín, lại trở về, xanh ngắt trong tôi. Bình Nguyên Lộc. Cái mái tóc rẽ giữa, hai miền trung dung phân định như tấm lòng người quân tử một đường ngôi đời thẳng tắp. Bình Nguyên Lộc, bộ đồ lụa trắng, rất thông phán tòa sứ, rất trắng nước miền Nam, trên chiếc cyclo đạp chậm đưa ông tới gặp các tòa soạn Nghệ Thuật, Văn, Văn Đề chúng tôi làm, phần lớn là anh em nhà văn miền Bắc. Không có Nam Bắc với Bình Nguyên Lộc, chỉ có văn chương, chỉ có hợp tác, chỉ có bằng hữu. Tôi làm biếng lắm, ít khi đi đâu, đến chơi tôi nhé. Thân tình, hòa nhã. Cái truyện ngắn này dực tôi viết gấp, thì phải viết gấp, không được tốt lắm, thôi dùng tạm vậy. Nhũn nhặn, bình dị. Một năm trong bốn năm liền cùng ở chung trong Hội Đồng Giám Khảo giải thưởng Văn Chương toàn quốc, ông từ chối nói chứng áp huyết không còn leo nổi những bậc thềm cao của Dinh Độc Lập, cặp mắt đã yếu chẳng thể nào đọc hết được những tác phẩm dự thi. Nài mãi mới nhận. Nhưng cười, giao hẹn: "Vây phải đọc hết giùm tôi, rồi đưa cho tôi đọc mười cuốn khá nhất." Nghiêm chỉnh. Ngay thẳng. Năm đó, ông không vào Dinh Độc Lập được thật. Những bậc thềm cao quá cho tài viết hàng đầu.

Rồi là cái công trình Văn Học cuối đời của Bình Nguyên Lộc. Cuốn Nguồn Gốc Mã Lai Của Dân Tộc Việt Nam đã phác thảo, đã in thành sách, trọn năm năm trời, tìm kiếm, sưu tập, thu thập thêm một kho tàng tài liệu mới, đã hoàn tất thành một biên khảo vĩ đại hơn một ngàn trang. Cộng Sản vào Nam. Thiên biên khảo kỳ công vẫn còn là bản thảo. Một lần tới thăm, tôi hỏi Bình Nguyên Lộc về công trình văn học đó. Và đó cũng là lần thứ nhất tôi thấy Bình Nguyên Lộc buồn phiền và thất vọng. Trèo qua cái giường ngủ, ông lấy từ một giá sách cao xuống một tập bản thảo nặng chĩu, trao nó cho tôi. Giọng ông trào lộng mà nụ cười thật buồn:

- Nó đây.

Và chỉ tay lên cái giá sách bụi bặm:

- Kia là mồ chôn nó.

Kể đó, ông thuật cho tôi hay về số phận của thiên biên khảo lịch sử, mà nguồn gốc dân tộc Việt, theo sử quan và chứng minh Bình Nguyên Lộc, không từ miền Bắc xuống mà từ biển ngoài vào. Một nhóm những người cao cấp về biên khảo lịch sử của nhà nước Cộng Sản từ Hà Nội vào, được nghe nói về công trình biên khảo này của Bình Nguyên Lộc. Họ tới. Tổ lòng ngưỡng mộ, rồi xin được mượn tập bản thảo về đọc, nói sẽ có nhận xét, sẽ có thảo luận. Mấy tuần sau, tập bản thảo được gửi trả lại với một lá thư ngắn nói quan điểm lịch sử nói chung và nguồn gốc dân tộc nói riêng của Bình Nguyên Lộc hoàn toàn thoái hóa và sai lầm đối với quan điểm biện chứng duy vật lịch sử cách mạng, khoa học và tiến bộ.

Thuật lại xong, ông lắc đầu, sự thất vọng hiện rõ nhưng giọng nói vẫn từ tốn:

- Thế là gạt bỏ, thế là phủ nhận. Nói là để đối chiếu, để thảo luận, mà không có gì ráo trọi. Tôi buồn vì cái công trình của mình, nhưng buồn hơn cả là cái sự gạt bỏ của miền Bắc đối với sách tôi không phải là một thái độ văn học, không hề được đặt trên căn bản văn học. Nói đến văn học, tuyệt đối không thể nói đến một lập luận, một giá trị độc tôn nào. Phải nhiều lập luận khác biệt, phải nhiều khái niệm đối nghịch, một vấn đề văn học, một nghi vấn lịch sử mới được chiếu sáng. Khoa học lịch sử thiết yếu phải có được yếu tính và tinh thần đó. Tôi buồn nhất là ở cái sự không có tranh luận, không có đối thoại ấy mà thôi. Chứ không hoàn toàn vì sách tôi không bao giờ còn hy vọng được in ra.

Tập bản thảo nghìn trang, mồ chôn là cái giá sách bụi bặm. Hai chậu vạn niên thanh xanh ngắt một màu xanh muôn thuở. Trí thức dựng cao lũy hoa. Một nhân cách chói lòa trong tự trọng một đời, đã tám năm im lặng trong ngôi nhà đóng kín. Chẳng bao giờ tôi còn được sàng sảng tới thăm Bình Nguyên Lộc nữa và Vũ Hoàng Chương đã mất. Nhưng ở thật xa và cách thật lâu rồi mà rõ thì vẫn thật rõ. Về Bình Nguyên Lộc, nhà văn miền Nam hàng đầu của văn học ta rõ bởi cái ánh sáng ấy, cái ánh sáng của một nhân cách rực rỡ, tôi đã nhìn thấy không ngừng, sau đổi đời và giữa cộng sản, sáng sáng đạp xe qua một Sài Gòn đổi chủ ngừng xe lại trước nhà có hai chậu vạn niên thanh.

Mai Thảo Nguyễn Ngọc Tuấn

Trong bài "Thơ Mai Thảo, tiếng mưa thềm rơi trên Nam Hoa Kinh" trước, đăng trên Văn Học số 49 (1990), sau, đăng lại trên Hợp Lưu số 16 (1994), tôi đưa ra luận điểm: đặc điểm nổi bật nhất trong văn xuôi Mai Thảo là chất thơ, và Mai Thảo, tự bản chất, là một nhà thơ. Tuy nhiên, tôi không hề có ý định xem thơ là phần chính trong sự nghiệp văn học của ông. Làm thế là tội nghiệp cho ông: thứ nhất, nó có vẻ như một lời chê trách, ngầm ý cho cả đời ông là một sự nhầm đường; thứ hai, thơ Mai Thảo hay, có bài thật hay, nhưng nhìn chung có lẽ đó không phải là một cái hay có khả năng mở ra những ngã rẽ quan trọng. Trong thế giới thơ, Mai Thảo là một thứ trái muộn, nó chín vào cuối mùa. Như Quách Tấn, cuối mùa cổ điển. Như Vũ Hoàng Chương sau năm 1954, cuối mùa lãng mạn. Cái đẹp của thơ Mai Thảo, tuy mạn mà và sắc sảo, vẫn là một cái đẹp về chiều. Của những mệnh phụ. Của những tà dương. (Nhớ hai câu thơ của Lý Thương Ẩn, đời Đường: Tịch dương vô hạn hảo / Chỉ thị cận hoàng hôn.)

Tập Ta thấy hình ta những miếu đền là một một kết thúc đẹp chứ không phải là một ngọn đỉnh trong cuộc đời viết lách của Mai Thảo. Dù rất yêu thơ và dù mang tâm hồn của một nhà thơ, sự nghiệp Mai Thảo, nhìn chung, chủ yếu vẫn là sự nghiệp của một nhà văn.

Với tư cách là một nhà văn, nơi Mai Thảo có vẻ như thành công nhất lại là nơi ông thất bại một cách thảm hại: Đọc lại những cuốn tiểu thuyết một thời rất ăn khách ở miền Nam, sau này được in lại tràn lan ở hải ngoại của Mai Thảo, dù thương ông đến mấy, tôi nghĩ, chúng ta cũng nên thẳng thắn thừa nhận một điều là chúng chỉ là những cuốn tiểu thuyết đẽo đẹp. Cố gắng lắm, tôi cũng chỉ đọc vài chục trang là phải buông sách xuống. Hình như nhiều người trong giới cầm bút cũng có tâm trạng tương tự. Người ta hoang mang: một mặt, người ta vẫn không dám nghi ngờ tài năng và tầm vóc của Mai Thảo, mặt khác, bằng khiếu thẩm mỹ trung bình, người ta cũng thấy nản lòng trước những cuốn tiểu thuyết màu mè và đầy mùi sơn phấn của ông. Tôi có cảm tưởng, đó là lý do chính của hiện tượng, cho đến nay, phần lớn những bài viết về Mai Thảo đều tập trung vào cá tính và vào cuộc đời của ông hơn là vào tác phẩm hay là sự nghiệp của ông. Làm như con người của ông lớn hơn sự nghiệp của ông và sự nghiệp của ông thì lại lớn hơn tác phẩm của ông.

Nhưng điểm đặc biệt nhất ở con người của Mai Thảo là gì? Nhiều người đã viết: đó chính là tình yêu nồng nàn và trong sáng của ông đối với văn chương. Suốt đời ông chung thủy với chữ nghĩa; ông không làm bất cứ một nghề gì khác ngoài việc cầm bút. Một mặt, tôi hoàn toàn không có chút nghi ngờ gì về những điều đã được nhiều người khẳng định này, mặt khác, tôi lại quan niệm, với tư cách là một nhà văn, cái tình yêu quá thiết tha ấy đã làm hại Mai Thảo không ít. Theo tôi, trong một xã hội mà lượng độc giả quá ít và trình độ độc giả nói chung lại khá thấp như xã hội Việt Nam, để sống bằng ngòi bút, người ta không thể không cúi xuống vồ về những thị hiếu kém cỏi của quần chúng: từ tình yêu đối với văn học, người ta dần dần đi vào con đường tự huỷ về thẩm mỹ và nghệ thuật. Không phải ngẫu nhiên mà phần lớn tác phẩm của tất cả những cây bút ăn khách nhất của miền Nam ngày trước cần được loại bỏ để bức chân dung văn học của họ không bị tổn hại. Mai Thảo cũng thế: không có gì làm hại ông một cách hữu hiệu cho bằng cứ cho in đi in lại những tác phẩm được xem là ăn khách của ông ngày trước như cái điều người ta đã và đang làm lâu nay.

Mai Thảo nhất định không phải là nhà văn thích hợp với hình thức toàn tập. Mai Thảo chỉ là người của những tuyển tập. Điều Mai Thảo cần nhất là một người biên tập, một editor, một kẻ chọn lọc giúp ông những tinh túy bị ẩn khuất đâu đó dưới hàng tá tác phẩm được sáng tác vội vã như những mối tình nhẹ dạ với một giới độc giả nào đó.

Trong những cái gọi là tinh túy ấy chắc chắn là có khá nhiều truyện ngắn. Cho đến nay, không hiểu vì lý do gì, các truyện ngắn của Mai Thảo vẫn không được tái bản ở hải ngoại, trong khi, theo tôi, đó mới chính là thể loại Mai Thảo thành công nhất. Truyện ngắn của ông pha nhiều chất tùy bút. Chúng rất gần với thơ: đọc xong, cái còn lại, thật sâu đậm trong tâm trí độc giả, ở những truyện ngắn ấy, là một màu sắc, một khí hậu hay một giọng điệu. Một cái gì thật mỏng lung, man mác, rất khó nắm bắt nhưng cứ đọng lại mãi. Có truyện ngắn của ông, đã gần ba mươi năm tôi không đọc lại, vẫn còn phảng phất trong đầu óc của tôi. Như một thoáng sương mờ. Hay một thoáng hương mơ. Nhẹ nhàng. Lãng đãng.

Dẫu sao, có lẽ Mai Thảo cũng chưa phải là người viết truyện ngắn xuất sắc nhất của Việt Nam. Dù của một miền. Dù trong một thời. Truyện ngắn của Mai Thảo hay, có truyện thật hay, nhưng tôi có cảm tưởng chúng vẫn thiếu cái gì đó để được xem là những truyện ngắn lớn. Giá như không có truyện ngắn của Mai Thảo, chắc thế giới truyện ngắn Việt Nam hiện đại sẽ nghèo đi một ít nhưng không phải vì thế mà bị còm cõi hay dị dạng hẳn đi. Nhưng nếu không có Mai Thảo, diện mạo văn học miền Nam thời 1954-1975 cũng như diện mạo văn học hải ngoại từ năm 1975 đến nay sẽ khác đi rất nhiều. Không phải truyện dài, không phải truyện ngắn, cũng không phải thơ, điều gì ở Mai Thảo có khả năng gây nên những tác động lớn lao như vậy?

Theo tôi, đó là giọng văn.

Mai Thảo không lớn ở từng bài thơ hay ở từng cuốn truyện. Mai Thảo lớn ở từng câu văn hay từng đoạn văn cụ thể. Thật ra, phải nói ngay: không phải câu văn, đoạn văn nào của Mai Thảo cũng hay. Ông có không ít những câu văn dài dòng, rỗng rỗng, sáo rỗng, những đoạn văn ồn ào, thừa thãi, nhạt nhẽo. Nhưng khó có thể phủ nhận được điều này: ngay cả ở những câu văn, những đoạn văn khuyết tật ấy, Mai Thảo cũng đóng được những con dấu khắc tên mình để người đọc có thể nhận ra ngay đó là những khuyết tật của Mai Thảo chứ không phải của bất cứ ai khác. Tôi cho đó là một thành công lớn đối với một nhà văn. Có rất ít người có khả năng đóng được con triện riêng ở những đơn vị rất nhỏ như thế.

Mai Thảo làm cách mạng ở cách chấm câu, ngắt câu. Mai Thảo nổi loạn, xoá nhoà ranh giới giữa các từ loại. Ông bẻ cong, ông vặn vẹo cấu trúc của câu. Ông bắt chữ nghĩa phải khiêu vũ. Ông làm cho từng âm, từng từ biết cất lên tiếng hát. Có thể nói Mai Thảo tạo ra hẳn một thứ cú

pháp mới. Cho văn xuôi. Thứ cú pháp ấy không phải không có khuyết điểm nhưng có điều chắc chắn là nó có ảnh hưởng cực kỳ sâu rộng trong giới cầm bút Việt Nam ở miền Nam lúc trước cũng như ở hải ngoại hiện nay. Không khó khăn gì việc phát hiện ra những dấu vết của Mai Thảo trong trang viết của nhiều người, kể cả những người đã thành danh lừng lẫy. Hơn nữa, theo tôi, cú pháp ấy cũng ảnh hưởng đến cả những người ngỡ như không có quan hệ gì với Mai Thảo khiến câu văn Việt Nam sau năm 1954, nhìn chung, khác hẳn ngày trước. Và câu văn Việt Nam ở miền Nam cũng không giống với câu văn Việt Nam ở miền Bắc cùng thời kỳ. Trong lịch sử văn học Việt Nam nói chung, những người có khả năng tạo ra những thứ cú pháp có bản sắc và đầy quyền lực như vậy chắc chắn là không nhiều. Phải không? Và như vậy, cho dù mất đi danh hiệu một nhà tiểu thuyết lớn, một nhà thơ lớn, hẳn Mai Thảo, ở đâu đó, cũng không thấy có gì đáng buồn.

Cái còn lại, ở ông, cũng vô cùng hiếm hoi và nguy nga: một nhà phong cách lớn.

Riêng tôi, tôi mắc nợ nhà phong cách Mai Thảo khá nhiều: hồi nhỏ, lúc còn học trung học, có lúc tôi đã đọc ông, nhất là tập *Chuyến tàu trên sông Hồng*, với một ý thức và một quyết tâm rất rõ là học tập một cách viết để làm sao cho ngôn ngữ rục lên những hào quang, lấp lánh. Tôi chọn bài "*Chuyến tàu trên sông Hồng*" để trích lại dưới đây một phần cũng vì chút kỷ niệm riêng ấy. Của một thuở ban đầu.

Tản mạn về văn Mai Thảo Trần Doãn Nho

Mỗi nhà văn có một cách hành văn riêng mà ta thường gọi là văn phong. Tuy nhiên, nói thế không có nghĩa là nếu ta có một triệu nhà văn, ta sẽ có một triệu văn phong khác nhau và người tinh ý chỉ cần đọc văn là biết ngay ai viết. Y như ta nhìn mặt người là nhận ra ngay đó là ai. Đa phần nhà văn đều viết với giọng văn tiêu chuẩn, nên hao hao giống nhau. Thành thử muốn biết rõ họ là ai, ta phải đọc hết tác phẩm, để ngoài cách hành văn ra, còn làm quen với cách cấu tạo nhân vật, cách dựng truyện và các chi tiết đặc thù khác. Rất nhiều nhà văn nổi tiếng không phải vì cách họ viết mà vì tư tưởng, vì câu chuyện hay vì nhân vật. Trong lúc đó, có những nhà văn nổi tiếng vì chính văn phong của họ. Họ có một cách viết độc đáo đến nỗi văn của họ đọc lên là nghe khác hẳn với tất cả những người khác. Chẳng hạn như Nguyễn Tuân, Võ Phiến, Trần Th Ngh., Trần Vũ, Nguyễn Huy Thiệp, Phạm Thị Hoài, Đỗ Kh., Mai Thảo, vân vân. Một số nhà văn, ngay với tác phẩm đầu tiên, là đã gây sự chú ý chỉ vì cách hành văn khác thường, độc sáng và hấp dẫn của họ. Có tác giả làm cho ta say mê với cách viết đến nỗi quên cả cốt truyện và nhân vật.

Trước khi đi sâu hơn vào cách hành văn của Mai Thảo, mời độc giả cùng tôi đọc qua những đoạn văn sau:

- So với lần gặp trước ở dưới áp, lần gặp tuy đã nhạt nhòa, nhưng hình ảnh người chị họ còn phảng phất trong trí nhớ, bà phán Tuyên đã thay đổi nhiều. Một thay đổi héo hắt. Làm bằng lo âu, bệnh tật và phiền muộn. Bà không cười nữa. Trán đầy những nếp nhăn. Mái tóc, Nhị nhớ chải chuốt và đen ánh trong vành khăn nhưng đã điểm sợi bạc. Mới tháng chín, heo may đầu mùa chỉ mới thả vào không khí một thoáng lạnh dịu dàng mà bà phán đã mặc một chiếc áo len dày, hàng khuy cài hết tới cổ. Cặp mắt bà mỗi mệ. Cái nhìn đầy đau buồn. Bà còn thúng thảng ho.

- Đường phố vắng, trời mờ sáng như trong một ngày mùa đông. Hai bên toàn những gian nhà tiêu tụy của những người ít tiền phải ra vùng ngoại ô trú ngụ, mấy rặng bồ kếp dai đã trụi lá còn trơ lại những chùm quả đen, héo quăn. Nhưng hôm nay Trương nhìn không thấy cảnh buồn như mọi lần, chàng thấy đời người ta đâu khổn khổ đến đâu cũng có những thú vị riêng ở trong. Một cụ già ngồi cạnh cột đèn đương bán mấy quả táo cho cậu bé, Trương tự nhiên thấy vui thích khi nhìn bà hàng bỏ mấy đồng trinh vào túi và cậu bé nhăn mặt cắn sâu vào quả táo.

Trong một căn nhà chật hẹp và bần thủ, một thiếu phụ bé con nhìn ra, nét mặt thiếu thụ trong bóng tối, Trương đoán là đẹp và có duyên: cạnh giường vì nhà chật để mấy cái hòm cũ, một đôi gối và một cái chăn bông bọc vải đỏ lấm tẩm hoa. Trương đoán người thiếu phụ đợi chồng về và không hiểu sao Trương lại đoán chồng là một người thợ máy.

- Căn nhà là một căn bằng gỗ xây từ đầu đó đầu thế kỷ, cái gì cũng gỗ, kiểu nhà sàn với một hàng hiên mênh mông. Hàng hiên có lẽ chiếm đến nửa diện tích xây dựng, bập bênh giữa xanh thẳm vây quanh như những con tàu mắc cạn trên những cây cột. Căn nhà bé, nếu gọi đó là một biệt thự. Một phòng ăn, một phòng khách nhỏ, hai phòng ngủ và một cái phòng tắm có bồn nằm bằng sắt đúc. tất cả đều bằng gỗ, nhưng cửa sổ nếu muốn mở thì phải dùng gậy để chống lên.

- Buổi sáng hôm nay, mùa đông đột nhiên đến, không báo trước. Vừa mới ngày hôm qua giờ này còn nắng ấm và hanh, cái nắng về cuối tháng mười làm nứt nẻ đất ruộng, và làm ròn khô những chiếc lá rơi. Sơn và chị chơi cỏ gà ở ngoài cánh đồng còn thấy nóng bức, chảy mồ hôi. Thế mà qua một đêm mưa rào, trời bỗng đổi ra gió bắc, rồi cái lạnh ở đầu đến làm cho người ta tưởng đang ở giữa mùa đông rét mướt. Sơn tung chăn tỉnh dậy, nhưng không bước xuống giường ngay như mọi khi, còn ngồi thu tay vào trong bọc, bên cạnh đứa em bé vẫn nắm tay ngủ kỹ. Chị Sơn và mẹ Sơn đã trở dậy, đang ngồi quạt hỏa lò để pha nước chè uống. Sơn nhìn thấy mọi người đã mặc áo rét cả rồi. Nhìn ra ngoài sân, Sơn thấy đất khô trắng, luôn luôn cơn gió vi vu làm bốc lên những màn bụi nhỏ, thổi lẩn những cái lá khô lạo xạo. Trời không u ám, toàn một màu trắng đục. Những cây lan trông chậu, lá rung động và hình như sắc lại vì rét.

- Vườn hoa nằm dài giữa con sông và một con đường. Bên kia đường, suốt một đoạn dài không thấy nhà cửa mà chỉ có một bờ tường cao cũ kỹ với cái quán duy nhất. Ông Tùng bỗng tò mò chú ý đến ngôi quán nhỏ, vừa mới cất, có lẽ chưa xong hẳn. Vách ván hãy còn mới tinh. Quán đang mở cửa: một người đàn ông lần lượt lật từng mảnh ván trên vách, hạ xuống. Như thế vừa là mở cửa lại vừa là bày bàn. Lối kiến trúc ngộ nghĩnh khiến ông chú ý theo dõi. Người chủ quán biết thế vẫn thông thả tiếp tục công việc của mình: mở cửa xong bày các lọ ớt lọ tương, ống tắm, tách trà lên các bàn, rồi mở nhạc từ một chiếc máy cát-xét nhỏ nhỏ chỗ quầy tính tiền. Đọc những đoạn văn như trên thuộc các tác giả khác nhau và được viết ra ở những thời kỳ và hoàn cảnh khác nhau, nếu bỏ qua những chi tiết đặc thù thường có ở mỗi vùng hay mỗi thời kỳ, ta sẽ thấy chúng dường như trung tính. Có thể ai ai cũng có cùng một cách diễn tả như thế. Những câu văn đủ nghĩa, chuẩn. Chúng cho ta những thông tin cần thiết để theo dõi câu chuyện. Chúng dường như không có "cá tính". Dẫu theo thói quen, một tác giả này có thể viết khác tác giả kia đôi chút. Những con chữ ở đây trông như những dụng cụ thông thường để người viết diễn tả những gì cần phải diễn tả.

Độc giả thử đoán xem các đoạn văn trên thuộc về những ai trong số Võ Phiến, Đỗ Kh., Thạch Lam, Nhất Linh và Mai Thảo? Xin trả lời ngay, đoạn đầu là của Mai Thảo (Những tấm hình của chị Thời), đoạn thứ hai là của Nhất Linh (Bướm trắng); đoạn thứ ba là của Đỗ Kh. (Ouf of rừng cao su), đoạn thứ tư là của Thạch Lam (Gió lạnh đầu mùa) và đoạn cuối cùng là của Võ Phiến (Nguyên vẹn).

Bây giờ, hãy thử đọc đoạn văn này: "Mỗi người có một cách biểu lộ sự hào hứng. Riêng cái cách của người chủ quán hôm ấy, trời ơi, trông mà mê. Hai tay ông ta thoăn thoắt: chặt khúc xương, xắt lát thịt, gấp mớ ớt, múc vá nước từ trong thùng đổ ra tô, xóc xóc mớ hủ tiếu vừa mới trung qua nước sôi, rắc một tí tiêu bột v.v... Tất cả bấy nhiêu cử chỉ đều rập ràng, hơi có vẻ nhún nhẩy. Mỗi cái quơ tay, cái nhấc lên hạ xuống đều như có gì quá mức cần thiết một chút. Mỗi cử chỉ bao hàm bảy tám phần cần thiết, lại thêm vài ba phần thừa thãi, chỉ để cho đẹp mắt, để biểu diễn sự thích thú trong công việc. Động tác nghề nghiệp gần chuyển thành sự múa men."

Cách viết như thế thì ai vào đây nữa: Võ Phiến trong bài tùy bút "Rụp rụp". Và đoạn văn sau đây: "Vĩnh biệt những sân ga, những trạm hẹn. Vĩnh biệt những giấc mơ ngà ngọc của đời rời. Vĩnh biệt những tuổi trẻ của tôi không được sống với nó đến cùng, những khát khao của tôi không bao giờ trở thành sự thật, những đợi chờ ở xa tầm tay với, một cái tôi khác biệt hoàn toàn với cái tôi của những xâu chuỗi tháng ngày lê thê. Con thuyền chưa lìa bến đã nằm im trong cái

vững đời cố định. Cánh chim bằng chưa vạm dậm bay đi, đã đậu xuống. Cánh mồi và hồn sâu.”
(Mười đêm ngà ngọc)

Đúng là văn Mai Thảo rồi!

Hãy tạm bỏ qua phần nội dung, chỉ để ý đến cách viết, những ai đã từng đọc các tác phẩm của Võ Phiến và Mai Thảo sẽ thấy là có sự khác nhau giữa hai nhà văn. Khác nhau rất rõ. Khác ra sao? Ta nhận thấy cách viết của Võ Phiến có vẻ tỉ mỉ, cụ thể hầu như đến từng chi tiết. Ông dùng chữ để nói ý. Trong đoạn văn trên, Võ Phiến đang tả cái cung cách rất riêng biệt của ông Tàu chặt thịt trong một tiệm ăn. Cách diễn tả của ông khiến ta hình dung ngay ra cái nhân vật lý thú đó mà ít nhiều trong cuộc sống ta đã từng gặp qua. Mai Thảo khác. Hãy để ý sự lặp lại rất cố ý những từ hay những cụm từ: “vĩnh biệt” chẳng hạn. Hãy để ý đến nhịp điệu. Sao không “tầm tay” mà lại “tầm tay với”? Sao không là “cuộc đời” mà là “vững đời”? Lại câu cuối: “Cánh mồi và hồn sâu”. Hai thanh trắc nâng âm lên cao, hơi lỏng chỏi và rồi rơi xuống với hai âm bằng. Nghe như câu kết của một đoạn hay một bài thơ.

Hãy đọc thêm đoạn nữa của Võ Phiến: *“Hồi còn con gái bà Nghĩa luôn luôn bị cái hình thù xấu xí của chồng ám ảnh. Khi thì bà nghĩ đến cái trán thấp tẹt, khi nghĩ đến cặp chân mày sát mí mắt, khi trông thấy cái cằm khuyết của ông. Bà khổ sở đau đớn, cố xua đuổi những hình ảnh ấy đi. Mỗi lần thấy loáng thoáng trong trí một ý nghĩ về người chồng, bà Nghĩa vội vàng lảng sang chuyện khác. Ý thức tự vệ chống cái ám ảnh đó thấm nhuần mọi cử chỉ, ý tưởng, hành động của bà. Bất cứ lúc nào, trong trường hợp nào, nghe nhắc đến tên ông Nghĩa, động đến một điều có liên quan tới ông, tự nhiên bà nghe nhói lên trong lòng một cảm giác khó chịu, rồi tức khắc điều vừa được nhắc đến bị gạt ra khỏi trí óc.”* (Thương hoài ngàn năm)

Và của Mai Thảo: *“Khuôn mặt Châu đầm đìa. Nàng khóc hết tiếng, nước nỡ, không kèm giữ. Như chưa bao giờ nàng được khóc như thế. Như nàng còn khóc mãi không thôi. Như lát nữa và mãi mãi mắt tôi sẽ ráo hoảnh, hồn tôi sẽ giá băng. Tôi khóc lúc này là tôi sống lúc này. Tôi sẽ không khóc nữa đâu. Và tôi sẽ chết. Chết cho đến chết. Nước mắt là biển đầy và biển đầy tuôn đi và biển đầy cũng cạn.”* (Mười đêm ngà ngọc).

Đọc Võ Phiến, ta chú ý đến trạng thái tâm lý khác thường của nhân vật là bà Nghĩa, chú ý đến cảnh của một người vợ bị ám ảnh vì cái xấu xí của ông chồng. Võ Phiến tập trung phân tích các chi tiết liên quan đến sự kiện đặc thù đó. Người đọc cũng chỉ quan tâm đến chi tiết đó, đến nỗi không mấy để ý đến chữ dùng của ông. Đọc Mai Thảo, ta không tìm thấy một chi tiết đặc thù nào ngoài việc nhân vật đang “khóc”. Mà để tả cái khóc, thì chỉ cần ba câu đầu là đủ ý, đủ nghĩa. Mai Thảo không dừng lại ở đó mà đi tiếp. Phần đi tiếp này toàn là nói “chữ”. Ông lặp lại chữ “khóc” nhiều lần, sau đó đến chữ “tôi”, chữ “chết”. Chữ “biển đầy”, cũng được lặp lại nhiều lần. Rốt cuộc, tưởng chừng như ta chỉ nhìn thấy những con chữ nhảy múa hơn là tâm trạng bi thương của nhân vật.

Nhìn chung, thế giới của Mai Thảo là thế giới của chữ. Đọc ông, dường như ta bị rơi vào trong một vùng chữ. Chữ đưa lui, đẩy tới, chạy vòng vòng, nảy lên nảy xuống, chữ này chạm vào chữ kia, rồi ra rồi chạm tiếp vào chữ nọ, nhảy múa, uốn éo. Khi thì miên man trôi như giòng sông, dòng này nối dòng nọ. Khi thì đột ngột dừng lại. Như bị thắng gấp. Rồi lại triển nở ra ở một phía khác và chạy tiếp. Nghĩa của chữ hay của câu dường như bị lùi lại đằng sau, trở thành thứ yếu. Lúc thì chúng còn thấp thoáng đâu đó, lơ mơ chợt ẩn chợt hiện khiến ta còn dừng lại đôi chút để nghĩ ngợi nhưng có lúc nghĩa dường như bị chôn vùi, bị đánh bật hẳn ra ngoài, khiến ta chỉ chạy theo chữ mà không cần biết những dòng chữ đó nói lên cái gì. Y như thể chữ của Mai Thảo không đưa đến nghĩa. Hoặc không cần nghĩa. Mà chỉ gọi nên cảm giác và cảm xúc.

Tại sao? Vì khác với nhiều nhà văn khác, văn Mai Thảo là loại văn xuôi đầy nhịp điệu. Hễ có cơ hội là ông tận dụng ngay để tạo sự cân đối cho các câu văn hay các đoạn văn. Hãy thử đọc một trích đoạn: *Nhủ thăm như vậy vẫn không ổn thỏa chút nào. Thái độ bình tĩnh vẫn như một bằng chứng, một va chạm dữ dội, Châu như bưng bình để đo lường lại một lần nữa, sau bao nhiêu lần đo lường như thế, về liên hệ tình cảm giữa nàng và chồng. Thì ra nàng đang sống một cuộc đời bất bình thường.* Đó là những câu văn miêu tả bình thường. Nhưng tiếp sau đó, Mai Thảo

chuyển ngay mạch văn: *Tâm trạng nàng thường xuyên là một tâm trạng bất bình thường. Vui không cười được. Buồn chẳng thành buồn. Toàn thân Châu chột lạnh toát đi. Sống không ra sống chỉ là một hình thái của cái chết. Còn gì nữa. Đúng như thế. Từ bao nhiêu lâu rồi, nàng có sống đâu. Nàng đã chết. Từng phút từng giờ.*

Đoạn này đọc lên nghe khác ngay với đoạn trước. Nó nhịp nhàng, cân đối. Nhiều từ được lặp lại (bình thường, sống, chết). Nhiều từ có tính cách đối sánh (sống/chết; vui/buồn). Văn trắc vắn bằng được sắp xếp phù hợp. *Vui không cười được/Buồn chẳng thành buồn* cân đối cả nghĩa lẫn âm. Cách viết như thế ta có thể tìm thấy nhiều và rất nhiều trên những trang văn Mai Thảo. Ngay cả trong những trang văn có tính cách lý luận.

Nếu đọc kỹ, ta sẽ thấy Mai Thảo rất lưu ý đến văn bằng, trắc, nhất là ở cuối câu. Chẳng hạn: *Ngày tháng là một dòng chảy. Và chàng là một con phao. Lênh đênh, nổi chìm, vô định. Rượu, đàn bà, đêm, những thú vui tàn rữa buồn rầu.* Ta thấy chữ cuối của câu đầu là chảy (trắc); chữ cuối câu sau là phao (bằng); câu thứ ba là định (trắc); câu cuối là rầu (bằng). Riêng câu thứ ba cũng có nhịp cao, thấp qua các từ “đênh”, “chìm”, “định”. Nếu đọc lên bằng lời, nghe như đọc thơ. Chẳng thế mà Nguyễn Hưng Quốc cho là Mai Thảo đã sử dụng “biện pháp tăng cường đậm đặc chất thơ vào văn xuôi”, khiến cho ông tạo được một “phong cách văn xuôi độc đáo, diễm lệ và đài các lạ lùng”(1). Còn Bùi Vĩnh Phúc thì cho rằng “Ngữ pháp của Mai Thảo mang rất nhiều chất thơ” (2). Thêm một số thí dụ khác:

- *Một nền đêm khuya khoắt lâm chung....trên một nền thảm sâu tàn héo.* Nhịp điệu ở đây rơi vào các từ khuya khoắt/ thảm sâu; lâm chung/tàn héo.

- *Một vô cùng hung dữ và một thì rất đổi hiền lành.* Hung dữ/hiền lành.

- *Nhưng say không chỉ là một cơn lốc. Mà say còn là một giọt lệ, một biển đau trong một rừng sâu.* Cơn lốc/giọt lệ; biển đau/rừng sâu

-...*thường làm tôi nghĩ đến một buổi sáng ở một cửa rừng vui nào với những hàng cây thưa, những thảm cỏ mướt, những tiếng chim ca ánh sáng trên đầu, cái buổi sáng bình yên trong ca dao, có cu gáy có bướm vàng của Huy Cận..* Buổi sáng/ rừng vui nào; cây thưa/cỏ mướt; ca dao/cu gáy; bướm vàng/Huy Cận. Những cụm từ “trên đầu” (ánh sáng trên đầu) hay “Huy Cận” (bướm vàng của Huy Cận), thực ra, không cần thiết lắm cho câu văn, nhưng ông bỏ thêm vào, theo tôi, chỉ nhằm mục đích gây nhịp điệu.

-...*những khoảng tối làm cho những mái tóc được kẻ liền, những bờ vai được tựa vào những bờ vai, những ngón tay bỗng đan thêm một vòng khăng khít.* khoảng tối/kẻ liền; bờ vai/bờ vai/khăng khít

- *khoảng sân sau rêu phong. Cái bể non bộ và những chậu cây cảnh. Người mẹ già, bàn thờ Phật. Hương trầm thơm và ánh nến lung linh.* Rêu phong/cây cảnh; già/Phật; hương trầm/ánh nến.

- *Những mùa xuân đã tới. Rồi qua. Hoa nở trong nội. Bướm bay trên đồng. Những chiếc xe hoa. Màu hồng của pháo cưới.* tới/qua; nội/đồng; xe hoa/pháo cưới

- *Riêng với Ấu, Nhị đã có không biết bao nhiêu là kỷ niệm. Ngăn ký ức nào dựng cho đủ. Cặp học trò nào chắt cho vừa.* ký ức/học trò; đủ/vừa.

-...*cái giọng Thóc sang sảng, thước kẻ trên tay, giờ địa dư vừa nói vừa chỉ bản đồ, không sai tên một dòng sông, không lầm tên một triền núi.*

- *Đầu ngả đầu, vai kề vai, tay trong tay nắm.* Tại sao lại không “Đầu ngả đầu, vai kề vai, tay trong tay”? Ông thêm chữ *nắm* vào để cho cân bằng nhịp điệu. Nếu để ý những câu văn Mai Thảo, ta sẽ thấy lối viết đó diễn ra rất nhiều lần

Ngoài việc sử dụng bằng, trắc, đặc biệt, Mai Thảo sử dụng thủ pháp lặp lại từ, vừa gây cảm giác liên li, trôi chảy, vừa để tạo và kiểm soát nhịp điệu. Có lẽ không có loại văn nào mà số lượng từ ngữ được lặp lại nhiều và quá nhiều như vậy. Có những đoạn, không phải chỉ một từ mà nhiều từ khác nhau được lặp đi lặp lại nhiều lần.

* Chữ *của*:

- ...đôi chân son hồng của Linh chạy mãi miết, cánh đồng mùa xuân chấp chới muôn ngàn màu sắc, của bướm, của sương đang tan, của nắng đang dấy, của suối róc rách thành sóng vỗ hiền hòa, của trời cao mênh mông. (Khi mùa mưa tới)

- ...Nhớ những âm thanh mộc mạc nghìn đời của đất của đồng của hoa của cỏ.

- ...cái điệp điệp trùng trùng của trường giang, cái mênh mông ngút mắt của bãi bờ, của cửa biển, của khơi xa, của núi rừng... (Chuyến tàu trên sông Hồng)

- Mùa Xuân của những ngã đường cỏ non, của những ngày khởi đầu nhung lụa, của những đợt khói hương thơm ngát trong đêm giao thừa, của buổi gặp lại, của ngày trở về... (Tháng giêng cỏ non)

* Các chữ của, cái, tuổi nhỏ:

"Đứa nhỏ sống trong thứ thời gian rất thơ và rất xanh của bốn mùa, thứ không gian tình cò của mưa mưa nắng, nó sống trong cái thế giới của chuồng trâu bếp lửa, của khói rạ lượn lờ trên mái tranh, của hương hoàng lan thoang thoang trong cây, của hương bồ kết cay cay trong tóc. Nó nhớ lại tuổi nhỏ như một con chuồn chuồn ngát ngư trong biển nắng, cái tuổi nhỏ như say rượu, cái tuổi nhỏ nằm tròn thành một giọt sương mai giữa đất trời, cái tuổi nhỏ ru nó bằng nhịp võng đưa, cái tuổi nhỏ thật nhỏ, cũng thật hiền, thật non và cũng thật xanh, cái tuổi nhỏ của cái mũ trắng nó đang đội, của cái quần trúc bầu sột soạt nó đang mặc, của tóc mới đâm cứng như rễ tre, của da mới vỡ đầy vết lang ben, của tiếng nói khao khao như tiếng gà trống..." (Chuyến tàu trên sông Hồng)

* Chữ nền:

Trên một nền đêm, một nền đêm khuya khoắt lâm chung, trên một nền chiều, trên một nền thăm sâu tàn héo (Sau khi bão tới)

* Chữ có:

- Đứa nhỏ trôi theo con tàu trên dòng trường giang hùng vĩ chợt nhớ tới những con sông làng thon mềm dải lụa có trâu dầm từng đàn dưới bóng đĩa nghiêng, có những chiếc cầu đá dẫn tới một phiên chợ sớm đầu đình, có những cầu gạch mở vào những cái ngõ lang thang mát hút, có cò gà trên gò đồng, có ống trên mỏm, có những cầu tre tay vịn chông chành, đêm đêm có ánh đom đóm lập lòe, có ánh trăng xanh murót..." (Chuyến tàu trên sông Hồng)

* Chữ thấy:

Thấy mưa trong cảnh ngộ mình, trong tâm thể mình. Hiện giờ. Thấy những khoảng cách mịt mù. Thấy những không gian vô bờ. Thấy những thượng tầng lạnh buốt...(Sổ tay)

* Chữ tiếng:

Nhớ tiếng trống làng thùng thùng. Tiếng chuông chiều buổi tối. Tiếng mõ niệm buổi trưa. Tiếng gà gáy sớm. Tiếng chó sủa đêm. (...) Nhớ tiếng ếch nhái ảo uộp dưới ao bèo Nhật Bản, tiếng ve ran ran, tiếng sáo diều vi vu bất tận của nền trời rộng, tiếng đòn gánh kéo kẹt rập rình, tiếng chân đi nặng nặng của đám tuần vắc mỡ canh đêm, là những tiếng động cũ kỹ, thuần túy..."

* Chữ Khoa, danh từ riêng:

Khoa, tiệm thuốc tây ngoài phố chính. Khoa những bó hoa, những chiếc bánh gửi mừng từng sinh nhật. Khoa của một tổ tình chưa đậm, nhưng một đỉnh hôn đã là. Khoa của một mái tóc cắt ngắn, khóa mạnh, mày râu nhẵn nhụi, trong khi đám bạn bè theo Khoa tới quán tóc dài thướt tới gáy, để râu từ lông tơ. Tôi nghĩ đến Khoa. Tách thoát. Rừng rưng." (Ôm đàn tới giữa đời)

* Chữ lúc:

...lúc bò núi sau lưng cái hình ảnh xót thương còn mang hình trái núi, lúc xuống đồng bằng trước mặt cái hình ảnh xót thương đã mang hình những ngọn lửa dài, lúc anh muốn chết, lúc anh muốn sống, lúc tuyệt vọng đen tối vực thẳm, khi tin yêu sáng chói mặt trời, lúc nhìn xa cái hình ảnh lớn theo ngút mắt, lúc tưởng gần cái hình ảnh lớn theo ngút mắt, lúc tưởng gần cái hình

ảnh thu cũng nhỏ vào một góc trái tim như một tấm hình kỷ niệm" (Bản chúc thư trên ngọn đỉnh trời)

* Chữ cho:

Gặp lại cho Phạm. Cho Trương. Cho em. Cho chúng mình. Cho một cái gì đã mất. Cho cái thể giới thần tiên, cái thiên đường lộng lẫy. Cho những buổi chiều của chúng ta trên con đê xưa, những buổi sáng của chúng ta trong căn vườn cũ. Cho cái vốn kỷ niệm cần thiết của một đời người khi tới lúc không thể sống bằng kỷ niệm. Cho những ảo tưởng thực hơn nghìn lần sự thực. Cho những sự thực đã thành ảo tưởng. Cho sự chấm dứt của những năm tháng bình yên. Cho sự khởi đầu của những tháng năm đau đớn.(Luân)

* Chữ những:

. - Một đêm mùa thu Hà Nội, lá vàng lá tả bay trên những con đường không tiếng vang, những con đường phẳng phát sương mù và lắng đọng rất nhiều bóng tối. Trên những con đường ấy là những bước chân rất êm của những người tình. Đầu ngã đầu, vai kề vai, tay trong tay nắm, thần trí mơ màng, tâm hồn phơi phới, trên những con đường lá vàng, những người tình dìu nhau bước đi. (Sau khi bão tới)

- Hà Nội thiên đô. Những bờ bãi ngút ngàn dọc theo hai bờ Hồng Hà. Những con đường của toàn quốc tiêu thổ chạy dài bất tận giữa những thị trấn và những xóm làng đã san bằng thành bình địa. Những đêm Sơn Tây sóng Đáy chậm dòng qua Phủ Quốc như một bài thơ Quang Dũng. Những chiều Phú Thọ, bốn phía núi chập chùng. Những buổi trưa trung du, cái nắng lá lả trên những sườn đồi hoang vu. Những tinh sương Việt Bắc, con suối độc bốc hơi giữa ngút ngàn hoang dã. Những đêm ngủ dưới trời sao, lưng nằm trên cỏ rùng, đầu kê lên một phiến đá núi. Gió biên giới lồng lộng qua những mái nhà sàn, ở dưới là biển sương dày đặc. Những thị trấn mang những cái tên...(Mười năm, kỷ niệm và trí nhớ)

- Những khúc đường trồng dương liễu đẹp như tranh, như thơ. Những lòng đường lầy lội, và hai bên là những xóm làng hắt hiu buồn bã. Những tòa cao ốc lớn đang xây cất cho những thị trấn và những vùng kỹ nghệ ngày mai. Nhưng kề liền là những túp lều đổ nát, những rác rưởi chất đống. Những thửa ruộng vuông vức, những sông lạch hiền từ. Nhưng ở cạnh là những nông phu Tàu, áo toại, nón lá, những hình bóng gầy guộc, âm thầm nhẫn nhục đẩy trâu đi” (Hồng Kông ở dưới chân)

Chao ôi, toàn là những, những và những. Văn của Mai Thảo là văn của vô vàn những chữ *những*. Tôi nghĩ ông khoái chữ *những*. Những chữ *những* vô tội vạ, được Mai Thảo vận dụng tới đa, tự do xài phí, không hề tiết kiệm, không cần bảo chứng. Thú thật, khi viết văn, tôi cũng dùng chữ *những*, chỉ vài chữ trong một đoạn là đã thấy rườm rà, thế mà văn Mai Thảo nghe hết những này đến những kia, có những chữ *những* dùng rất đặc địa nhưng không thiếu những chữ *những* thừa, thế mà đọc lên nghe vẫn trơn tru. Lạ thật!

*Chữ một:

Chữ *một* không nhiều bằng chữ *những*, nhưng xuất hiện khá thường xuyên. Và thường nằm rải rác đây đó không nhất định, chứ không tập trung nhiều như *những*. Cách sử dụng chữ *một* có lẽ là một trong những đặc điểm khiến cho văn Mai Thảo trở nên độc đáo, khác lạ, và trở nên...maithào.

- Rồi thì một lạnh buồn vô tận đấy nhỉ? Rồi thì là một nhớ nhà vô chùng đấy nhỉ? Khi, giữa một đêm quê người, một đêm ở Mỹ như đêm qua...”

- Tiếng chuông vang lên, âm thanh mang hình ảnh một đường chỉ thẳng vút truyền đi, thật sâu và thật xa vào một phía bên trong thăm thẳm, ở đó là một im lặng lớn nằm giữa một lắng đọng đầy...”(Những tấm hình của chị Thời)

- ...Chính ôm lấy người đàn bà. Người đàn bà của một gặp gỡ ngắn. Một tình cờ ngắn. Một hạnh phúc ngắn” (Hồng Kông ở dưới chân)

- Thật là một khám phá. Một khám phá kinh ngạc” (Những tấm hình của chị Thời)

- Không có tiếng vang, không có một bùng cháy, một bất ngờ, một khuấy động nào nữa (Mười đêm ngà ngọc)

Sau chữ *một*, Mai Thảo sử dụng khi thì là tính từ khi thì là trạng từ, khi thì động từ. Nhưng nhiều nhất là tính từ và động từ. Với cách viết này, Mai Thảo loại bỏ hẳn một số từ khác thường đứng trước chúng. Thay vì “một cuộc lưu đày” thì là “một lưu đày”; thay vì “một nỗi nhớ nhà” thì “một nhớ nhà”; thay vì “một sự khuấy động” thì “một khuấy động”, vân vân. Ta gặp dài dài cách

dùng đó trong văn Mai Thảo: *một tình cờ, một trao phó, một bùng cháy, một bất ngờ, một vượt thoát, một mê đắm, một yếu đuối*...Nhiều. Đã quen với cách viết đó, mà thú thật, đôi khi tôi cũng ngỡ ngàng khi gặp chữ *một* của Mai Thảo, nhất là khi ông thêm vào sau đó một tính từ nào đó (có khi là một cụm từ) có tính cách diễn tả: *một lưu đày dịu dàng vào cô đơn, một lạnh buồn vô tận, một gần gũi diễm lệ*...khiến cho câu văn đột nhiên mang một vóc dáng khác lạ. Nhiều nhà văn khác cũng có lặp lại chữ. Nhưng chỉ trong trường hợp cần thiết, trường hợp chẳng đáng dừng. Mai Thảo khác. Như đã đề cập, sự lặp lại của Mai Thảo là một thủ pháp sáng tác. Một cách điều khiển chữ. Rất nhiều nơi, cái ấn tượng gây ra là chính những con chữ hơn là ý nghĩa mà chúng chứa đựng. Những nhà văn khác viết câu dài vì để nói cho hết ý. Mai Thảo viết câu dài với dụng ý viết ...cho dài. Dài bao nhiêu cũng được. Lan man bất tận. Hãy nghe ông tả nỗi xúc động của một lần gặp gỡ:

Tôi nhìn cái khuôn mặt nửa muốn cười nửa muốn khóc của Luân mà sự kinh ngạc còn in lên gần như một niềm đau đớn. Tôi muốn nâng hai tay đỡ lấy khuôn mặt ấy, mười ngón tay tôi cười lấy hai gò má ấy, tôi muốn ôm chặt lấy Luân, ôm thật chặt cái thân thể yếu đuối, tôi muốn hôn vào đôi mắt kinh ngạc, tôi muốn nói với Luân một hơi, không ngừng, một câu nói thật dài, không bao giờ hết. Tôi muốn nói với Luân, đau xót và thành thật nói, câu nói tôi muốn gửi không riêng gì cho Luân mà cho tất cả những người thiếu nữ Việt Nam, qua hình ảnh Luân lúc đó. Những người thiếu nữ xấu số của một đất nước hiền hậu như họ không bao giờ thích hợp với một không khí chiến thời nào.

Tôi muốn bảo Luân, tôi muốn bảo Luân: Anh xót thương em những đêm dài trong núi, dưới mái nhà sàn cơ quan, trên những con đường hầm hố vết thương, những xóm làng hủy phá, trên những thềm nhà cỏ hoang phủ kín, trên những vì tường đổ gục, trên những thân cây chặt đứt, qua những chân cầu đổ nghiêng, trong hầm trú ẩn máy bay. Tôi muốn bảo Luân, anh xót thương em đêm giã từ Hà-nội ra đi nhìn về Hà-hội cái rừng lửa cháy, buổi chiều đứng trên con đê Hồng-Hà, buổi trưa về thăm lại Hưng- yên, buổi ra đi bãi ấy còn xanh biếc ngô non, buổi về chỉ thấy mênh mông phù sa kín nhòa bãi cũ. Tôi muốn bảo Luân, anh xót thương em trên những đầu ngón chân anh đi, cái hình ảnh xót thương lần theo sỏi đá dọc đường, nằm trên từng cột cây số từng nền lũy tre xanh, chảy theo mặt nước lúc xuống đò qua sông, khuôn theo lòng đường lúc xuống đò lên bộ, từng buổi sớm xuống suối rửa mặt, cái hình ảnh trong veo trên nền sỏi trắng, từng buổi chiều không biết đi đâu, cái hình ảnh xót thương bát ngát đầy chiều.

Tôi muốn bảo Luân, anh nhớ đến em trong tiếng súng ban đêm, những vệt lửa dài cháy vào bóng tối, lúc bỏ núi sau lưng cái hình ảnh xót thương còn mang hình trái núi, lúc xuống đồng bằng trước mặt cái hình ảnh xót thương đã mang hình những ngọn lửa dài, lúc anh muốn chết, lúc anh muốn sống, lúc tuyệt vọng tối đen vực thẳm, khi tin yếu sáng chói mặt trời, lúc nhìn xa cái hình ảnh lớn theo ngút mắt, lúc tưởng gần cái hình ảnh thu cũng nhỏ vào một góc trái tim như một tấm hình kỷ niệm. (Luân, truyện ngắn)

Sự lặp lại những từ hay cụm từ như “tôi muốn”, “ôm chặt”..., khiến những con chữ không còn là những con chữ riêng biệt, không còn chứa đựng các ý nghĩa thông thường của chúng, mà là một dòng chảy. Chúng toát ra hơi, hãy tạm gọi là hơi văn. Hơi văn chuyển dịch từ câu trước đến câu sau, từ đoạn trước đến đoạn sau. Nó làm cho cả đoạn văn như kết dính vào nhau, chảy dài, chảy tràn. Tôi dám quả quyết rằng, khi đọc những đoạn văn như thế, người ta chỉ thấy chữ nối tiếp chữ, câu nối tiếp câu. Đó là những ký hiệu chuyển động hòa lẫn với cái mà Ferdinand de Saussure gọi là hình ảnh âm thanh (image acoustique), tạo nên âm điệu nhịp nhàng vang trong đầu óc. Những cụm từ có vẻ rất tượng hình như “cười lấy hai gò má ấy”, “ôm chặt cái thân thể yếu đuối”, “những thềm nhà cỏ hoang phủ kín”, “từng buổi sớm xuống suối rửa mặt”, “thân cây chặt đứt”, “chân cầu đổ nghiêng” vân vân cũng như những “tối đen vực thẳm”, hay “sáng chói mặt trời”... tự thân chúng chẳng nói lên một cái gì cụ thể cả. Chúng không tiêu biểu cho một hiện thực nào hết cũng không chỉ định một ý nghĩa nào rõ rệt mà thuần túy là những con chữ kết cấu với nhau.

Ở đây, Mai Thảo đã sử dụng từ như người họa sĩ sử dụng màu sắc. Ông chấm phá, pha trộn, chồng chéo những con chữ, cái đậm cái nhạt, để tạo nên những ấn tượng và cảm xúc đa dạng.

Những “phiến buồn”, “vùng xúc cảm sượng sần”, “mưa là một lưu đày trắng xóa”, hay những “một mù lòa đổ sập”, trời lạnh đặc”, “rừng tóc lướt thướt chết đuối” hay “tiếng loài cây khóc lóc bay đầy trong buổi tối miền núi”, vân vân rõ ràng là một hình thức trộn chữ và trộn âm của Mai Thảo. Nếu ai hỏi tôi “phiến buồn” hay “trời lạnh đặc” là gì thì tôi còn có thể suy diễn ra được đôi điều (dù không chắc gì đúng), nhưng nếu hỏi “một lưu đày trắng xóa” hay “một mù lòa đổ sập” thì xin chào thua. Sau này, ca từ Trịnh Công Sơn là một hình thức chế biến ngôn ngữ không khác gì mấy với ngôn ngữ Mai Thảo. Giải thích làm sao những cụm từ như “tuổi đá buồn” hay “bài ca dao trên cồn đá” trong nhạc TCS?

Tôi tưởng tượng khi viết, với cảm hứng tràn đầy, Mai Thảo có lẽ không kịp suy nghĩ về những con chữ. Chúng tự động trào ra trên giấy. Chữ. Không có gì khác hơn. Chữ nhảy múa. Chữ va chạm. Chúng tạo ra hình ảnh. Chúng tạo thêm nghĩa. Bùi Vĩnh Phúc và Nguyễn Hưng Quốc đều cho rằng Mai Thảo là duy mỹ và duy cảm. Vâng, duy mỹ, duy cảm. Theo tôi, Mai Thảo đúng ra phải nên được gọi là *duy tự*. Ông mê chữ, khoái chữ. Ông tin tưởng ở hiệu lực của những con chữ, tin rằng nếu biết lợi dụng cấu trúc của chữ, sự kết nối các cụm từ, sự cân đối về mặt âm thanh, khéo léo sử dụng các hình dung từ, tự chúng sẽ tạo ra ý nghĩa, một loại ý nghĩa riêng biệt, vượt hẳn ra ngoài những ý nghĩa thông thường mà mỗi con chữ có sẵn. Và chữ dường như cũng chịu ông qua không biết bao nhiêu trang văn. Nhiều câu văn và đoạn văn của Mai Thảo thật đẹp, thật độc đáo. Đọc lên nghe thật sượng. Chúng khiến cho ta thoát khỏi cái không khí khô khan của những đoạn văn đầy triết lý, suy tưởng hay những đoạn văn quá sần sùi, quá hiện thực. Chúng khiến cho ta nắm bắt được cái đẹp, cái ý vị của chữ. Chẳng hạn như đoạn văn vừa trích ở trên, một đoạn văn cho thấy phong cách đặc thù của Mai Thảo. Bằng cách dùng từ để tạo hình ảnh và ẩn tượng, dùng hình ảnh và ẩn tượng để tạo cảm xúc, Mai Thảo thành công khi nói lên được tâm cảnh phức tạp của một cuộc gặp gỡ khác thường để rồi... vĩnh viễn chia xa.

Hay thì hay, tất nhiên. Nhưng đọc kỹ, ta thấy nó...cầu kỳ, nó văn vẻ, nó pha trộn nhiều thứ quá nên cái hay dường như bị giảm bớt đi nhiều. Trích đoạn sau đây còn đi xa hơn. Nó cho thấy tính cách duy tự của Mai Thảo được đẩy lên đến mức tột cùng:

Qua hàng mi dài vút của nàng, tầm mắt Linh đụng vào một hình thể yếu đuối ở gần. Tất cả bát ngát lớn lên. Đôi mắt Phủ cũng là đôi mắt nàng long lanh vô bờ. Khoảng trống bên sóng mũi cao của chàng như một thung lũng ngon chạy dọc theo một triền núi đẹp, miệng chàng mở hé, môi hồng sắc máu rung động. Linh thấy nở lên như một đài hoa hàm răng chàng óng ánh. Rồi tất cả bật đi và bị nuốt chửng. Linh không nhìn thấy gì nữa. Cái hôn bắt đầu và nàng đã nhắm mắt lại. Trong một khoảng khắc thần tiên, trời đất tối đen như đêm, nàng nồng nàn hôn trả Phủ, hai người nồng nàn hôn nhau, mọi lời nói mọi ý nghĩ bị ngăn chặn lại, và trong hòa hợp truyền thắm mê đắm, trong cái hôn trao gửi khí khạo kỳ diệu, Linh sống một cảm giác tột đỉnh bàng hoàng. Những hoa sao nhây múa trong đầu nàng. Trong đầu nàng như có bóng Ngự Bình nghiêng xuống, giòng Hương Giang chảy qua, nó chảy trong một đêm ngà ngọc, kín kín, thăm thẳm, nó chảy trong cái thiên đường bé nhỏ kiêu hãnh, những lớp sóng đỡ nàng lênh dênh thành một vòng hoa, những lớp sóng bao trùm nàng cho cả một rừng tóc lướt thướt chết đuối, trong đầu nàng có sự im lặng thành kính say say là là, có tiếng chim hót vui như tiếng hót ánh sáng ở một cửa rừng, có sự thức tỉnh sáng suốt và trong vắt của cả một đời người mà cái hôn đầu là tấm gương lớn cho nàng soi ngắm hình thù của rung động, lại có sự mê thiếp sượng sần tối tăm như nàng sắp ngã, đang ngất, nàng đang bị giết chết, giết chết bằng cái chết của men, của đường của mật nấu cát ngát ngư trong nắng.

(...) *Cái hôn dẫn đi. Trên những cánh đồng cỏ mùa xuân, cỏ thơm nõn như chuốt lọc ánh sáng, cỏ mềm mại như nõn nà da thịt, cỏ cao bông tới ngực, tới đầu, đôi chân son hồng của Linh chạy mãi miết, cánh đồng mùa xuân chấp chới muôn ngàn màu sắc, của bướm, của sương đang tan của nắng đang dấy, của suối chảy róc rách thành sóng vỗ hiền hòa, của trời cao mênh mông với đất dưới này được nối liền bằng thân thể nàng vươn lên thành chiếc cầu vòng bảy sắc kỳ diệu, cánh đồng mùa xuân là một hội vui vĩ đại hân hoan, Linh muốn tham lam ôm đầy tay, uống đầy hồn, nàng chỉ có một nhưng nàng muốn muôn nghìn, nàng đòi tình yêu cho nàng một*

đôi cánh, tình yêu cho nàng liền, nàng đòi tình yêu đi vào đôi chân cuồng quýt của nàng đôi hài bầy dậm, tình yêu cũng cho nàng liền, thế là Linh bay đi, bay tới đâu cũng gặp nàng đang ra đời, đang lớn, đang yêu và đang sung sướng.

Trời! Đọc muốn đứt hơi. Hai đoạn trích trên chưa được một nửa của nguyên đoạn văn. Thực tình, ta chẳng thấy nụ hôn mà chỉ thấy chữ và chữ. Chẳng chịt chữ. Liên tục chữ. Mai Thảo tận dụng và lạm dụng chữ. Mà phải công nhận cái tài tận dụng và lạm dụng của ông. *Khoảng trống bên sóng mũi cao của chàng như một thung lũng ngon chạy dọc theo một triền núi đẹp; một đài hoa hàm răng chàng óng ánh.* Một cách diễn tả khá tài tình, chữ dùng vừa lạ vừa cầu kỳ:

khoảng trống trên sóng mũi, thung lũng ngon, đài hoa hàm răng. Còn những cụm từ như “bóng Ngự Bình nghiêng xuống”, “giòng Hương Giang chảy qua”, “lớp sóng đỡ nàng lênh đèn”, “một rừng tóc lướt thướt chết đuối” hay “thân thể nàng vươn lên thành chiếc cầu vồng bảy sắc kỳ diệu” hoàn toàn không đóng vai trò gì trong nụ hôn. Cũng không đóng vai trò gì trong cái xúc động của người đàn bà được hôn. Mà thực tình chúng cũng chẳng tạo nên cảm giác đặc thù nào cho người đọc, nếu như chính tác giả muốn tạo nên. Tôi cho rằng tác giả không muốn tạo nên một cái gì cả. Ông chỉ viết. Viết cho đã. Viết cho sướng. Và ông khoái trá với chữ, khoái trá với cách điều khiển chúng, với cách kết hợp chúng với nhau. Cả một câu dài như “... sự mê thiếp sướng sẵn tối tăm như nàng sắp ngã, đang ngất, nàng đang bị giết chết, giết chết bằng cái chết của men, của đường của mật nấu cát ngất ngư trong nắng” rõ ràng chỉ có tính cách biểu diễn chữ trên trang giấy. Ngay cả cái ấn tượng thực sự, tôi cũng chẳng thấy. Mà giả sử như có ấn tượng thì chỉ là một ấn tượng giả. Thực sự nó không gây nên một cảm xúc nào cả. Vì cảm xúc thật sự bao giờ cũng đi đôi với một sự kiện, một hiện thực, một chi tiết. Khi đây những con chữ đi quá xa, quá hoa hòe, quá khéo thì mọi cảm xúc sẽ bị tan biến đi. Cũng giống như khi chứng kiến một cảnh tượng thương tâm nào đó, một người mẹ có con bị chết thảm chẳng hạn, cảm xúc ta sẽ dâng cao khi nhìn thấy đôi mắt lác thần, tiếng khóc bị kềm giữ, nét mặt bi thương và thậm chí sự im lặng của người mẹ. Nếu như người mẹ bắt đầu nói, rồi than van, kêu gào, kể lể dông dài, cảm xúc trong ta sẽ giảm dần, thậm chí tan biến.

Nói như Nguyễn Hưng Quốc, trong Văn Mai Thảo, có sự “lấp lánh” của chữ, có sự “óng ả” của câu. Lấp lánh, óng ả đã tạo nên một cõi văn chương Mai Thảo tài hoa, đa dạng. Nhưng lấp lánh quá, óng ả quá, đôi khi, lấy mất đi những cảm xúc chân thật.

Nếu ít lấp lánh, ít óng ả thì sao? Hãy thử đọc truyện ngắn “Những tấm hình chị Thời”. Truyện kể lại những kỷ niệm của một chú học trò từ quê lên tỉnh trọ học với chị Thời, một thiếu nữ láng giềng lớn tuổi hơn và é chồng. Trong lúc các bạn đồng trang đồng lứa lần lượt lên xe hoa thì chị vẫn ở vậy, lặng lẽ sống với những tấm hình nam tử xi nê dán khắp phòng. Về mặt kỹ thuật, đây là một truyện kể hoàn chỉnh. Một truyện ngắn hay và rất cảm động. Mai Thảo kể chuyện nhiều hơn là “chơi chữ”. Giọng văn điềm tĩnh, từ tốn, đi sát với hiện thực và tâm cảm nhân vật hơn là điều khiển những con chữ. Trong phần kết, Mai Thảo viết:

Nhớ đến chị Thời, Nhị lại nhớ đến ngôi nhà ngày xưa. Khoảng sân sau rêu phong. Cái bể non bộ và những chậu cây cảnh. Người mẹ già, bàn thờ Phật. Hương trầm thơm và ánh nến lung linh. Những buổi trưa mùa hè, bóng tối làm thành bóng mát, khuôn mặt dịu dàng của chị Thời ở đó, nghiêng xuống giấc ngủ thơ ngây của đứa nhỏ xa nhà. Và tiếng nói của chị, êm ái. Và những tấm hình của chị. “Chị chỉ còn những tấm hình ấy. Để sống. Lớn lên, sau này em sẽ hiểu.” Nhị đã lớn. Nhị đã hiểu. Những tấm hình tài tử ấy là tổng hợp cho một khuôn mặt đàn ông mơ tưởng không bao giờ trở thành sự thật cho đời chị. Nàng công chúa buồn vẫn ở trên cái tháp lạnh và cô đơn của tòa lâu đài kia. Những mùa xuân đã tới. Rồi qua. Hoa nở trong nội. Bướm bay trên đồng. Những chiếc xe hoa. Màu hồng của pháo cưới...

Vẫn là giọng văn Mai Thảo. Dẫu vậy, phải thừa nhận rằng cái chất Mai Thảo không bộc lộ được hết ra văn như trong các truyện hay ký khác. Nghĩ cũng buồn cười. Đọc ông viết dài quá, tỏ vẻ quá, tôi ngộp. Đọc ông viết vừa đủ, gọn gàng, tôi lại thấy thiếu.

Rất cuộc, với tôi, “Chuyến tàu trên sông Hồng” dường như cho ta một Mai Thảo lý tưởng. Bài ký chứa đựng tất cả phong cách Mai Thảo của một Mai Thảo chưa quá sa đà với những con chữ. Dài mà không dài dòng. Tận dụng nhưng không lạm dụng. Khéo nhưng không biểu diễn.

Tâm tràn ra cảnh. Cảnh cô đọng trong tâm. Quá nhưng không thừa. Nó cho thấy những con chữ tự chúng có thể tạo ra vô số nghĩa và không những gây nên cảm xúc mà còn tạo ra những cảm xúc rất mới mẻ. “*Hình dung thấy con tàu đó trên con sông đó. Con sông Hồng Hà. Như dòng máu đỏ tươi chảy băng băng khắp vùng trí nhớ băng khuâng. Con sông như một đời sống vĩ đại. Bên này bãi lở. Bên kia bãi bồi. Tiếng sóng giữa dòng trùng trùng ca hát. Tiếng sóng đập cái tiếng đập mênh mông đầu gềnh nơi tả ngạn bị hủy xóa mãi miết, nước xôn xao róc rách đầy lúi mải những bãi dâu và những nương khoai vào những chân tre cù. Nơi tả ngạn, ngọn sóng hiền lành lăn tăn êm ả trên những bãi ngầm nổi hình mùa lũ này qua mùa lũ khác. Đứa nhỏ trôi theo con tàu trên dòng trường giang hùng vĩ chợt nhớ tới những con sông làng thôn mềm dãi lụa có trâu đầm từng đàn dưới bóng đa nghiêng, có những chiếc cầu đá dẫn tới một phiên chợ sớm đầu đình, có những cầu gạch mở vào những cái ngõ lang thang mát hút, có cỏ gà trên gò đống, cỏ ống trên mỏm, có những cầu tre tay vịn chòng chành, đêm đêm có ánh đom đóm lập lòe, có ánh trăng xanh mờ tỏ chờ tới những khoảng sân gạch bát tràng nồng ám hương lúa đầu mùa.*” Dòng văn cứ thể mà dịch chuyển, miên man, sâu lắng. Nếu những trích đoạn vừa rồi văn Mai Thảo là dòng chảy, thì có những đoạn khác, ta thấy Mai Thảo cố tình chặn dòng văn lại. Bằng cách sử dụng các dấu chấm câu, ông tách câu ra thành từng mảng, từng miếng, bố trí chữ vào trong những vị trí cô lập. Y như thể chúng không cần có nhau:

- *Nguyên thờ dài nảo nuốt. Phút này, chàng chỉ muốn chàng đừng là Nguyên và người yêu của chàng đừng là Châu. Trái tim đừng biết đập. Đầu óc đừng biết nghĩ. Ngu dốt. Đần độn. Tầm thường sống và tầm thường chết. Như cỏ cây. Như phiến lá mục. Như cánh bèo trôi.* (Mười đêm ngà ngọc)

- *Nằm nghe mưa. Thấy mưa trong cảnh ngộ mình, trong tâm thể mình. Hiện giờ. Thấy những khoảng cách mịt mù. Thấy những không gian vô bờ. Thấy những thượng tầng lạnh buốt. Đất nước. Mưa đang ở phía ấy. Trên suốt ba miền đất nước hồng thủy* (Sổ tay Mai Thảo)

Ông bóc chữ khỏi câu, bóc câu khỏi đoạn. Chữ, khác với những đoạn văn dài dòng trên, y như thể bị tước bỏ. Bị câu thúc. Bị lấy mất chất kết dính. Y như thiếu. Thực ra, không thiếu. Chúng chỉ bị nén lại. Một chữ hay một cụm chữ bây giờ chứa đựng nhiều chữ khác. Cái ngắn tạo nên cảm giác bứt rứt, bồn chồn. Những dấu chấm và dấu phết bây giờ không mang giá trị của những ngắt quãng mà là những âm vang, những dồn nén. Chúng là những ý tưởng không nói ra. Chúng trở thành những con chữ dấu mặt. Ở đây, quy luật văn phạm chào thua. Không có. Không cần có. Chính cái không cần đó lại làm giàu thêm nội dung của con chữ.

Cách viết như đoạn sau đây thật tài tình và thật *maithảo*.

Thật lâu. Trong tối. Rồi khóc một mình, khóc ngồi lên, khóc xuống giường, khóc chân đất đi ra (...) Nàng đưa chúng trở lại bàn. Kéo ghế. Ngồi xuống. Hai bàn tay trắng muốt của nàng, ngón út cong lên, khởi sự cuốn dần những cuốn bi tròn trĩnh. Xong. Nàng nhặt từng cuốn, nhúng vào nước chấm. Và bắt đầu ăn. Nàng ăn, đói bụng, đẹp mắt, ngon lành, phúng phính, đầy miệng. Và vừa ăn vừa khóc tiếp (Một truyện rất ngắn)

Giọng văn khô, nghe hụt hẫng. Các chi tiết như một đoạn phim quay chậm, dừng dưng, vô cảm. Nhưng rất ấn tượng.

Bùi Vĩnh Phúc nhận xét: “Nhiều khi, nó tạo ra những phân cảnh. Không phải là những cảnh liên tục. Nhưng chỉ là những phân cảnh. Như của kỹ thuật làm phim. Nhiều khi, những câu văn của Mai Thảo là những *close-ups*, những *gros-plans*, những cận ảnh. Cận ảnh được phóng lớn nhờ vào những câu thiếu thành phần. Chỉ là một từ, một trạng từ, một tính từ hay một danh từ. Có khi chúng là những cụm trạng từ (*adverbial phrases*), hoặc là những nhóm từ bổ nghĩa kéo dài ra từ một câu hoàn chỉnh. Và được cho đứng một mình. Có khi chúng là những cụm từ tiếp nối ý cho một câu đi trước. Lại được cho đứng một mình. Để hình ảnh hoặc âm thanh của nó lan đầy ấn tượng trong ta. Kỹ thuật ấy, thơ thường sử dụng.”(3)

Thật chí lý!

Mai Thảo không những đem thơ vào văn xuôi, mà còn làm thơ. Cách viết ngắn đã đưa tới những thành công của ông trong những bài thơ độc đáo vào lúc cuối đời. Những bài thơ tứ tuyệt của ông như những ý nghĩa bị dồn chặt tới mức mỗi câu, thậm chí mỗi chữ đều là một

năng lực. Nó cho ta thấy một Mai Thảo điệu nghệ trong việc sai khiến con chữ. Khi muốn dài, ông có thể kéo dài đến ...mấy chục tác phẩm, trong đó những đoạn văn “trang hoàng” chắc chắn là dài hơn ý định muốn chuyển tải của tác giả. Nhưng khi cần ngắn, Mai Thảo thu tóm được trong những câu thật cô đọng. Chữ nghĩa chọn lọc. Hình ảnh độc đáo. Rất cụ thể, rất hình tượng, rất gần gũi. Nhưng ý nghĩa của chúng lan tỏa rất xa, rất sâu.

*Biển một đường khơi xa thăm xa
Núi vươn trượng trượng tới mây nhòa
Thì treo cục đất tòng teng giữa
Cho cái vô cùng vẫn nở hoa*

“Cục đất tòng teng giữa” và cái “vô cùng vẫn nở hoa” thật là một hình ảnh cực kỳ “đông phương”, một đối sánh tuyệt vời giữa cái vô hạn/hữu hạn. Cũng là một đối sánh giữa vô hạn/hữu hạn, nhưng dưới một hình ảnh khác:

*Em vừa đi khuất trên đầu phố
Anh đuổi theo sau bóng đã nhòa
Đứng sững. Mới hay lia cách đã
Sơn cùng thủy tận giữa đôi ta. (thủy tận)*

“Đứng sững. Mới hay lia cách đã”. Một dấu chấm rất rất vô ngôn mà lại cũng rất đầy ngôn. Một dấu chấm rất *maithảo*. Một cụm từ cũng *maithảo* không kém: lia cách đã. Và bài sau đây, theo tôi, là một bài thơ tình tình nghịch mà vô cùng thú vị.

*Đặt tay vào chỗ không thể đặt
Vậy mà đặt được chẳng làm sao
Mười năm gặp lại trên hè phố
Cười tùm còn thương chỗ đặt nào (chỗ đặt)*

Bài thơ rõ ràng là cách vận dụng chữ “đặt”. Do cách kết hợp từ mà chữ “đặt” đâm ra có nhiều nghĩa khác nhau. Đọc xong chỉ biết cười. Cười tùm!

Bài viết này chỉ bàn về văn Mai Thảo chứ không bàn về thơ. Vậy xin được dừng ngang đó. Theo những nhà ký hiệu học (semioticians), chúng ta sống trong một thế giới đầy cả ký hiệu (signs). Charles Sanders Peirce (1839-1914), được xem như là một trong hai cha đẻ ra môn học này (người kia là Ferdinand de Saussure), quả quyết: “Toàn thể vũ trụ tràn ngập những ký hiệu, nếu không muốn nói là bao gồm những ký hiệu” (4). Do đó, theo Pierce, khi suy nghĩ, chúng ta chỉ suy nghĩ bằng ký hiệu. Ký hiệu là gì? Ký hiệu là cái gì biểu trưng cho một cái gì khác hơn chính nó. Nhìn một vật hay nghe một âm thanh, bao giờ ta cũng nghĩ đến một cái gì khác hơn chính vật hay âm thanh đó. Đèn đỏ, chẳng hạn, ở ngã ba ngã tư biểu hiện cho sự dừng lại. Cái bàn, chẳng hạn, biểu trưng cho nơi làm việc hay là nơi để sách vở, tài liệu. Người cảnh sát, chẳng hạn, là biểu trưng cho luật pháp. Tiếng khóc, chẳng hạn, biểu hiện cho sự đau thương. Vân vân. Cái được biểu hiện chính là ý nghĩa.

Ngôn ngữ - hay nói cho gọn là chữ hay lời - là loại ký hiệu có vẻ “ký hiệu” nhất trong tất cả các loại ký hiệu, một thứ ký hiệu thuần túy. Nhìn một vật, ta có thể tưởng rằng nó không biểu trưng cho cái gì khác (tức là ý nghĩa) nhưng đọc một chữ, ta nghĩ ngay đến nghĩa của nó. Theo Jean Piaget (5), đối với trẻ con, giai đoạn quan trọng nhất của sự phát triển là khi chúng thay thế sự vật bởi các ký hiệu, trước hết là bằng cử chỉ và âm thanh và sau là ngôn ngữ. Chúng nhanh chóng khám phá ra rằng chữ là một quyền năng. Nghĩa là nó có thể dùng chữ để chỉ “cái gì đó” ngay khi “cái gì đó” không có mặt ở đó. Chữ trở thành năng lực. Khởi thủy, một chữ là để quy cho một sự vật nào đó. Nhưng trong quá trình phát triển, chữ dần dần trở thành những ý niệm trừu tượng hơn là các sự kiện vật lý. “Chữ không phải là sự vật” (the word is not the thing), theo Alfred Korzybski (6). Nói một cách khác, chức năng truyền đạt của ngôn ngữ đòi hỏi một lãnh vực quy chiếu nằm bên ngoài giới hạn của từng sự vật đặc thù. Nghĩa là giữa chữ và nghĩa có một tương quan không ổn định. Điều đó dẫn đến khả năng vô hạn của văn chương. Chữ trên trang văn không phải để bày biện, để trang hoàng, để nhìn ngắm và để chỉ những gì được xác định ở bên ngoài thế giới vật lý, mà để nói về một thế giới khác nằm ngoài nó, trên cao hay

dưới thấp, trong lòng người hay ở một chỗ vô cùng nào đó. Chữ có khả năng tạo ra một loại “hiện thực” mới.

Đọc những nhà văn khác, tôi băng khuông với câu chuyện, tôi thương cảm cho số phận của một nhân vật hay cảm khái vì một tình tiết nào đó. Đọc văn Mai Thảo, tôi tìm thấy một thế giới đầy chữ. Chữ ôm chữ. Chữ trượt chữ. Chữ vịn chữ. Mai Thảo đã tiêm vào chữ những mầm sống mới và qua đó, văn Mai Thảo mở cho ta những hiện thực khác, lạ lùng và kỳ thú. “Hiện thực”, nói như Chandler Daniel, “có tác giả” (reality has authors) (7). Nghĩa là có nhiều “hiện thực” hơn là thứ hiện thực duy nhất do những nhà khách quan chủ nghĩa ấn định.

Với chữ, văn Mai Thảo tạo ra hiện thực. Hiện thực chỉ riêng cho ông.

Tôi đọc ông. Và cảm thấy mình mới hẳn ra. Cũng từ chữ.

Ghi Chú:

(1) Nguyễn Hưng Quốc, *Thơ Mai Thảo, tiếng mưa thầm rơi trên Nam Hoa Kinh*, Hợp Lưu số 16, tháng 4&5, 1994.

(2) Bùi Vĩnh Phúc, *Văn chương Mai Thảo: biên địa của cảm xúc và cái đẹp*, Hợp Lưu, số đã dẫn.

(3) Bùi Vĩnh Phúc, Hợp Lưu, số và bài đã dẫn.

(4) The entire universe is perfused with signs if it is not composed entirely of signs (dẫn theo Jonathan Culler- *The Pursuit of Signs*, nxb Cornell, New York 2001, tr. 23)

Mai Thảo, còn đó một đời...

Nguyễn Vũ

Tôi là độc giả của Mai Thảo, nhóm *Sáng Tạo*, và hầu như tất cả các tác giả Việt Nam Cộng Hòa từ tuổi 15-17. Dù là học sinh ban Toán, trên trung bình, tôi ham thích đọc bất cứ lúc nào có thì giờ rảnh rỗi. Từ những tập kiểm hiệp mỏng dính như *Long Đầu Quái Khách*, hay *Nửa Chừng Xuân*, *Người Đi Trong Mưa Gió*, *Thừa Tự*, *Số Đỏ*, *O Chuột*, *Ngọn Cỏ Gió Đùa* thời tiền chiến, tới những truyện ngắn, truyện dài đăng từng kỳ trên các tuần san, nhật báo. Ngay đến những bài ký sự, biên khảo phong tục địa phương ngắn của Sơn Nam, Nguyễn Hiến Lê, v.. v... tôi đều đọc một cách mê say. Dĩ nhiên, tôi cũng nuôi hy vọng có ngày trở thành một "nhà thơ" hay "nhà văn." Diễn đàn của chúng tôi và các bạn cùng trang lứa (như Nguyễn Đức Nam, Ngọc Hoài Phương, v.. v..) là các tờ bích báo lớp, đặc san trường, và ngay cả những tuần san, nhật báo như *Ngôn Luận*, *Tự Do*, v.. v.. Nếu không vì sự giáo huấn của cha tôi, có lẽ tôi đã nhập ngũ hoặc vào làng văn, làng báo sớm hơn.

Tôi làm quen với thế giới văn chương Mai Thảo qua những ký đăng trên tuần san *Thế Giới Tự Do*, rồi những truyện ngắn và phóng tác trên các tờ *Sáng Tạo*, *Tiếng Vang*, *Kịch Ảnh*, v.. v... Điểm đặc biệt của Mai Thảo là lối hành văn và dùng từ kiểu cách, "chữ nghĩa loảng xoảng." So với Nguyễn Tuân, Mai Thảo trẻ trung hơn, sinh động hơn. Dù đã hơn nửa thế kỷ trôi qua, tôi vẫn còn giữ được nguyên vẹn cảm giác bùi ngùi, xúc động về hình ảnh gã trai leo núi đã bỏ cuộc ở những thước cao điểm cuối cùng, khi đỉnh núi kề cận trước mắt. Hay tâm sự người thanh niên Hà Nội di cư, ngồi vắt chân chữ ngũ trong lòng chiếc *cyclo*, sống với bóng tối nhá nhem ánh đèn của Sài Gòn. Dĩ nhiên, truyện ngắn của Mai Thảo không tạo được những kích xúc của Trùng Dương, Linh Bảo, hay Phạm Nguyên Vũ, Lôi Tam, Nguyễn Mạnh Côn, Dương Nghiễm Mậu, Thế Uyên, Thảo Trường, nhưng Mai Thảo đã lập cho mình một thế đứng riêng trong nền văn học "tự do" miền Nam. So với những Duy Lam của trường phái Nhất Linh, hay Võ Hồng, Võ Phiến, Mai Thảo có phần vượt trội.

Gần chục năm sau, tôi mới có dịp gặp Mai Thảo. Từ báo quán *Văn* tới những phòng trà, quán rượu. Dù đã bước vào làng văn, làng báo, tôi và Mai Thảo có một khoảng cách nào đó. Tôi là một người lính tác chiến thực sự—mang những đôi giày vải và ống quần trần ố vàng phèn chua, bụi đỏ đi đo đồng ruộng Cà Mau và núi rừng cao nguyên—trong khi Mai Thảo ngất ngưỡng những cơn say tại Sài Gòn. Mai Thảo cũng hơn tôi gần một giáp, nên khoảng cách thế hệ là điều khó tránh. Nhưng thắm sâu là một tài liệu khiến tôi không hài lòng—một người bạn cho xem bản sao giấy phép xuất bản báo của Mai Thảo do một người Mỹ đứng tên.

Tôi chủ trương văn hóa, văn nghệ phải hoàn toàn độc lập với những thế lực chính trị. Nhưng tôi quên không xét đến vấn đề ngay chính sự tồn tại của miền Nam cũng do viện trợ Mỹ. Giống như miền Bắc. Hồ Chí Minh, Lê Duẩn, Phạm Văn Đồng không lúc nào ngừng đồng ca lời cảm tạ "sự giúp đỡ" của Nga Sô, Trung Cộng cùng khối Cộng Sản anh em vĩ đại. Tố Hữu thì dạy thiếu nhi miền Bắc, "*Thương cha, thương mẹ, thương chồng, Thương mình, thương một, thương ông [Stalin], thương mười.*"

Giáo sư Vũ Khắc Khoan, ông thầy dạy chúng tôi nửa giờ sử mỗi tuần năm Đệ nhất Chu Văn An, phần nào giúp tôi cởi bỏ thành kiến, nhìn Mai Thảo độ lượng hơn. Thân phận đích thực của chúng tôi, và chúng ta, chỉ là những con chót qua sông. Những con ngựa chiến của chúa Trịnh, như một tác giả *Nhân Văn-Giai Phẩm* kết luận. Chúng ta mê say, kiêu ngạo với đủ loại vũ khí giết người nhập cảng trên tay, quên đi một điều là ngoại cường luôn luôn có những lý do riêng để cung cấp hay bán chịu cho chúng ta những khí giới ấy. Mao Trạch Đông nói với đại diện Cộng Sản Việt Nam rằng "*cứ tự do vay nợ Bắc Kinh, bao giờ có thì trả, không trả cũng được*"—vì đã nắm sẵn tờ giấy nợ của Phạm Văn Đồng năm 1958, nhìn nhận biên giới do Bắc Kinh tự vẽ, không ngừng đàn hồi!

Những ngày đầu nhận mặt chiến tranh—sống giữa những lượn sóng xúc động vỡ bờ trước cái chết của một đồng đội, cùng thôi thúc của bản năng "giết hay bị giết"—tôi chưa tri nghiệm hết sự bẽ bàng của kiếp Lê Dương trên chính quê hương mình. Nên không ngừng cao giọng hô hào người cùng trang lứa nhập cuộc chơi, với ảo vọng duy trì một miền Nam "tự do, dân chủ." Từ năm 1965—đặc biệt là từ sau 1967, khi thuyền chuyển về Nhảy Dù—tôi có cơ hội sinh hoạt thường xuyên trong giới văn nghệ chuyên nghiệp. Hai nhật báo *Thời Luận* (của ông bà Nghiêm Xuân Thiện) và *Tiền Tuyến* của Cục Tâm Lý Chiến khởi đăng ký *Lửa Dậy U Minh* và *Nghiệp Đê Lô. Chiến Sĩ Cộng Hòa* và nguyệt san *Tiền Phong* cũng rải rác đăng thơ và ký. Nhưng điểm bút phá có lẽ là Nguyễn Sĩ Nguyên của *Tiểu Thuyết Thứ Năm* và Hùng Phong của *Chọn Lọc* dành cho tôi chỗ viết thường xuyên, có trả tiền. Nhờ vậy ba tập sách đầu tay—*Đời Pháo Thủ, Những Cái Chết Vô Danh*, và *Trở Về Từ Cối Chết*—được chào đời. Nhà xuất bản của các anh Đậu Phi Lục, Việt, Tô Ngọc đã giúp ba tác phẩm trên đứng vào hàng bán chạy tại miền Nam. Từ đó, tôi được Trương Hồng Sơn mời viết *feuilleton* [tiểu thuyết định kỳ] cho *Tia Sáng*, tờ nhật báo bán chạy hàng đầu của miền Nam. *Vòng Tay Lửa* và *Thềm Địa Ngục*, hai tác phẩm bán chạy nhất của tôi, được đăng từng kỳ trên *Tia Sáng*. Tiếp đó, đến các báo tư nhân *Tin Sớm* của anh chị Nguyễn Ang Ca, *Đồng Nai, Công Luận*, v.. v... Tôi cũng đồng ý cho tờ *Saigon Post* đăng từng kỳ *Đêm Hưu Chiến*, qua bản dịch Trần Nhã [*The Night of the Cease-Fire*]. Đây cũng là thời gian tôi làm quen với nhiều nhà văn, nhà thơ, nhà báo miền Nam, như Ngô Ty, Trọng Nguyên, Sĩ Trung, Ngọc Linh, Trần Tuấn Kiệt, v.. v...

Sở dĩ tôi được "nổi tiếng" nhanh phần lớn do sự gia tăng cường độ cuộc chiến, và đa số thanh niên đều bị nhập ngũ. Chiến tranh và đời quân ngũ trở thành nhu cầu tìm hiểu của đa số độc giả. Tôi cũng quyết định viết thật đơn giản, dễ hiểu cho những độc giả có mức độ phổ thông. Khoảng 3,000 nhà cho thuê truyện trên toàn quốc đều tìm mua sách tôi. Nhờ vậy, sách được tái bản nhiều lần. Tôi cũng bước vào nghề xuất bản, khởi đầu tự in sách mình. Nhà xuất bản Đại Ngã—tức Chân Nhân, mà có người riếu cợt là ngã to—còn giúp phổ biến sách một số bằng hữu như Phan Nhật Nam, Mai Trung Tĩnh, Du Tử Lê, Thế Hoài, Thảo Trường, v.. v...

Là tác giả thành danh đã lâu, Mai Thảo cũng viết *feuilleton* cho nhiều báo, như *Tiền Tuyến*, v... v... Anh được mời vào ban giám khảo chấm thi giải "văn chương Tổng thống" hàng năm—giải thưởng do Tư tướng Edward Lansdale khuyến khích Nguyễn Văn Thiệu lập ra, thoát tiên với mục đích tố cáo sự tàn ác của Việt Cộng trong cuộc Tổng tấn công Mậu Thân 1968. Nhưng tôi và một số nhà văn độc lập, kể cả anh Chu Tử, xếp loại như những miếng xương thừa mà tập đoàn cai thầu chiến tranh ném ra cho văn nghệ sĩ tranh nhau. Hai trong những người trúng giải đáng ghi nhận là nhà thơ Trần Tuấn Kiệt và nhà văn Xuân Vũ, một nhân viên hồi chính. Trần Tuấn Kiệt không thích đi lính, nên tẩm huy chương giải thơ Tổng thống giúp anh nhiều lần tai qua nạn khỏi khi bị chặn xét giữa đêm. Xuân Vũ, qua tác phẩm *Đường Đi Không Đến*, là một tác giả chống Cộng có giá trị.

Sách Mai Thảo ra khá đều, do nhà xuất bản Nguyễn Đình Vượng ấn hành. Tuy nhiên, trên thị trường, tôi và Duyên Anh vẫn là hai tác giả Bắc di cư được ứng tiền bản quyền cao nhất. Một người bạn làm kiểm duyệt ở Bộ Thông Tin có lần nhận được "món quà Xuân" hậu hĩ là bản thảo *Uyên Bùn* (để trao đổi lấy sự dễ dãi của lưới kéo kiểm duyệt). Điểm muốn nhấn mạnh là khác với những điều cả đoan của các nhà lý luận, phê bình văn học Cộng Sản khi nhận lệnh viết về "văn hóa Mỹ-Ngụy," nhu cầu thị trường đóng một vai trò quan trọng trong sinh hoạt văn hóa miền Nam. Không được độc giả ưa chuộng, khó thể trở thành nhà văn chuyên nghiệp. Có độc giả là có mai mối của các nhà xuất bản lớn như Sống Mới, Khai Trí, Đồng Nai, v... v... tìm đến. Chỉ một thiếu số cây bút sống nhờ tiền lương và trợ cấp của Bộ Thông Tin, hay cơ quan tâm lý chiến của quân đội và tòa Đại sứ Mỹ. Họ thường chỉ là những cây bút hạng nhì, hạng ba, kiếm danh vọng qua những màn xưng tụng, tâng bốc lẫn nhau trong những cuộc phỏng vấn tự viết—chẳng dính nhập gì nhiều với độc giả hay thị trường sách báo.

Từ hạ bán thập niên 1960, mắt nhìn của tôi về cuộc chiến bắt đầu thay đổi. Thời gian ngắn được biệt phái về Bộ Tư Lệnh Quân Đoàn IV của Trung tướng Đặng Văn Quang giúp tôi cơ hội nhìn sâu hơn vào hậu trường chính trị miền Nam, và thực chất cuộc chiến. Quyết định trở lại Đại học Văn khoa theo học Ban Giáo Khoa Triết Đông giúp thoát khỏi bế tắc về tư tưởng. Tác phẩm của Trang Châu cùng kinh Phật mở ra cho tôi một nhân sinh quan mới. *Binh nghiệp*—nếu thân phận một sĩ quan trừ bị trong quân đội đáng gọi là binh nghiệp—bắt đầu tiến những bước giật lùi. Tôi ứa nước mắt ngậm ngùi nhớ đến những người bạn lính đã chết trong dạ tiệc "*rửa mồ hôi lính*" vào cuối năm 1967, và thấp lên ảo vọng được trở lại đời sống dân sự, tiếp nối nghề giáo thanh bần của cha tôi.

Nhưng chưa tròn 100 ngày, tôi nhận lệnh tái ngũ sau cuộc tổng tấn công Mậu Thân 1968. Thiếu tá Huỳnh Long Phi, Chỉ huy trưởng Pháo binh Dù, miễn cưỡng đón nhận tôi trở lại. Tôi cũng chẳng vui thú gì ở những ngày tàn, nhưng đẫm máu, của cuộc chiến vô nghĩa, phi lý và bất nhân của giai đoạn "*Việt Nam hóa chiến tranh*." Bưng tai, bịt mắt cho xong mảnh bằng Cử nhân Triết Đông, cũng chẳng yên. Cuộc bầu cử độc diễn của Nguyễn Văn Thiệu năm 1971 khiến tôi chẳng có một lựa chọn nào khác hơn phải nói lên thân phận chót qua sông của người lính Việt Nam Cộng Hòa. Tôi cũng không thể chấp nhận thái độ hèn nhát của Nguyễn Văn Thiệu khi đánh đổi chiếc ghế Tổng thống nhiệm kỳ 2 bằng cách cho Bắc Việt duy trì quân chủ lực miền Bắc ở phía Nam vĩ tuyến 17. Một Dân biểu gốc thợ chụp hình tỉnh Quảng Đức báo cáo lên Nguyễn Văn Thiệu về những lời tuyên bố của tôi, trong một cơn say. Hơn 100 dân biểu gia nô của cái gọi là quốc hội đưa thỉnh nguyện thư yêu cầu điều tra. Dương Hùng Cường, tức ký giả Dê Húc Càn—người sau này nổi danh với bài phiếm "*Nếu chàng Trương Chi đẹp trai*"—chỉ vì ngồi chung bàn rượu, cũng bị câu lưu điều tra 4 tháng trong Cục An Ninh Quân Đội. Rồi thuyền chuyển ra Sư đoàn 3 Bộ binh tại triền núi Hòa Khánh (Phước Tường)—cùng nhau, "*Ta nương đời lính mà qui ẩn, Nghiêng nửa càn khôn dưới đáy bầu.*"

Thời gian này, Trần Phong Giao và Nguyễn Xuân Hoàng đã thay Mai Thảo nắm nguyệt san *Văn*. Ông Nguyễn Đình Vượng ứng tiền mua một bản thảo mới của tôi. Thỉnh thoảng tôi gặp Mai Thảo đó đây, nhưng chỉ chào hỏi qua loa.

Đến mùa Xuân đen 1975. Tôi trôi dạt đến Eau Claire, một tỉnh nhỏ Bắc Wisconsin. Tạm biệt nghề văn, nghề báo, chú tâm vào sử học, để tìm hiểu về thực chất cuộc chiến 30 năm. Loáng thoáng nghe tin Mai Thảo bị kẹt lại, nhưng từ chối trình diện cải tạo. Sống lẩn lút ở Sài Gòn một thời gian, Mai Thảo trốn được qua Mỹ.

Mãi tới năm 1986-1987, khi từ Pháp trở lại Mỹ, tôi mới có dịp gặp Mai Thảo. Vẫn Mai Thảo với những cơn say túy lúy, và mắt nhìn cuộc đời đầy khinh bạc. Kiếp tầm nhả tơ, Mai Thảo không thể không viết. Không thể không ra báo. Còn làm thơ, thấy đời mình toàn những miếng dền. Tuổi đời và chứng nghiện rượu khiến Mai Thảo cay đắng, phần nộ hơn trong những câu ề à chữi đồng, hay công kích người cùng bàn. Nhưng Mai Thảo vẫn không thay đổi ở thái độ văn chương quen thuộc—tôi chưa từng thấy Mai Thảo dùng ngòi bút công kích bất cứ ai. Mai Thảo đáng yêu, đáng quý nhất ở điểm này.

Đôi lần Mai Thảo khăn gói từ Santa Ana lên San Jose thăm tôi, và ngược lại. Dù tiền bạc không dư giả, thỉnh thoảng Mai Thảo mua rượu cho tôi uống. Chúng tôi rất ít bàn đến văn chương, hay văn học. Hay chuyện đất nước, chiến tranh.

Ít năm sau, nghe tin Mai Thảo bệnh nặng. Lần cuối cùng gặp nhau ở nhà hàng *Kim Long*, Mai Thảo chuyển sang uống vang thay vì *Cognac* như cũ. Khi tôi trở lại Houston, Đăng Hiền một ngày báo tin Mai Thảo có lẽ không yên. Rồi Mai Thảo ra đi, trong sự bao bọc, săn sóc của nhiều văn hữu trẻ.

Năm 2004, trước khi về Việt Nam nghiên cứu với một học bổng Fulbright, tôi ghé lại Santa Ana. Nguyễn Chí Hòa đưa tôi vào nghĩa trang thăm Long Ân. Trong lúc tìm tòi, tôi chợt nhận ra hình Mai Thảo ở đầu một ngôi mộ nhỏ, khiêm nhường. Khuôn mặt dài, nụ cười khinh bạc như chứng méo mó hơn. Ba nén hương thấp cho Mai Thảo, thật tình cờ, nhưng cũng có thể như do một tiền định. Tôi hỏi thăm "*Mai Thảo, vui hay buồn?*" Không có hỏi đáp.

Trên những bước chân mờ sương trở ra chỗ đậu xe, tôi thấy Mai Thảo lần chót. Khuôn mặt dài, nụ cười khinh bạc như chứng méo mó hơn. Nhưng tôi chợt nghĩ có lẽ ông bạn đồng nghiệp vong niên của tôi đang vui. Rất vui. Thuở sinh tiền, anh luôn trang trọng với văn chương, nghiệp dĩ. Ngòi bút Mai Thảo chưa từng dùng để vẩy mực vào cá nhân nào, cho dù là những con sâu bọ xúm xít quanh bông hoa văn chương Mai Thảo. Hay những người thù đầy hần học đổ kỹ trong cuộc sống. Sống chưa hẳn đã vui. Chết cũng chưa hẳn là điều đáng buồn. Mai Thảo đã đến, sống với chúng ta, rồi đi. Cá nhân Mai Thảo ra sao, có lẽ không quan trọng. Vấn đề là những gì Mai Thảo còn lưu lại cho hậu thế. *Toàn bộ tác phẩm của anh.*

Những dòng chữ đã kích giáo điều, hần học của các tác giả Cộng Sản không đủ làm giảm giá trị văn chương của Mai Thảo. Những lời xưng tụng của thân hữu không đủ nâng cao văn tài Mai Thảo. Điều đáng ghi nhớ nhất về Mai Thảo, bạn văn của tôi, là *thái độ trang trọng của anh khi sử dụng ngòi bút của mình.*

Vài kỷ niệm với Bùi Giáng

Nhiều buổi chiều Sài Gòn, tôi chẳng còn có thể nhớ đích xác vào những năm nào, đâu như năm 1962, đâu như năm 1965 (nếu sai, nhờ hai anh Cung Tiến, Phạm Công Thiện nhớ lại dùm cho), tôi thường được mời tới những họp mặt ăn nhậu trên căn lầu ngăn nắp, thoáng mát của thầy Thanh Tuệ ở đường Lý Thái Tổ. Mỗi họp mặt với Thanh Tuệ, hồi đi là giám đốc của nhà xuất bản An Tiêm và còn là nhà sư trẻ tươi tắn chưa cởi áo hôi tục, thường vì một cuốn sách. Một cuốn sách mới, vừa in xong chưa ráo mực. Và trước khi gởi sách vào nắng mưa đời, họp mặt An Tiêm với thân hữu là một tiệc rượu lạc thành cho sách.

Những họp mặt vì sách và do sách đó thường có tôi, Thanh Tâm Tuyền, Phạm Công Thiện, đôi khi Nguyễn Đình Toàn, Dương Nghiễm Mậu, Doãn Quốc Sĩ, và đương nhiên nhân vật chủ chốt là tác giả sách là Bùi Giáng. Tôi chỉ kể tới Bùi Giáng, bởi suốt thời kỳ đó, có thể nói, thầy Thanh

Tuệ vì một tấm lòng liên tài đặc biệt, chỉ mê thích thơ văn Bùi Giáng, chỉ in Bùi Giáng, dành trọn phương tiện cho ưu tiên xuất bản trước mọi tác giả khác. Và giai đoạn có thể đặt tên là giai đoạn Bùi Giáng này, An Tiêm đã in đêm in ngày, in mệt nghỉ, vì những năm tháng đó chính là những năm tháng đánh dấu cho thời kỳ sáng tác kỳ diệu sung mãn nhất của Bùi Giáng, cõi văn cõi thơ Bùi Giáng bấy giờ ào ạt vỡ bờ, bát ngát trường giang, mênh mông châu thổ, Bùi Giáng bấy giờ mỗi tuần viết cả ngàn trang khiến chúng tôi bàng hoàng khiếp đảm, ngôn ngữ và tư duy của Bùi Giáng hiển lộ tới không bèn không bờ, vô cùng vô tận, và tài năng ông cũng vậy.

Bùi Giáng chất ngất một trời chữ nghĩa, Bùi Giáng trùng trùng một biển văn chương. Vậy mà mỗi lần gặp thi sĩ hỏi đó, cảm tưởng bao giờ cũng giữ được là đã gặp một Bùi Giáng rất nhàn rỗi, rất rong chơi. Bước chân vào nhà Thanh Tuệ chúng tôi đã thấy Bùi Giáng ngồi trước đó, tươi cười, ung dung, trong cái phong thái của một người nhàn nhã nhất thế giới, chẳng có một dấu vết nào của một người viết đang gió táp mưa rơi trên ngàn ngàn trang sách. Có như Bùi Giáng trước sau vẫn đang chập chờn với đời như một cánh bướm, lững thững với đời như một áng mây. Có như Bùi Giáng, cái áo vải cũ, râu tóc để mặc, điều thuốc trên tay, chén trà trước mặt, vẫn chỉ ngồi chơi thảnh thơi ngày ngày với An Tiêm như thế. Sau này, sống với Bùi Giáng nhiều hơn, tôi cũng chỉ thấy Bùi Giáng như hồi đầu thấy ở An Tiêm.

Trong một phiêu hốt, một ung dung chưa từng thấy. Có như, trọn một đời cái đầu của thi sĩ không một chút nào dành cho suy nghĩ, bàn tay thi sĩ không một phút nào dành cho cây bút. Có như trang giấy trắng, mặt bàn viết là những vật thể xa lạ chẳng bao giờ ông biết tới. Vấn tắc là Bùi Giáng chẳng làm gì hết, chẳng ai một lần nhìn thấy Bùi Giáng đang làm gì hết. Mà hoàn toàn phiêu bông, hoàn toàn rong chơi. Vậy mà cái sức viết hồi đó đến như Bùi Giáng là tột đỉnh, là không tiền khoáng hậu. Vậy mà cái lực viết đến như Bùi Giáng và thấy Bùi Giáng là ngàn người không một, là phi phạm, là vô địch rồi.

Một lần, tôi đem cái điều khó hiểu này ra hỏi một người cũng làm thơ thật nhiều, cũng làm thơ rất đều tay là Thanh Tâm Tuyền. Tác giả Liên Đêm Mặt Trời Tim Thấy lắc đầu cười: “Chịu không giải thích được. Chỉ biết Bùi Giáng khác. Với tôi. Với hết thấy. Là cái chỉ có một. Với tôi là từng bài thơ. Nói đến từng bài thơ Bùi Giáng, bài thơ này bài thơ kia của Bùi Giáng lại là chuyện tức cười lảm lảm. Bùi Giáng là cái hiện tượng dị thường của một suối thơ ăm ắp không ngừng. Đọc thơ Bùi Giáng cũng phải đọc như thế. Đứng trên đơn vị từng bài. Bùi Giáng đặt tựa cho từng bài là ngắt thơ ra, ngắt chơi ra vậy thôi. Nói đến mấy ngàn bài thơ Bùi Giáng là đúng. Mà nói thơ Bùi Giáng chỉ có một bài, vô tận vô cùng là đúng hơn. Ngủ ra thơ, thở ra thơ, đi ra thơ, đứng ra thơ. Chứ không phải nghĩ ra thơ, làm thơ. Ta cứ tạm hiểu cái trạng thái thơ kỳ lạ khác thường ở Bùi Giáng là như vậy.”

Sự ngược nghịch giữa cái rong chơi một đời của Bùi Giáng với cái lực thơ, cái số thơ, cái lượng thơ khủng khiếp làm ra, tôi đem hỏi thêm nhà xuất bản hằng ngày sống cùng Bùi Giáng, rồi đến chính thi sĩ, cũng không được sáng tỏ gì hơn ngoài suy diễn có tính chất phỏng đoán của Thanh Tâm Tuyền. Thầy Thanh Tuệ cũng chỉ lắc đầu cười. “Tôi cũng lấy làm kỳ”, Thanh Tuệ nói. “Anh lang thang suốt ngày, chẳng thấy lúc nào ngồi viết hết. La cà hết nơi này đến nơi khác, uống rượu say ngất rồi về lều lẩn ra sân ngủ, nhiều ngày bỏ cả bữa ăn. Đêm cũng không thức, chỗ nằm tối thẫm. Tôi in không kịp, nói ảnh tạm ngừng thì ảnh ngừng. Nói có máy, có giấy, nói buổi sáng buổi chiều ảnh đã tới ném bịch xuống cả năm, bảy trăm trang. Cứ thế đem sắp chữ thôi, đâu có thì giờ đọc. Điều kỳ lạ là không riêng một thể loại mà thể loại trước tác nào anh cũng có ngay sách, dễ dàng và nhanh mau vô tả. Từ thơ đến văn. Từ một cuốn tiểu luận về Camus đến một cuốn tiểu luận về Nguyễn Du. Từ dịch thuật tiểu thuyết đến phê bình triết học. Tất cả như đùa như chơi vậy.”

Nhà An Tiêm suốt mấy mùa sách, hầu như không thờ được nửa trước cái viết tràn bờ của Bùi

Giáng, điều này ai cũng biết.

Rồi tôi rủ Bùi Giáng tới quán. Đãi ông uống rượu. Vặn hỏi chính thi sĩ. Để cũng chỉ được Bùi Giáng cười cười thích thú trước tìm hiểu có vẻ ngờ ngẩn của tôi. Ông không chịu giải thích, chừng như ông không có gì giải thích, sự thành hình tác phẩm nơi Bùi Giáng cuối cùng vẫn là một bí ẩn hoàn toàn trong cái vùn vụt, cái bất tuyệt thao thao, cái chớp mắt đã là của nó. Cười cười, ông đốt điếu thuốc, cầm lấy ly rượu: “Vui thôi mà”.Ừ vui, ba chữ “vui thôi mà” là câu trả lời mơ hồ nghịch ngợm duy nhất của Bùi Giáng trước mọi tìm hiểu của lực thơ và số lượng thơ không thể tưởng tượng được ở nơi ông, cõi thơ vô bờ của ông trăm phương nghìn ngã mệnh mông và chính ông là hiện tượng thân của mệnh mông nghìn ngã trăm phương ấy.

Bùi Giáng nói vui thôi mà. Quả vậy, thơ ông vui cực kỳ. Con châu chấu, con chuồn chuồn. Con chuồn chuồn, con châu chấu. Rừng Marylyn. Biển Brigitte Bardot. Ngành Novak. Đóa John Keats. Ngành Mật niệm. Đóa U Linh. Hồng Lĩnh Hạc Lâm. Quỳnh Lai Thị Xứ. Thơ đốt pháo bông, ngồn ngữ triệu triệu, như chữ thần diệu:

*Người nằm ngủ thấy gì
Thấy rất nhiều nắng lạ*

Giấc ngủ đầy nắng, đầy nắng lạ. Bùi Giáng nói vui thôi mà. Thơ ông vui thật. Từ cánh tay áo rộng, thơ bay. Từ trí tuệ gió lộng, thơ phát. Nghìn thu cổ lục. Ngày Hy Nga. Đêm bé chị. Mọi trên ngàn. Sóng Hồng Hoang. Thềm dục vọng. Thơ ghé thăm đá, thăm bàn ghế, thăm bún bò, thăm lá.

*Ghé thăm trái mận ban đầu
Bình minh bắt gặp nguyên màu ban mai*

Tiếng thơ sáng rõ, chói lọi, kỳ ảo, cánh rừng ngôn ngữ ấy suối reo, chim hót, hoa nở, cây ào ào sóng vỗ, sóng từng từng xanh cây, beo gấu rợn nghịch, con chuồn chuồn hóa thân, con châu chấu suy tưởng, những môi nhỏ hằng ngày, gì cũng là thơ, thả đều biến dạng. Thơ Bùi Giáng vui thật. Một vĩ đại vui. Hãy đọc thơ ấy, như cùng ông đi vào một trận vui lồng lộng. Đừng cần tìm hiểu. Đừng cần giải thích. Hãy đọc lại Mưa Nguồn, Bài Ca Quần Đảo:

*Xin chào nhau giữa con đường
Mùa Xuân phía trước, miên trường phía sau*

Sẽ thấy cái vẫy tay chào lấp lánh của thi sĩ. Cái sự “vui thôi mà” trước sau ông chỉ nói vậy, ba chữ này tôi ao ước được thấy khắc vào mộ chí ông khi ông mất đi, ông và giữa con đường vui, không dưới không trên, không đầu không cuối gì hết. Giữa và mùa xuân phía trước, miên trường phía sau.

Thơ là người. Ngoài đời Bùi Giáng cũng thật vui. Thời kỳ Thanh Tuệ chấm dứt, nhà xuất bản An Tiêm tạm ngừng hoạt động, Bùi Giáng gặp lại Thanh Nam, viên Linh, Vũ Khắc Khoan và tôi ở toà soạn tuần báo Nghệ Thuật và những kỷ niệm chúng tôi có với thi sĩ thời gian này vẫn là những kỷ niệm vui. Lúc này, thần thái ông ấy không còn được rạng rỡ như mấy năm về trước. Cuộc phiêu bồng qua đời sống của ông kỳ dị và tận cùng hơn. Mái tóc ông đổi màu. Mấy chiếc răng cửa bị gãy, nụ cười trẻ thơ vừa móm mém. Cặp ma-sát sâu hóm xa khuất dần với mọi hình hài thực tế. Những con đường trên đó ông đi, cái túi vải thơ nào, những ngã tư ông ngừng lại, tách thoát với nhân thế, tất cả ở Bùi Giáng phơi hiện dần dần một hủy hoại khô khốc, ấy là tôi chỉ biết nhìn thấy ông một cách “hình hài” như vậy, nhưng “vui thôi mà” thì vẫn là rất vui. Ông vào tòa soạn, ngồi xuống ghế, nhìn mọi người, cười trẻ thơ, thường nói khát quá và xin một

chai bia uống. Ông uống từng ngụm nhỏ, nói thích chai bia lớn vì uống được nhiều hơn, châm thuốc hút, những ngón tay vụng về lóng ngóng. Uống cạn chai bia, cái túi vải đeo lên và bỏ đi. Đó là cái đến cái đi êm ả của Bùi Giáng. Nhiều lần không thế. Ông ra tắm ở cái máy nước trước tòa soạn, thản nhiên trước người qua kẻ lại, quần áo lướt thướt đi qua đường, một đám con nít tròn mắt đi theo. Một lần khác, chúng tôi đi ra ngoài một lát trở về, thấy ông nằm ngủ ngon lành trên hai cái bàn viết kê liền lại. Giấc ngủ dài, quên đời, quên hết, mặc hết, phải đánh thức dậy. Những lần đó, ông ngồi im lặng, bất động, thậm chí “vui thôi mà” rồi lặng lẽ bỏ đi, cái bóng dáng gầy đơ, gầy guộc trong chiều xuống.

Chính là trong cái tình trạng suy nhược đã trầm trọng quá chừng và tiêu tụy què thể này của Bùi Giáng mà chúng tôi bắt đầu cảm thấy quan tâm thực sự đến thi sĩ. Đến sức khỏe ông, ngày mỗi cạn kiệt. Đến cách sống ông ngày mỗi tiêu tụy. Đến tâm thức ông, ngày càng bất định. Cuộc vui của ông Bùi Giáng tuyệt vời nhưng chẳng thể phiêu bồng mãi mãi. Phải làm một cái gì về ông. Để ghi nhận lại. Về thể nào là cái tiếng thơ trác tuyệt của Bùi Giáng, cõi ngôn ngữ đạt tới hoang đường kỳ ảo của Bùi Giáng. Trong khi còn gần ông. Trước khi ông chẳng gần, chẳng chịu sống cùng ai nữa.

Số biệt về thiên tài thi ca Bùi Giáng phải chờ đến hơn một năm sau, tờ Nghệ Thuật đình bản, tôi sang trông coi tờ Văn chung với Nguyễn Xuân Hoàng thực hiện được. Cũng nhờ số Văn này mà tôi mới nhìn thấy và hiểu được sự không hiểu của tôi nói ở trên là sự ngược nghịch giữa Bùi Giáng tháng ngày rong chơi với Bùi Giáng mộ tuần lễ cả ngàn câu thơ, cả ngàn trang sách. Số Văn ấy, phần nhận định nhờ Thanh Tâm Tuyền, Ninh Chữ, Tuệ Sỹ, Trần Tuấn Kiệt... viết. Bài phỏng vấn Nguyễn Xuân Hoàng thực hiện. Phần giới thiệu những bài thơ mới nhất là tôi. Chưa biết kiếm tìm Bùi Giáng ở đâu, thi sĩ bất ngờ ghé thăm tòa soạn. Ông ấy chỉ còn là da bọc xương trong quần áo thùng thình, mái tóc dài đạo sĩ, cái túi vải còn thêm cây gậy. Kéo ông ra trước báo quán chụp chung tấm hình làm kỷ niệm rồi tôi hỏi xin ông những bài thơ mới nhất. Ông gật. Tường lấy ở túi vải ra. Hoặc nói về lấy, hoặc nói hôm sau. Tất cả đều không đúng. Ông hỏi mượn một cây bút, xin một xấp giấy, một chai bia lớn nữa, đoạn ngồi xuống, và trước sự kinh ngạc cực điểm của chúng tôi, bắt đầu tại chỗ làm thơ. Ông không chép lại thơ đã làm. Ông làm thơ tại chỗ. Lần đầu tiên tôi thấy Bùi Giáng viết, thoăn thoắt, vùn vụt, nhanh không thể tả. Như thơ không thể từ đầu, từ tim chảy xuống, lâu quá, mà ngay từ ngọn bút từ đầu ngón thoi. Làm thơ ứng khẩu, làm thơ tại chỗ, nhiều người cũng làm được. Nhưng là thơ thù tạc, và chỉ năm bảy câu một bài thoi. Bùi Giáng khác. Chai bia còn sủi bọt, ông ngồi viết không ngừng, tự dạng nắm nốt chỉnh đốn, chỉ một thoi đã xong hơn hai mươi bài thơ, chúng tôi cầm lên coi, thấy bài thơ nào cũng khác lạ, cũng thật hay, cũng đích thực là từng hạt ngọc của cái thơ thượng thừa Bùi Giáng. Lần đó, tôi đã hiểu tại sao Bùi Giáng cứ cánh bướm rong chơi, cứ phiêu bồng lãng du mà vẫn có ngay nghìn câu một buổi. Đúng là ngủ ra thơ, thở ra thơ, uống la-de, hút thuốc lá ra thơ. Mà thơ không ai sánh bằng, thơ không ai đuổi kịp. Ông uống cạn chai la-de, lập lại ba tiếng bất hủ “vui thôi mà” rồi đứng lên từ biệt.

Mấy tháng cuối cùng trước biến cố 1975, tôi không thấy Bùi Giáng trong đời sống tôi nữa. Chỉ tình thoảng nghe thấy ông vẫn lang thang đây đó, một quán này, một bãi hoang kia, ngủ bất cứ ở đâu, dưới trời sao, ở một gầm cầu, dưới một mái hiên. Có lúc thấy nói ông đeo một xâu chuỗi toàn dây dếp và quần áo phụ nữ quanh cổ như một vòng gai quái dị, đám con nít reo hò chỉ trỏ người điên, người điên. Có khi nghe thấy, ông ẩn lánh ở ngôi chùa vùng ngoại vi thành phố, ăn chay niệm Phật cả ngày không nói.

Ở trình trạng này, anh em chúng tôi, những bạn bè một thời thân thiết với Bùi Giáng, từng đã chén thù chén tạc với Bùi Giáng bao lần trên căn gác đường Lý Thái Tổ của nhà xuất bản An Tiêm, nhận sách tặng của Bùi Giáng, ở với ông và trò thơ trác tuyệt của ông, chúng tôi biết chúng tôi chẳng làm gì cho Bùi Giáng được nữa. Chẳng phải bỏ ông. Ông cũng không bỏ. Chỉ

là ông đã đi khỏi, đi xa, vào một trời đất khác.

Hai câu thơ hay tuyệt hay vào tập cho tập Mưa Nguồn:

*Xin chào nhau giữa con đường
Mùa xuân phía trước, miên trường phía sau*

Đã mang một ý nghĩa khác. Lời chào như một xa cách vĩnh viễn. Một bỏ đi. Một vĩnh viễn. Cái kho tàng chữ nghĩa phong phú vô tận ở đó Bùi Giáng vừa tạo dựng nên cái thế giới ảo huyền của mình vừa phá hủy tan tành cái thế giới ấy, kho tàng ấy thì sĩ không thêm sử dụng nữa, và chúng tôi chẳng còn con đường nào tới được với ông.

(.....)

Bùi Giáng đã đem lại cho cuộc đời biết bao nhiêu châu ngọc. Bằng tài thơ trác tuyệt. Bằng cội ngôn ngữ ảo diệu, không tiền khoáng hậu. Có ông, thi ca mới đích thực có biển có trời. Từ ấy, thi ca mới không cùng không tận. Đọc lại Mưa Nguồn, đọc lại Ngàn Thu Rớt Hột, Bài Ca Quần Đảo, tôi còn muốn bật cười với thơ Bùi Giáng. Vui thôi mà. Đúng vậy, vui thôi, có khác gì đâu. Mất Bùi Giáng, thơ ta lại trở về với cái hữu hạn đời đời của thơ. Nhiều người bảo ông chỉ là một thằng điên. Tôi chỉ muốn nghĩ thầm cho tôi là nếu có thêm được ít người điên như Bùi Giáng, thơ ca ta vẫn học ta còn được lạ lùng được kỳ ảo biết bao nhiêu.

Độc ở sao trời Hoàng Hải Thủy

Chúng tôi gọi đùa Thái Thủy, bạn chúng tôi là Thi Sĩ Lươn Om vì những năm trước 1963 anh làm bài thơ tình trong đó có câu: "Hạnh phúc như con lươn trườn khỏi bàn tay người bắt vụng về..." Thái Thủy là tác giả bài thơ phổ nhạc "Gửi Mẹ" -- không nhớ do Nhạc Sĩ Đan Phú hay Đan Thọ phổ nhạc -- được hát nhiều những năm 1956, 1958, những năm sau ngày Đất Nước Ta bị chia đôi ở sông Bến Hải: "mẹ ơi... Thôi đừng khóc nữa... Cho lòng già nặng sầu thương..." Năm 1954 Thái Thủy giả từ Hà Nội vào Sài Gòn, anh có bà mẹ già ở lại miền Bắc. Năm 1975 bà cụ còn sống, Thái Thủy bị Công An Thành Hồ bắt đi tù mút chỉ cà tha từ Tháng Ba 1976 đến 1988 mới được về. Chúng tôi đùa anh: "Năm 54 Thái Thủy đi bà mẹ anh khóc, năm 75 Việt Cộng theo chân Thái Thủy vào Sài Gòn, Thái Thủy khóc. Lần này bà mẹ khuyên anh: 'Con ơi... Thôi đừng khóc nữa...'"

Thái Thủy đi tị nạn sang Hoa Kỳ năm 1997. Đến Cali anh còn gặp Mai Thảo và Nguyên Sa. Sống ở xứ người chưa được một năm anh bị tai nạn xe cộ đứt ruột, gãy xương sườn, phải chịu đựng cả nửa năm trời cái lỗ rồn thứ hai ở bụng. tháng Tư 1999 anh nói với chúng tôi ở xa Cali:

- Tao vừa đến nhà Nguyên Sa dự lễ giỗ đầu nó.

Ngày giỗ của Nguyên Sa làm tôi nhớ đến Mai Thảo. Mai Thảo, Nguyên Sa qua đời đã được một năm. Nghe nói anh em văn nghệ Cali có tổ chức một Giải Văn Học Mai Thảo. Dù không có vợ con Mai Thảo cũng không mất giỗ, anh có nhiều thân nhân ở Hoa Kỳ. Anh cháu con bà chị ruột Mai Thảo, anh Nguyễn Đ.C, hiện ở San Jose, Cali, là người rất thương cậu Quí. Mai Thảo và tôi có họ với nhau. Bà nội tôi là em ruột ông nội của Mai Thảo. Ngày xưa xa lắm, những năm 1940, tôi có được về chơi làng Thổ Khối, làng bà nội tôi, cạnh làng Bát Tràng, phủ Gia Lâm. Ông thân Mai Thảo và ông thân tôi vẫn thường gặp nhau ở Sài Gòn.

Tháng Ba năm 1976 bọn cộng sản Bắc Việt -- thời đó do hai tên Việt Cộng cuồng tín khát máu ác ôn nhất là Lê Duẩn, Lê Đức Thọ cầm đầu -- mở chiến dịch bắt bỏ tù những văn nghệ sĩ, ký giả quốc gia Việt Nam Cộng Hòa bại trận, gọi giản dị là văn nghệ sĩ Sài Gòn. Đây là một phần trong tổng chiến dịch càn quét, khủng bố để cho chìm xuống luôn bọn Mặt Trận Giải Phóng Miền Nam. Tháng Sáu 1976 những anh Mặt Trận Giải Phóng Miền Nam Huỳnh Tấn Phát, Huỳnh Tấn Mẫm, thanh Nghị, Lâm Văn Tết, Nguyễn Hữu Thọ bị Lê Duẩn, Lê Đức Thọ cho ngồi chơi soi nước ráo tội. Buổi sáng sớm anh bạn đi xe đạp đến đập cửa nhà tôi:

- Đem qua nó bắt anh Côn, Đăng Giao, Duyên Anh, Nhã Ca... Chưa biết còn những ai bị bắt... Ông đi trốn hay cứ ở nhà?

Trong một đêm bọn Công An Thành Hồ tung ra năm, bảy toán đi bắt người. Nhiều lắm là mỗi toán bắt được hai người trong một đêm. Anh em vừa bị bắt trong đêm, sáng hôm sau chúng tôi biết ngay. Người nọ loan tin dữ cho người kia. Chúng tôi không sợ hãi lắm cũng không ngạc nhiên nhiều trước chuyện bị Việt Cộng bắt. Gần một năm rồi, anh em sĩ quan đi tù hết, không ai biết các sĩ quan ta, các dân biểu, thượng nghị sĩ, các vị công chức cao cấp của ta đang bị giam giữ ở đâu, sống chết ra sao. Việt Cộng bắt người dài dài và đều đều không ngừng nghỉ, bọn văn nghệ sĩ chúng tôi có bị Việt Cộng bắt cũng phải thôi. Việt Cộng không bắt chúng tôi mới là chuyện lạ.

Chiến dịch bắt giam văn nghệ sĩ Sài Gòn kéo dài suốt trong Tháng Ba 1976. Tôi kể lại tên những người bị bắt theo trí nhớ của tôi: Vũ Hoàng Chương, Nguyễn Mạnh Côn, Doãn Quốc Sĩ, Nguyễn Sĩ Tế, Trần Việt Sơn, Lê Văn Vũ Bắc Tiến, Lê Xuyên Chú Tư Cầu, Dương Nghiễm Mậu, Nguyễn Hữu Hiệu, Cao Sơn, Trần Dạ Từ, Nhã Ca, Đăng Giao, Chu Vị Thủy, Minh Đăng Khánh, Hoàng Vĩnh Lộc, Thân Trọng Kỳ, Minh Vồ Nguyễn Văn Minh, Hoàng Anh Tuấn, Duyên Anh, Thanh Thương Hoàng, Tô Ngọc, Hồ Nam, Võ Đình, Ninh Chữ, Xuyên Sơn, Hồ Văn Đồng, Thái Thủy, Mặc Thu, Sao Biển, Doãn Bình, Anh Quân, Trịnh Viết Thành, Hồng Dương, Chóe Nguyễn Hải Chí, Lý Đại Nguyên, v.v... Các anh Như Phong, Nguyễn Tú, Uyên Thao, Văn Chi, Tú Kếu Trần Đức Uyển đã bị bắt từ trước.

Mai Thảo ở trong danh sách những văn nghệ sĩ bị bắt vào Tháng Ba 76. Bọn Công An Thành Hồ rất muốn bắt Mai Thảo, nhưng chúng bắt không được Mai Thảo vì Mai Thảo không có sổ ở tù. Bọn công an cộng sản muốn bắt ai là chúng bắt được người đó. Chẳng phải là chúng tài giỏi gì, chỉ vì chúng học cách kiểm soát nhân dân của bọn Nga Cộng, Tàu Cộng. Và chúng tỏ ra cực kỳ tàn ác với nhân dân nên nhân dân nản chí không ai còn có tinh thần chống đối chúng, dù chỉ là chống đối tiêu cực, như đi trốn để chúng không bắt được mình chẳng hạn. Alexandre Solzhennitsin viết trong The Gulag Archipelago -- Quần đảo Ngục Tù:

- Bọn cộng sản làm nhân dân tuyệt vọng đến nỗi không ai nghĩ đến chuyện bỏ trốn -- sợ trốn không thoát, không biết trốn ở đâu, trước sau cũng bị bắt -- dù biết mình sắp bị bắt, người ta cứ ngồi chờ chúng đến bắt. Nhưng bọn công an cộng sản không phải là thần thánh gì, vẫn có những người chúng bắt không được. Tôi biết một sinh viên đã nhảy qua cửa sổ chạy luôn khi bọn mật vụ đến bắt anh. Anh trốn và sống tương đối tự do mấy chục năm cho đến năm nay tôi gặp lại anh. Có sao đâu!

Solzhennitsin còn nói:

- Nhân dân tuyệt vọng nên trở thành ù lì, không ai nghĩ đến chuyện chống đối. Như thời bọn mật vụ mở chiến dịch bắt người ở Leningrad. Chúng chuyên bắt người ban đêm, bỏ xe ở ngoài đường phố vắng. Chỉ cần nhân dân lên ra phá cửa xe của chúng, cho chúng không dùng được

xe, cũng có thể làm cho nhiều người không bị chúng bắt trong chiến dịch ấy.

Mai Thảo đã trốn và Mai Thảo đã thoát. Trước 30 Tháng Tư anh ở một phòng trong nhà Chiêu Tím, cạnh Phố 79 đường Võ Tánh. Ông anh của anh đi được trước 30 Tháng Tư, để lại căn nhà đường Phan Đình Phùng, đoạn trước cửa trường Anh Văn Nguyễn Ngọc Linh. Sau 30 Tháng Tư, một ông anh của Mai Thảo về sống trong căn nhà này. Bỏ căn phòng ở nhà Chiêu Tím, Mai Thảo về sống một phòng trong căn nhà đường Phan Đình Phùng. Có đêm tôi về đây ngủ với Mai Thảo.

Không vợ con nên Mai Thảo không có gì để quyến luyến. Bọn Công An Thành Hồ thiếu kinh nghiệm trong chiến dịch bắt bớ này. Lẽ ra chúng phải đến bắt Mai Thảo trước tiên. Nhưng trong đêm thứ nhất tung quân đi bắt người ấy chúng đã không bắt ngay Mai Thảo. Sáng hôm sau được tin dữ Mai Thảo lững thững ra khỏi nhà, anh không cần mang theo cả quần áo. Bọn Công An Thành Hồ mất dấu anh luôn. Anh vẫn sống ở Sài Gòn, vẫn đi đây, đi đó, đến gần hai năm sau anh mới vượt biên mà bọn công an thành Hồ vẫn không bắt được anh. Mai Thảo đi ra khỏi nước khoảng Tháng Hai, Tháng Ba năm 1978.

Tôi gặp Mai Thảo lần đầu năm 1956 khi tuần báo Văn Nghệ Tiền Phong ra đời. Mai Thảo giữ mục Điểm Thơ trong VNTP những số đầu. Tôi viết Vũ Nữ Sài Gòn và Tạ Quang Khôi viết truyện dài Mưa Gió Miền Nam cũng trên VNTP từ số 1.

Đến cuối năm 1975 đường Phan Đình Phùng tắt điện tối om. Ba chúng tôi, Mai Thảo, Hoài Bắc và tôi, trên ba xe đạp, tình cờ gặp nhau tùm lại bên vỉa hè nói chuyện. Bỗng có tiếng người la:

- Mai Thảo, Hoài Bắc, Hoàng Hải Thủy...

Đoàn Khê, tức Khê Vinh, Thăng Long Xích Thổ, đến trên chiếc xe đạp mini. Chúng tôi hỏi anh những người đá banh Hà Nội vào có đến thăm anh không, Khê Vinh nói bô bô:

- Chúng nó phải đến gặp tôi chứ! Không sao được. Về bóng tròn tôi là ông Hồ của chúng nó!

Những mùa thu lá bay không cùng nhau ăn gà xé phay qua đi... Hôm nay ba anh Mai Thảo, Hoài Bắc, Đoàn Khê đều không còn ở cõi đời này. Qua bao nhiêu tai họa hôm nay tôi ở Rừng Phong lòng vòng Hoa Thịnh Đốn, Tháng Sáu hè về, nắng vàng rực rỡ, tưởng nhớ những ngày xưa và những bạn hữu thân sơ đã cùng tôi sống những ngày...

Tháng Ba 1976 một số văn nghệ sĩ Sài Gòn bị bắt, tôi ở trong số những văn nghệ sĩ chưa bị bắt. Tháng Năm 1976 tôi đi dự cái gọi là Khóa Bồi Dưỡng Chính Trị Văn Nghệ Sĩ. Những ngày, những đêm mòn mỏi kéo dài. Tôi nhớ một lần gặp nhau Mai Thảo nói:

- Tao chỉ mong tới đến để tao được ngủ cho quên...

Cuối năm 1976 có người đến căn nhà nhỏ của vợ chồng tôi:

- Tôi là cháu ông Mai Thảo. Ông cậu tôi có thư gửi ông.

Mai Thảo viết cho tôi: "Tao tưởng mày bị đi cải tạo nên hôm nay mới liên lạc với mày. Người đưa thư là cháu tao. Mày có thể tin được hẳn. Cho tao mượn tiểu thuyết. Tao là kẻ thù của mặt trời... Ở trong nhà kín suốt tháng... Chỉ đọc truyện thôi..." Tôi có nhiều truyện detective tiếng Pháp. Mỗi lần tôi đưa anh cháu của Mai Thảo cả hai chục quyển. Sau chừng hai ba lần đến nhà lấy sách, tôi hỏi thăm Mai Thảo sống ra sao, anh cháu nói thỉnh thoảng anh vẫn chở ông cậu

anh trên xe Vespa đi chơi đây đó trong thành phố. Tôi nói vợ chồng tôi muốn hôm nào anh đưa Mai Thảo đến ở chơi với chúng tôi một ngày.

Một sáng Mai Thảo đến nhà tôi với anh cháu. Mai Thảo để râu, đội mũ phớt. Hai cậu cháu ăn với vợ chồng tôi bữa cơm trưa. Đây là lần cuối cùng tôi gặp Mai Thảo ở Sài Gòn.

Chừng ba tháng sau bọn Công An Thành Hồ đưa xe bông đến nhà rước tôi đi. Đây là lần đầu tôi bị bắt. Người thẩm vấn tôi ở số 4 Phan Đăng Lưu là anh Huỳnh Bá Thành, bí danh Ba Trung, tức họa sĩ ốt nhật báo Tin Điện. Ba trung biết Mai Thảo có đến nhà tôi nên muốn tôi khai ra chỗ ở của Mai Thảo, tôi nói với hắn:

- Tôi không biết Mai Thảo ở đâu. Nó không nói nơi nó ở mà tôi cũng không hỏi. Tôi không hỏi là bởi vì tôi sợ nếu tôi biết chỗ nó ở, khi tôi bị bắt, các anh sẽ đòi tôi phải khai ra. Khi đó nếu tôi khai ra nó sẽ khổ, tôi sẽ ân hận mà nếu tôi không khai thì tôi sợ tôi khổ. Nhưng đó là ý nghĩ của tôi trước khi tôi bị bắt kia. Nay tôi đã bị bắt vào đây rồi tôi nghĩ khác. Chỉ khi nào tôi không bị bắt mà tôi khai để Mai Thảo bị bắt tôi mới ân hận, còn khi tôi đã bị bắt rồi tôi thấy nếu tôi biết, tôi khai cũng chẳng sao. Mai Thảo có bị bắt thì cũng chỉ khổ như tôi mà thôi.

Ba Trung biết Mai Thảo có liên lạc với Hoài Bắc. Trong một cuộc thẩm vấn tôi Ba Trung xé cái bao giấy thuốc lá Mai, bảo tôi:

- Anh viết cái thư gửi Hoài Bắc. Anh viết như thế này: "Người ta biết chỗ ở của MT, bạn ta rồi. Bảo nó đi nơi khác ngay..."

Tôi biết thủ đoạn của Ba Trung. Trong tù đôi khi có những người tù được thả mang lén những lá thư viết vội kiểu này ra ngoài. Ba Trung sẽ cho một tên đàn am -- bọn trẻ mới vào ngành công an có tên chung là bọn trinh sát -- mang thư tôi đến đưa cho Hoài Bắc, với lời nói:

- Tôi mới ở trong tù ra. Tôi ở chung phòng với ông Hát Hát Tê. Ông ấy nhờ tôi mang ra thư này gửi ông...

Nhận thư tôi Hoài Bắc sẽ lật đặt lên ngựa sắt phi đến chỗ Mai Thảo ở để báo tin, bọn công an rình bên ngoài sẽ đi theo, chúng sẽ ập vào nhà đó bắt Mai Thảo. Tôi nghĩ là Hoài Bắc cũng không biết chỗ ở của Mai Thảo như tôi. Mẹo lừa này của Ba Trung sẽ vô ích. Trước khi cầm bút viết tôi đọc ba Kinh Kính Mừng, xin Đức Mẹ Maria Hằng Cứu Giúp làm cho lá thư của tôi không gây tai họa cho các bạn tôi. rồi tôi viết:

- "HB. Người ta biết chỗ ở của MT rồi. Mà đến bảo nó đi nơi khác ngay. Tao. HHT."

Tôi cố ý viết "mày tao" với Hoài Bắc. Anh không "mày tao" với tôi. Tôi hy vọng nhận được thư này Hoài Bắc sẽ nghi thư không phải do tôi viết.

Rồi lại những đêm dài dằng dặc trong xà-lim u tối... Mười hai tháng hai ngày nằm xà-lim tôi mới được sang phòng tập thể. Cuối năm 1978 gặp người bạn mới bị bắt vào phòng, cho biết sau ngày tôi bị bắt Mai Thảo, Hoài Bắc, Lê Thiệp, Nguyễn Hữu Hiệu... đều đã đi thoát. Tôi nhẹ người.

Ngày 10 tháng 11 năm 1994 đôi cánh sắt United Airlines đưa vợ chồng tôi đến Virginia. Cùng ngày hôm ấy Mai Thảo và Kiều Chinh cũng đến Virginia. Mai Thảo đến chơi, Kiều Chinh đến đọc diễn văn -- Đài Tưởng Niệm Việt Nam. Tôi gặp lại Mai Thảo.

Rồi tôi gặp lại Mai Thảo khi vợ chồng tôi sang thăm Quận Cam, Cali Tháng 12, 1994. Tôi đến phòng Mai Thảo ở sau tiệm ăn Song Long. Căn phòng nhỏ, một bàn, một ghế, một giường. Và đây là lần cuối tôi gặp Mai Thảo. Khi tôi đến Hoa Kỳ, Hoài Bắc đã qua đời, tôi không có dịp hỏi anh: "Năm 77 tôi ở Phan Đăng Lưu, tôi có gửi ông cái thư, ông có nhận được không?"

Hoài Bắc, Mai Thảo, Nguyễn Sa, Đoàn Khê Vinh... nay đều không còn nữa.

Chỉ còn tôi tưởng nhớ hình ảnh, nét mặt, tiếng cười, giọng nói của các anh.

Mai Thảo: “ Cà phê sữa đá! Du Tử Lê

Thứ Hai, Ngày 11 tháng 1-2010

(.....)

-5:20PM (8 tháng 1 năm 1998): Mưa bị tòa nhà 8 tầng chặn lại. Tôi bị người phụ nữ Mê Tây Cơ mặc áo blouse màu hồng, lớn tiếng, đuổi ra khỏi căn phòng 608. Bà đang vật lộn với trở ngại ngôn ngữ. Với bộ xương dài. Ngoắc ngoắc. Bất động trên chiếc giường sắt.

Hành lang bệnh viện lạnh. Trắng. Hút, hút những câu hỏi không có câu trả lời nơi những cửa phòng đánh số (và,) những ngã rẽ. Đôi ba bóng người hiện ra. Biến đi, tựa những hình nộm. Bình nước tiểu sáng sủa chút nước đỏ chạch. Những tấm drap bẩn được mang đi với nụ cười của người phụ nữ Mẽ. Chúng tôi bước vào.

Mắt anh sáng lên. Có lẽ cả nửa năm qua, tôi mới gặp lại ánh mắt tinh, ranh, thoáng chút giễu cợt, khinh mạn nơi đuôi mắt. Linh tính tôi sai bét. Dự báo nhảm. Vũ Tài... gì thì lần này cũng té giếng thôi! Tôi nghĩ.

Không một chờ đợi trầm trọng nào trong phỏng đoán của chúng tôi, xảy ra. Anh ra dấu cho anh một điều thuốc. Những ngón tay dài, ngoắc (đúng hơn, những lóng xương nối nhau,) khó nhọc, vất vả đưa lên gần đôi môi mỏng, mím, nơi khuôn mặt đã bị biến dạng. Anh ra dấu. Ra dấu. Ra dấu. Vài giây im lặng lẩn qua.

Tôi hỏi “anh cần gì? *Thuốc lá phải không anh?*” Ánh rạn rờ nơi đôi mắt anh tăng cấp số nhân. Vài giây im lặng lại lẩn qua. Rạn rờ ngúm tắt. Tôi đọc được ý nài nỉ nơi chiếc đầu anh cố gắng kéo xuống gần ngực. Tôi đọc được ý nài nỉ nơi đuôi mắt anh chuyển động. Nháy. Nháy.

T. buột miệng bảo tôi, “Không được anh. *Anh phải ra báo y tá thôi. Nguy hiểm lắm. Máy báo động sẽ kêu. Còn giường bên cạnh...*”

Đôi mắt tiếp tục nháy. Nháy. Cường độ nài nỉ tăng cấp số nhân trên toàn bộ khuôn mặt anh, (những phần da, xương còn khả năng biểu lộ.) Tôi ra khỏi phòng, tựa vách tường.

Hành lang bệnh viện lạnh. Trắng. Hút, hút những câu hỏi không có câu trả lời nơi những căn phòng đánh số (và,) những ngã rẽ. Đôi ba người xuất hiện. Biến đi, tựa những hình nộm.

T. bước ra. Trên tay lắt lẻo miếng plastic màu xanh, ghi hàng chữ: “Patient: Nguyễn, Quý. *Dr. Nguyễn, Khiêm.*”

Tôi hỏi, ở đâu ra cái đó? T. đáp: “Em gỡ. *Anh ấy đòi. Em sợ anh ấy giựt bỏ mọi thứ giây nhợ chạy quanh người. Triệu chứng gì? Em không biết. Nhưng đây là lần đầu tiên... Phải báo y tá thôi!*” Tôi gật đầu: “Phải báo y tá thôi!”

Tôi báo sự việc bất thường này với bà y tá già và, người đàn bà nurse aid, Mẽ Tây Cơ; rồi vào phòng lại.

Những lóng xương xếp thành hình dạng những ngón tay dài, ngoắc, lại lấy bẫy nhắc lên. Chúng lại khó khăn, vất vả lắm mới về được gần đôi môi mỏng. Mím. Lần này, cùng với thủ

hiệu là đuôi mắt trái của anh lại nháy. Nháy. Tôi chỉ còn chọn lựa chót là dối gạt sự nài nỉ kia: “Vâng. *Anh để tôi xuống xe lấy thuốc lá cho anh.*” Tôi đi thẳng một mạch tới thang máy. Những mẩu thuốc nờ, trượng, sững nước, hớ hênh, cười nhạo dưới ánh đèn đường. Mưa tiếp. Núp trong hiên, tôi rút thuốc. Đốt cho chính mình. Cho mưa. (Và,) cho sự dối gạt còn ướt trên môi tôi.

-5:30PM: T. xuống. Đưa tôi miếng giấy. Đúng hơn, đó là bao đựng mấy miếng sponges của nhà thương. Miếng giấy có mấy chữ viết tay nguệch ngoạc, cuối cùng, của một người có trên nửa thể kỷ ăn, ở trân trọng, nghiêm chỉnh với chữ, nghĩa: Bốn chữ hai hàng: “cà phê sữa đá” Mưa xấn xỏ ném lên những con chữ, như thể muốn nuốt chửng, muốn bôi xóa chúng; hay, tổ cáo sự bất lực, nổi hèn hạ, đốn mặt của chúng tôi.

(.....)

-8:20PM: Mưa tiếp. Nằm trên ghế sofa, vẫn bằng giọng lạc quan, trả lời điện thoại của Đỗ Ngọc Yến, tôi nói. Nói. Nói...

(.....)

-9:00PM: Mưa tiếp. Nguyên Sa gọi. Hỏi thăm. Tôi tóm tắt những diễn biến chính. Anh bảo: “Vậ thì tốt. Tốt hả anh? *Tốt chứ. Mai về lại nursing home mà. Đâu có ở nhà thương nữa.*”

Houston, Thứ Bảy ngày 10 tháng 1, 98.

-8:30AM: Đường Tuam. Trời se lạnh. Tin thời tiết cho biết Texas sẽ có được một ngày nắng ráo. Nhiệt độ, thấp nhất 50; cao nhất 65 độ F. Bão sẽ đi qua Houston và, vùng phụ cận vào ngày hôm sau; khoảng từ 12 giờ trưa tới 4 giờ chiều. Có “chill wind,” và mực nước mưa trút xuống có thể từ 2 tới 5”. Tùy khu vực.

Quán mở cửa. H. gọi cho tôi một ly café sữa đá. Một tô phở.

Cửa xích mở. Nắng rõ ràng. Người phụ nữ tắt tả bước vào. Chị tới thẳng bàn chúng tôi

(.....)Tôi ngược nhìn chị. Đôi mắt PH đỏ hoe. Chuyện gì? Tôi hỏi. PH cúi xuống ly café sữa đá của mình. Tiếng lanh canh bút rứt, khua rộn thêm một hồi. Rời rạc. Rồi tắt.

“Tôi không thể đợi tới lúc anh ăn xong tô phở...” Vẫn cúi xuống ly café sữa đá của mình, PH tiếp, “Anh Mai Thảo mất rồi. *T. mới báo cho chúng tôi biết... Tôi nghĩ, phải ra đây cho anh biết trước khi anh đi Austin.*” Tôi đặt xuống, đĩa xuống. H. đặt xuống, đĩa xuống. “Khi nào? *Ba giờ sáng nay.*”

(.....)

-2:50PM, Austin: Trên xa lộ 290W., tôi như bị treo ngược bởi câu nói của ai đó: “Được làm người đã khó; nhưng sống cho ra một con người, còn khó hơn nữa!” Nếu được phép sửa một chút, tôi sẽ viết:

“Sống cho ra một con người, đã khó. *Nhưng sống như Mai Thảo / Nguyễn Đăng Quý, trong đời sống này, còn khó hơn một bậc vậy.*”

Sáng Tạo - Võ Phiến - 35

Tháng 10 năm 1956 tạp chí Sáng Tạo ra đời. Tờ báo đáp ứng một sự thiếu vắng, nó được hoan nghênh ngay.

Trước “vận hội mới” quần chúng độc giả chờ đợi một xuất hiện mới trên lãnh vực văn nghệ. Loại thơ văn trên báo Đời Mới của Trần Văn Ân chẳng hạn không còn sức thu hút nữa, những sáng tác ra mắt trên nhật báo không thể thỏa mãn, tờ Mùa Lúa Mới vẫn chỉ là của một địa phương. Tờ Sáng Tạo chính đã đến đúng lúc. Và nó đã nhằm đúng vào tâm trạng quần chúng: chờ cái mới.

Thoạt ra mắt, Sáng Tạo đã phát động ngay “một nền nghệ thuật mới”, “nghệ thuật hôm nay”. Phát động thật ồn ào. Mười bốn năm sau, Mai Thảo nói về lúc khởi đầu ấy vẫn còn nói bằng giọng say sưa: “Chất nổ ném vào. Cờ phát. Xuống núi, xuống đường. Ra biển, ra khơi. Và cuộc cách mạng tất yếu và biện chứng của văn chương đã bắt đầu” (1) – Cách mạng chống lại cái

gì? Phá bỏ cái gì vậy? – Những cái không thuộc về hôm nay: “Trong một thực trạng dày đặc những chất liệu của sáng tạo và phá vỡ như vậy, văn học nghệ thuật mặc nhiên không thể còn là tả chân Nguyễn Công Hoan, lãng mạn lối Thanh Châu, những khái niệm Xuân thu, những luận đề Tự lực.” (2) Cuộc cách mạng này “tự trung vẫn chỉ là lịch sử tiến trình biện chứng của những trào lưu cạnh dòng phải nhượng bộ rút thoát cho những ngọn triều lớn dậy thay thế” (3)

Nhưng đến khi cần biết về “ngọn triều lớn” thì không thể biết gì rõ ràng. “Văn nghệ hôm nay” chủ trương ra sao? Đưa ra lý thuyết gì? Vạch ra những đường lối gì? Bác bỏ văn nghệ hôm qua ở chỗ nào? – Nhóm Sáng Tạo không có giải đáp: “... thế nào cũng được. Điều đáng ghi nhận là lên đường ấy đã có.” (4) Vâng, thì lên đường đã được ghi nhận xong; nhưng lên đường đi về hướng nào đây? Về thi ca, Mai Thảo bảo rất đại khái: “Và thơ bây giờ là thơ tự do.” (5); về các bộ môn khác, không thấy có ý kiến gì. Thơ tự do không phải là cái mới mẻ nữa. Nó không phải là sáng kiến của văn nghệ hôm nay, của cách mạng. Sau này, có lần Mai Thảo thú nhận: “Tôi không nhìn Sáng Tạo như nơi phát xuất và hình thành một dòng văn học nghệ thuật. Lớn chuyện quá. Một tinh thần nào, một cách thế thì có.” (6)

Nhìn như một tinh thần, thì đó là một tinh thần đổi mới đầy tự tin, đầy hứng khởi. Tinh thần ấy có sức lôi cuốn, động viên; một tinh thần đáng tán thưởng. Nhưng nhìn như một cách thế, thì cách thế Sáng Tạo có những chỗ khó bảo là “tuyệt đẹp”. Chẳng hạn trong lối “khai tử” nền văn học tiền chiến có một cách thế kiêu căng; chẳng hạn trong lối diễn đạt của những vị trong nhóm chủ trương có một cách thế kiêu kỳ; hoặc hoa hòe hoa sói, kiểu cách ưỡn ẹo, hoặc tối tăm rối rắm.

Tuy nhiên Sáng Tạo đã có những đóng góp đáng kể. Mặc dù chỉ xuất hiện trong một thời gian ngắn 31 tháng, nó đã phát huy được một số văn tài đông đảo. Nhiều người trong số đó về sau, sau khi tờ tạp chí đình bản, tiến lên giữ vai trò quan trọng trong những hoạt động văn nghệ riêng biệt của mình. Thanh Tâm Tuyền dần dần viết truyện nhiều hơn làm thơ, viết truyện rất thành công và có ảnh hưởng rộng trong văn giới lớp sau; Doãn Quốc Sỹ chủ trương một nhà xuất bản, giới thiệu thêm một số cây bút mới nữa (trong đó có Phan Nhật Nam); Nguyễn Sa rồi đứng ra chủ trương các tạp chí Gió Mới, Hiện Đại, và có một uy thế riêng; Tô Thùy Yên, Sao Trên Rừng (sau đổi ra là Nguyễn Đức Sơn) rồi trở thành những thi sĩ có bản sắc đặc biệt; Dương Nghiễm Mậu sáng tác mỗi lúc mỗi phong phú mỗi độc đáo, chủ trương nào nhà xuất bản nào tạp chí Văn Nghệ (cùng với Lý Hoàng Phong), là một cây bút xuất sắc hoạt động mạnh mẽ cho đến ngày cuối cùng của Miền Nam v. v...

*(Trích “Văn Học Miền Nam Tổng Quan”
(Võ Phiến, Nxb Văn Nghệ, tháng 7-1988)*

1,2,3) Mai Thảo, “Đứng về phía những cái mới”, Tuyển truyện Sáng Tạo, Sống Mới tái bản tại Hoa Kỳ, các trang 8, 11, 13.

4) Sđd, trang 12.

5) Sđd, trang 11.

6) Nguyễn Nam Anh, “Mai Thảo, nhà văn ở phút nói sự thật”, tạp chí Văn, Sài Gòn, số 192 ra ngày 15-12-1971.

Những ngày cuối năm

Những ngày cuối năm, cõi tâm thức thường ngày bình lặng lại bất chợt dấy động bởi những dấy động xao xuyến vô cơ. Với tôi, chừng như cuối năm nào cũng vậy. Cái chông chênh của thời tiết chuyển mùa, một giọt nắng tàn, một hơi gió thoáng, một tiếng động nhỏ, rất cao, ngoài trời, một hạt im lặng thình lình trong suốt, từ một sợi tóc đến một chớp mắt, hết thảy những sự

việc nhỏ mọn, tầm thường, vô nghĩa ấy của một thường nhật bằng phẳng không chuyện, tới những ngày cuối năm bất chợt gợn gợn trước mắt, xôn xao trong trí, xao xuyến trong hồn thành ý nghĩa khác. Và riêng. Tâm trạng lạ thường này mỗi tháng chạp với tôi là một lần có, như sự trở ngại của gió mùa, một đợt gió mùa khô sắn dịu dàng và buồn bã lạnh. Trong tôi, một kẻ gây rối nào đó đã thức dậy. Tôi mơ hồ với tôi về liên hệ giữa mình và cuối năm như thế mà không bao giờ đích thực tìm hiểu được nguyên nhân. Chỉ chừng như nhịp đời tới đoạn đường cuối chót, mãi miết, xô chen hơn. Và con sóng lớn dậy bất thường của nó, đã lại đẩy dạt tôi xa thêm chút nữa trên một đường lề. Chỉ chừng như những tờ lịch mỏng dần, cái vết kim đóng gáy lịch chìm lặng trong một chiều dày của giấy đã hiện rõ, có mang trong nó ý nghĩa một ngậm ngùi. Và còn hình như cái khoảng trống lớn là năm mới phía bên kia, khoảng trống đó lồng lộng gió sáng, dào dạt mưa chiều, tôi là kẻ lữ hành ngại ngùng tới gặp, chỉ muốn quần quanh trong cái bình năm cũ quen thuộc.

Tôi sửa soạn rời khỏi một tòa báo. Lúc này là bảy giờ. Đèn đã tắt. Quạt trần trên đầu đã ngừng quay. Một bài viết nữa trong cái Sổ Nhiều thờ ơ quên lãng của những bài viết trong năm, lay lắt từng trang, miễn cưỡng từng hàng, cuối cùng cũng được viết xong. Tôi đẩy mấy trang giấy có văn chương và hình tích một đời ra đầu bàn, chỗ nhất định của bản thảo cho người tùy phái một tờ báo ngày sáng mai tới lấy. Buổi chiều cuối năm xuống ở phía sau lưng, đang rất lặng lẽ đặt cái bàn chân mệnh mông vô hình của chiều lên một thành cửa sổ. Căn phòng tòa soạn tối lại. Tiếng gầm gừ của những cỗ máy đen nặng từ nhà in phía dưới đều nhịp vang lên. Đầu óc trống rỗng, tâm thể u uất, tôi châm một điếu thuốc lá, cố gọi lên bằng thần kinh nhòa trũng của mình, một vài hình ảnh, để sống với chúng. Sống với một vài tiếng động. Sống với một vài hình ảnh. Tròng mắt choáng váng thả xuống cái điểm lửa sáng lên trong cách biệt tối thẳm của một điếu thuốc, với một ý nghĩ về cuối năm xám ngắt trong đầu, tôi nhìn thấy trước hết một quầy hàng.

Đó là cái quầy hàng của một người mại bản Phúc Kiến trong một tiệm chuyên chở hàng hóa Trung Hoa trong đường Khổng tử ở Chợ Lớn. Nhiều năm trước đây, tôi đã ngày ngày đưa một chiếc xe vận tải bảy tấn tới cửa tiệm này, nhận hàng, đưa hàng ra giao cho những đại lý của tiệm ở mấy tỉnh miền nam Trung phần. Cửa tiệm buổi sáng nhộn nhịp, hàng hóa chất đống, ra vào không ngớt. Tới buổi chiều một chuyến xe đã chở hết hàng lên đường, kho hàng trần trụi mệnh mông, chỉ còn người mại bản Phúc Kiến ngồi một mình sau quầy với một cuốn sổ lớn. Cái quầy cao, vây bọc lấy người ngồi bên trong như một hòn đảo. Chiều Chợ Lớn vào những giờ phút phai tàn của sinh hoạt cũng hắt hiu, xa vắng như một buổi chiều thôn quê. Một cái quán ở giữa đồng. Một quán chợ không người. Những rác rưởi lẫn lóc. Những chó mèo lang thang. Nắng chiều thoi thóp. Gió lộng trên bờ đê. Trời cao vút, mắt hút. Cảnh tượng thê lương dàn rộng, lặn lặn, chìm chìm đó, tôi cũng thấy, với người mại bản Tàu biệt xứ ngồi cô đơn sau một quầy hàng. Mỗi chiều, y tính sổ một lần. Máy tính lách tách. Sổ lật từng tờ. Những con tính trừ phân minh. Những con tính cộng chính xác. Bóng tối xuống dần. Kho hàng u minh. Chỗ ngồi cách biệt. Nhưng mà người mại bản Phúc Kiến thì hình như không còn nhận thức nào khác về đời sống đã chiều, về cửa tiệm đã vắng, về bóng tối đã lằng, về không khí đã lạnh, ngoài những con số trên cái bàn tính lách tách nhảy nhót không ngừng.

Chiều nay, ngồi một mình trong một tòa báo, với điếu thuốc lá làm điểm tựa cho một thần trí thẳng thốt, tôi thả từng ngậm bóng tối của một tà dương cuối năm xuống hồn mình, cũng đang bắt gặp tôi với một bản tính, một cuốn sổ. Như người mại bản Trung Hoa sau quầy hàng ở đường Khổng tử kia. Sống trên một phương diện tích cực nào của sống, là tích lũy những kinh nghiệm, tập hợp những dữ kiện, trong đêm tối đốt lên một ánh lửa nhận đường, trong sớm mai lựa chọn một phút khởi hành tốt đẹp đặt bước chân tới chính xác bằng giáo nghiệm lại những bước chân cũ và những đoạn đường đã đi qua. Tôi biết vậy. Tôi muốn tính sổ chiều nay, cho mình, cho đời, cho cái riêng của tôi, cho cái chung của người, bằng toán học tích cực đó của

một thái độ nghiêm chỉnh và đi tới. Nhưng ngày đã chiều, lưới chiều đã tím, một năm nữa của đời đang tàn, thời gian mù sương, và cho một đáp số vui, những con số màu hồng chiều nay không có. Những hình ảnh khác hiện lên. Mỗi cuối năm đều trơ trọi như một cây rạ chết cứng giữa cánh đồng rộng, mỗi tháng chạp đều có cái tiếng sóng trầm trầm của hư vô lãng đãng vỗ đập vào những bờ bãi thần trí chạp chờn. Và mỗi buổi chiều, mỗi buổi chiều cuối năm, tôi đều chỉ nghe chỉ nhìn thấy như một thả giọt không tiếng vào một cái đáy không cùng, không cùng và mất hút.

Dụi tắt điều thuốc lá, bởi tâm thức phóng thể không thể có một điểm tựa nào hết, bỏ lại những tờ bản thảo trên một đầu bàn, khoác tay một tháng chạp ưu phiền, tôi đi xuống cầu thang. Tầng dưới. Đèn vàng vọt trên những cỗ máy đen nặng. Máy gầm gừ từng nhịp. Giấy lăn theo từng tờ. Máy đẩy giấy quay nhanh, cho từng giòng chữ hiện. Bóng tối xuống đời sống, chiều đi vào văn chương. Thung lũng thời gian cổ đại ngút ngàn lại đang khơi đào thêm một cái vũng cuối năm xao xuyến. Lách mình trên một lối đi nhỏ chật, dưới ánh đèn chiều vàng vọt đuổi theo, tôi mở cửa ra đường. Chiều thành phố không có một phiến lá nào rụng xuống. Nhưng lá rụng đầy trong hồn người. Tôi đứng trên hè đường. Nhìn trời. Trời vô tình trên những mái nhà. Gió cuối năm đầu đó, trên những khoảng trống mệnh mông đang lờng lờng thổi. Mưa cuối năm đầu đó, đang bay nghiêng vào đời. Lạnh cuối năm đầu đó, đang từ đất dâng lên. Tôi nhìn khuôn mặt những người đi đường. Những khuôn mặt chiều cuối năm này, còn xa lạ, đăm chiêu, khép kín, mù sương, chạp chờn, cách biệt hơn những buổi chiều hôm trước. Tôi nghĩ lát nữa chờ một ánh đèn xanh cho phép qua đường tôi sẽ đi tìm mấy người bạn. Làm như Trần Huyền Trân. Rượu rồi nâng cổ áo lên cao. Chờ một vì sao lên. Sống tiếp với đời bằng một tâm tư từ một bình diện khác.

Mai Thảo (1927-1998) Thụy Khuê

Là một trong những nhà văn tài hoa nhất và sáng tác sung mãn nhất của thế hệ ông, văn chương Mai Thảo bao trùm một giai đoạn dài từ kháng chiến chống Pháp đến di tản hải ngoại; ở khoảng nào, ông cũng có những tác phẩm xuất sắc, vẽ nên những chân dung con người với một nội dung siêu hình, một tâm thức lãng mạn, đốn đau.

Mai Thảo là «đầu tàu» của nhóm Sáng Tạo, sau 1954, đã đem vào văn học một bút pháp mới. Bút pháp ấy đã ảnh hưởng sâu sắc đến những người cùng thời và thế hệ sau từ Nguyễn Sa đến Thanh Bình, Trần Vũ...

Là người của kỷ niệm, của dĩ vãng, của «căn nhà vùng nước mặn» chợ Cồn, Hải-hậu, Mai Thảo còn là người Hà-nội, người sông Hồng, mà lại rất Paris, rất Camus, rất Sartre.

Mai Thảo là của độc thân, của phòng trà, của vũ trường, không ràng buộc giờ giấc đi về và rượu như một bạn đường cùng đi vào cô độc:

*Uống ư một ngụm chiều rơi lệ
Và một bình đêm rót rất đầy.*

Tư chất nghệ sĩ và tư tưởng yếm thế của Mai Thảo không chỉ toát ra ở ngòi bút mà còn trong tiếng nói, trong dáng điệu, trong lối uống rượu, bình thơ. Mai Thảo sống thế nào thì viết như thế ấy.

Bắc cầu giữa lãng mạn và hiện sinh, cái tôi Mai Thảo là cái tôi mơ mộng tiền chiến, của nhớ nhung, của Hà-nội sông Hồng đã muôn trùng xa cách, được thể hiện dưới bút pháp nhạy cảm *thạch lam* nhưng đã xa tiền chiến, xô đẩy truyền thống ngôn ngữ, trong cái nhìn hiện sinh u uất, chán nản về sự bất tri của chính mình và của đồng loại trong cuộc tồn sinh hiện hữu. Những «*đời chẳng có gì hết*», «*một biển chán chường*», «*một rừng phiền muộn*», «*những chiều gục đầu*», «*những đêm rã rượu*»... nếu rút ra khỏi văn cảnh có thể trở thành sáo ngữ, nhưng nằm trong không khí tiểu thuyết Mai Thảo, đó là những nhận thức nhức buốt trỗi lên như những âm

giai buồn bã trong tâm hồn kẻ bật hướng, lẫn mình trong những cơn say, vật vã đi tìm hủy thế như chính tác giả.

Nỗi đau hiện sinh ấy không chỉ thuộc thời Mai Thảo đã sống, mà còn là của những lớp người đô thị, ở bất cứ nơi nào, có những hộp đêm, vũ trường, chiến tranh hay không chiến tranh, kỳ thị hay không kỳ thị, Đông cũng như Tây, hôm qua và hôm nay.

Gặp Mai Thảo một lần, có thể rất yêu hoặc rất ghét, nhưng nhớ mãi. Nhớ cái thực, cái «authenticité» Mai Thảo khó thấy ở một cá nhân nào. Nhớ cách Mai Thảo bình thơ, nhớ lối nói nửa say nửa tỉnh, tàn phũ với người, âu yếm với thơ.

Người ta ca tụng Mai Thảo, nhưng dường như không mấy ai đọc Mai Thảo, may ra vài dòng *Sổ tay*, dăm ba câu thơ *Ta thấy hình ta những miếu đền*. Được xưng tụng, Mai Thảo có cả một triều đình nhưng quần thần lơ láo, quan quân tán tác, phần đông dừng lại ở *Bản chúc thư trên ngọn đỉnh trời*, ở Mai Thảo 63, trong khi Mai Thảo vẫn đi, một mình, đi đến 98 và đi mãi về sau... Bởi sau 75 Mai Thảo vẫn còn là «đầu tàu». Mai Thảo hải ngoại nhập vào con người, con người di tản, đi thêm một chặng đường, như chưa nhà văn di tản nào có được, như chưa nhà văn lưu vong nào nhập sâu được như thế, ngọn hải đăng ấy vẫn chiếu nhưng... hình như không ai cần nó nữa, không ai tha thiết với nó nữa, nó đã bị mù trong đôi mắt đồng loại quá nhiều ánh sáng.

Lặng lặng, ông sống, ông viết trong cô đơn, với rượu và những nhân vật xây dựng từ chính mình, trong một cõi nhân quần đông đúc, đầy bè bạn, tạc thù, nhưng không tri kỷ.

Một cõi không người. Cõi hư vô Mai Thảo

Văn chương Mai Thảo: nguyện ước của người đi

Sau 1954, miền Nam cần một niềm tin, một lý tưởng. Sự xây dựng xã hội tự do là một hoài bão lớn và có thật nơi những người di cư bỏ đất Bắc. Tinh thần chống Cộng đương nhiên có trong những người đã từng va chạm với cộng sản. Mai Thảo xuất hiện với hai tác phẩm: *Đêm giả từ Hà-nội* (1955) và *Tháng Giêng có non* (1956), đáp ứng đúng tâm lý và chân lý người di cư. Trừ cuốn *Viên đạn đồng chữ nổi* (1966), một ngoại lệ, vẫn còn trong địa bàn chống Cộng, và lại truyện cũng xoàng, bởi Mai Thảo viết những câu văn tố Cộng không hay, trực và sượng; từ 1963 trở đi, với tập truyện ngắn *Bản chúc thư trên ngọn đỉnh trời* và tiểu thuyết *Mái tóc dĩ vãng*, Mai Thảo bắt đầu giữ khoảng cách với chính trị. Ký ức kháng chiến nhòe đi, trở thành kho tàng lưu trữ chiến thời và ông đã vén màn làm lộ những chân dung ký ức ấy trong một bút pháp lãng mạn đầy đờn đau và hạnh phúc. Dùng tình yêu phủ lên những vết thương dĩ vãng, Mai Thảo nhìn con người bên này hay bên kia với con mắt cảm thông, không gắt gay, không trừng trị nữa. Tác phẩm chín hơn với những đoản thiên giá trị như *Bầy thỏ ngày sinh nhật*, *Căn nhà vùng nước mặn*, *Chuyến tàu trên sông Hồng*, *Dòng sông rục rở*, *Người thầy học cũ...* tuy vẫn nằm trong không gian kháng chiến, nhưng đã mở rộng sang cuộc sống miền Nam, sang những ưu tư sâu lắng hơn, bằng sự nhận thức nỗi bơ vơ của con người. Riêng với bức *Thư cho một người bạn*, năm 1968 (in trong cuốn *Người thầy học cũ*) ông đã đoạn tuyệt với Hà-nội, chấp nhận Sài-gòn là quê hương. Chấp nhận ở lại là vĩnh biệt Hà-nội trong cõi nhớ, là sống với Sài-gòn, với miền Nam, sau 14 năm xa đất Bắc.

Mai Thảo gọi *thời kháng chiến* là *chiến thời*. Như để cách biệt với người khác và để giữ khoảng cách với một thứ thực tại người thật việc thật trong các tác phẩm được gọi là hiện thực. Tất cả những ký ức đẹp nhất của ông nằm trong *chiến thời*, và *chiến thời* tức là *thời chiến trong văn chương Mai Thảo*, không giống bất cứ thời chiến nào có trước. Mười năm luân lạc để lại những dấu ấn, những con người, những nhân vật, những sự vật không quên được và tạo nên sự nghiệp văn chương Mai Thảo.

Quê quán chợ Cồn, Nam-định, nhưng Mai Thảo như phần đông những nhà văn nhà thơ lớn cùng quê Nam-định như Nguyễn Bính, Vũ Hoàng Chương, Đình Hùng, Trần Dần... đều có khả năng bước qua *cổng tỉnh* để đến với toàn diện đất nước và con người. Mai Thảo đi từ *căn nhà vùng nước mặn* chợ Cồn lên Nam-định năm 10 tuổi, rồi ra Hà-nội, về Vĩnh-yên, trên sông Hồng, ngược Việt-bắc, vào Sài-gòn, xuống Cửu-long, ra biển đông, hải ngoại, Mỹ, Úc, Âu... Tất cả

những chuyến đi ấy đều có trong văn chương, Mai Thảo đã quán xuyến toàn bộ diện mạo *chiến thời* từ con mắt của một người «bỏ đi»: một người quốc gia, theo kháng chiến rồi bỏ kháng chiến về thành. 1954 di cư vào Nam. 1975 di tản hải ngoại.

Tất cả những chặng đường ấy Mai Thảo đều có mặt và đánh dấu bằng tác phẩm nghệ thuật. Nhưng có một khoảng trống *không thể nào lấp nổi* trong văn chương Mai Thảo đó là ký ức về cuộc chiến 54-75: Hầu như không có.

Sự quay mặt với chiến tranh trong thời kỳ 54-75 phải hiểu như thế nào? Có phải là một «trục trặc kỹ thuật» vì Mai Thảo không đi lính, không đánh nhau, nên không viết được? Không chắc, thiếu gì văn nghệ sĩ không đi lính mà vẫn viết về chiến tranh, như Nhật Tiến, Nhã Ca... Trịnh Công Sơn đâu có đi lính, mà đã nhận diện đến tận cùng xác thịt của chiến tranh trong âm nhạc. Sự quay mặt với chiến tranh nơi Mai Thảo, rất có thể đã từ một nguyên nhân sâu xa hơn: không chấp nhận cuộc chiến 54-75, nhưng cũng không thể phản chiến như Trịnh Công Sơn, bởi năm 1954, Mai Thảo đã trưởng thành, di cư vào Nam với mục đích chính trị: tìm tự do và tạo một đời sống mới. Đã có kinh nghiệm sống trực tiếp với Việt Minh trong kháng chiến, Mai Thảo di cư để lánh nạn, vào Nam với mục đích «xây dựng tự do». Vì thế, Mai Thảo không thể phản chiến và cũng không thể chấp nhận một cuộc chiến nhân danh tự do, lấy *người* làm lá bài, con mồi. Và khi tâm thức đã chối bỏ, thì ngòi bút không thể viết được. Có lẽ đó mới chính là lý do tại sao Mai Thảo không viết về chiến tranh trong suốt giai đoạn 54-75.

Sự ngoảnh mặt với chiến tranh 54-75, nơi Mai Thảo, còn thể hiện tâm thức sâu xa của người dân miền Nam: Phần đông coi chiến tranh như một điểm đen của lịch sử: bởi anh em đánh nhau thì hay ho gì mà viết, mà nói. Vì vậy, họ tìm cách sống ngoài cuộc chiến. Ai đi quân dịch cứ đi. Ai đánh cứ đánh. Ai du đặng cứ du đặng. Ai dậy học cứ dậy. Ai phòng trà cứ phòng trà. Ai tiệm nhảy cứ nhảy. Ai văn chương cứ văn chương.

Tiểu thuyết của Mai Thảo phản ánh sự thờ ơ và chán chường ấy.

Đẩy chiến tranh sang một bên, Mai Thảo đắm mình trong đám đông quần chúng, sống với hôm nay, chỉ biết hôm nay. Cái hôm nay trong triết học hiện sinh, thoáng chốc trở thành cái hiện hữu của những kiếp người không biết mình sống chết lúc nào, chỉ biết những phút đang còn sống, biết mình còn hiện hữu lúc này, đã biến thành cái *hôm nay Mai Thảo*. Luôn luôn ở với người, *người hôm nay*. Lấy vũ trường, rượu và cô đơn, là bạn, Mai Thảo đã gánh cái tâm thức chán chường của người đồng loại, bởi ông biết thức cảm và đau đớn hơn người.

Sau 75, Mai Thảo được yên trong thời gian đầu, rồi bị ruồng bỏ gắt gao từ mùa xuân 1976. Vũ Hoàng Chương bị bắt và mất 5 ngày sau khi được thả. Cuối năm 1977, vượt biển. 1982, khi tục bản tờ Văn, Mai Thảo trở lại với lập trường chống Cộng thời 1954. Tác phẩm đầu tiên in tại hải ngoại là tập *Chân dung* (1985), vẽ lại chân dung 15 bạn văn, phần lớn còn kẹt lại ở quê nhà, người trong tù, người đã mất. Bài *Mấy tháng cuối cùng với Vũ Hoàng Chương*, trong tập *Chân dung* ghi lại điều kiện sống của người cầm bút sau 75 ở miền Nam và ở hải ngoại, đồng thời phản ánh não trạng chung của những người cầm bút trước sự đàn áp của chính quyền trong nước đối với văn nghệ sĩ. Trong thái độ chống Cộng quyết liệt lần này, Mai Thảo vẫn ở *với người*. Và *người* đây là những Vũ, những Hoàng, những Chương, đã dưới mộ. Mai Thảo vẫn sống *với hôm nay*, cái hôm nay đượm mùi tàn phũ đầy nghịch lý sau ngày «giải phóng».

Mai Thảo hải ngoại vẫn còn là đầu tàu.

1986, *Ngọn hải đăng mù* xuất hiện, dường như không mấy ai để ý đến «nó», mặc nhiên «nó» vẫn giữ vai trò hải đăng như *Đêm già từ Hà-nội* thời năm tư. Là tập đoàn thiên hay nhất của người di tản viết về thân phận mình, đầy sinh lầy, đĩa đói rừng Sát, lênh đênh trên biển, chết cạn trong một thế giới tự do đầy dẫy những hải đăng mù. Tác phẩm chở tâm thức lưu đầy của người Việt di tản hoà những ấm lạnh của lòng người trên vùng đất hứa. Lại một lần nữa Mai Thảo trung thành với nguyện vọng và khế ước của người đi.

1989, *Ta thấy hình ta những miếu đền* món quà bất thường của Mai Thảo một đời bỏ thơ theo tiểu thuyết, lại là tập thơ hay nhất tại hải ngoại, vượt *Thơ ở đâu xa* của Thanh Tâm Tuyền - chỉ còn là cái bóng của *Liên đêm mặt trời tìm thấy* cách đây hơn nửa thế kỷ.

Trong suốt hành trình sống và sáng tác, từ cái hay lẫn cái dở, từ cái sáng suốt lẫn cái cố chấp, Mai Thảo luôn luôn là con tàu chờ *nguyện ước của người đi, người bỏ đi*: vào thành thời kháng chiến; di cư thời năm tư; di tản thời bảy lăm. Mai Thảo gần gũi mọi người. Mai Thảo ở trong mỗi người. Vì vậy mà người ta cảm được dù không đọc ông, người ta vẫn cảm mang báo Văn. Người ta mời Mai Thảo đi khắp nơi trên đất Mỹ, đất Úc, sang Âu châu, bốn mùa được mời, đài thọ máy bay, ăn ở. Không một nhà văn lưu vong nào được hưởng vinh dự ấy. Lại một nghịch lý khác trong đời Mai Thảo: Ông vua không ngai. Thủ lĩnh văn đàn không có người đọc. Mai Thảo thủ lĩnh trên những vùng đất không lãnh thổ.

Thi pháp Mai Thảo.

Những truyện ngắn hay nhất của Mai Thảo chia làm hai hướng chính, hướng vọng quê hương đất nước, vọng dĩ vãng kỷ niệm trong các tập *Đêm già từ Hà-nội, Tháng giêng cổ non, Căn nhà vùng nước mặn, Chuyến tàu trên sông Hồng, Bầy thỏ ngày sinh nhật...*, hướng quay về sự phi lý của kiếp người, về nỗi hoài nghi những lý tưởng trong các đoản thiên: *Dòng sông rục rở, Bản chúc thư trên ngọn đỉnh trời, Người bạn đường, Từ cao ngó xuống, Cửa sau, Ngọn hải đăng mù...*

Ngay từ *Đêm già từ Hà-nội* (1956), Mai Thảo đã xác định một thi pháp độc đáo: tạo không gian cho cái nhìn nghệ thuật, mở rộng tư tưởng về phía hoài nghi và xem cấu trúc hình thức ngôn ngữ như một khả năng nội tại của tư tưởng. Mai Thảo làm mới câu văn: bỏ chủ từ, bỏ động từ, thêm thì, là, mà những chỗ rất chướng, câu văn khi dài thòng, khi cụt ngắn: hành văn tự do, không tuân theo luật tắc văn phạm mà tuân theo nhạc điệu, hình ảnh, màu sắc, thì tứ...

Văn phong Mai Thảo, ở những chỗ đạt, dào dạt, mãnh liệt, đau đớn, thiết tha, đó là những chân dung: chân dung kỷ niệm, chân dung sao trời, chân dung Hà-nội, chân dung bạn văn, chân dung nụ hôn, chân dung ngọn cỏ, chân dung Cửu-long, chân dung sông Hồng, chân dung cuộc tình... Đó là những bức họa, ấn tượng, trừu tượng, siêu thực ẩn hiện trong những điệu nhạc jazz trầm uất. Nếu là Hà-nội thì Hà-nội phải được nhìn từ trên xuống: «*Một vùng ánh sáng lung linh, hư ảo bốc lên. Lửa hồng bên trên. Hà-nội dưới lửa. Lửa cháy thành năm ngọn, mỗi ngọn một cửa ô*». Đó là những ánh lửa nội tâm Hà-nội trong Mai Thảo. Nếu là Cửu-long thì dòng nước được đổ về từ Mỹ-tho, Long-xuyên, Châu-đốc. Ví thử là rừng núi, thì rừng núi được nhìn từ đáy vực lên đỉnh trời, hoặc từ đỉnh trời xuống đáy vực, xuyên qua một hành trình nội tâm mà lưu lượng và vận tốc câu văn biến hóa không ngừng, khi dồn dập như thác lũ, lúc êm dịu như dòng sông, lúc lạnh giá như băng tuyết... Những cách thay đổi ống kính như thế tạo nên những nhân vật nữ như Liễu cô lái đò, như Luân trong kháng chiến, mà lòng gan dạ, tình yêu quê hương, đất nước, pha trộn với sức ép nội tâm tình yêu thể xác đốt cháy tâm hồn. Đôi khi những nhân vật lại được nhìn từ trọng tâm cá tính như Phương Bên Xanh trong *Chiều cuối năm*, như thẳng Tám Cục Đất trong *Chấp một tay*, như chiếc xe 405 trong *Chiếc xe hàng cũ*; hoặc từ nguồn thơ như Diệu trong *Những vì sao thứ nhất*, từ sự thủy chung tình bạn như Thanh Nam, Vũ Khắc Khoan, Quách Thoại, Vũ Hoàng Chương... Tất cả những chân dung ấy đều ít nhiều mang những thất lạc, tứ tán, đau xót của con người thời đại, đã mất hết, không còn lý tưởng, chỉ trần trụi một cái tôi cô đơn, vô vọng hướng về một đỉnh trời là hư vô và cõi chết.

Đêm già từ Hà-nội truyện ngắn đầu tiên gửi đến báo Người Việt, làm Thanh Tâm Tuyền phải «sửng sốt» và đăng ngay, ông nhớ lại tác phẩm này như «một bài thơ văn xuôi», và nhiều người cũng cảm thấy văn Mai Thảo có chất thơ như thế. Hai sự kiện: văn Mai Thảo gây sững sốt và có chất thơ là thật.

Nhưng dường như chưa ai thực sự tìm hiểu và phân tích tại sao nó gây sững sốt? Và nó có chất thơ ở chỗ nào?

Cho nên việc đầu tiên khi khảo sát văn chương Mai Thảo là tìm hiểu hai yếu tố «gây sững sốt» và «chất thơ» ấy là gì? Chúng đã kết hợp với nhau như thế nào trong bút pháp Mai Thảo.

Hơn ba thế kỷ trước Thiên chúa, Aristote trong *Poétique* (Thi học) đã nghiên cứu các tổ chức nghệ thuật như anh hùng ca (épopée), bi tráng kịch (tragédie), kịch (comédie), và phân tích phê bình tác phẩm của Homère. Những gì Aristote tìm thấy, đến nay, vẫn còn là mẫu mực cho việc

khảo sát thi ca. Tựu trung, ông cho rằng ngôn ngữ thơ được thành hình từ sự *vi phạm quy luật ngôn ngữ hàng ngày*, nhà thơ phải *bút chữ* ra khỏi sự tầm thường của ngôn ngữ thông dụng để *gây sùng sốt* cho độc giả và làm *nổi bật cái đẹp*. Đem áp dụng quy luật này vào trường hợp Mai Thảo, thì đúng là, vì Mai Thảo *vi phạm quy luật ngôn ngữ* thông thường, cho nên ông *gây sùng sốt*. Hai yếu tố này gắn liền với nhau, hợp thành một *tổ chức chữ nghĩa*, xác định thi pháp Mai Thảo. Chính ở cái *tổ chức chữ nghĩa mới* này, mà Mai Thảo thành danh, nhưng đồng thời cũng bị nhiều người đương thời, nhất là những nhà văn trường quy viết theo đúng văn phạm, cho văn ông là màu mè, lập dị. Văn Mai Thảo có chỗ màu mè, lập dị thật, nhất là khi không có cảm xúc mà vẫn viết, đó là những đoạn văn dở, nhưng không nhiều trong suốt hành trình chữ nghĩa vạn trang của ông.

Biên ngẫu mới

Tại sao nhà văn, để tạo thi pháp mới, cần phải vi phạm quy luật ngôn ngữ hàng ngày? Bởi ngôn ngữ hàng ngày thường bằng phẳng, không có bề dày, nó nhạt. Nhà văn, có người giữ nguyên cú pháp thông thường, nhưng tạo bề dày bằng ý tưởng; có người «bóp méo» ngôn ngữ để gây ấn tượng, tạo hình ảnh, làm giật mình người đọc. Mai Thảo thuộc loại thứ nhì. Ông viết văn bằng thủ pháp thơ:

"Mái nhà ngó xuống, cửa sổ nhìn ra, nước trong lòng bể nhìn lên, quê hương vây lấy tôi." (Căn nhà vùng nước mặn).

"Lửa Hà-nội nhìn xa như thế, mê đắm nghìn lần hơn khi Hà-nội nhìn gần. Trời cứ tối đặc ở ba phương. Riêng lửa một phương Hà-nội sáng." (Hà-nội, một ánh lửa đã tắt).

Đó là cách Mai Thảo "bóp méo" ngôn ngữ. *Mái nhà ngó xuống, cửa sổ nhìn ra, nước trong lòng bể nhìn lên, quê hương vây lấy tôi*. Thông thường không ai viết văn xuôi như thế: bởi theo logique, thì *mái nhà* làm gì có *mắt* mà *ngó xuống*? *Cửa sổ* làm gì có *mắt* mà *nhìn ra*? *Nước trong bể* làm gì có *mắt* mà *nhìn lên*? *Quê hương* làm gì có *màn* mà *vây lấy*? Nhưng chính ở cái chỗ khác người ấy mà có văn: nó tạo hình, và người ta gọi những *mái nhà ngó xuống, cửa sổ nhìn ra, nước trong bể nhìn lên...* là những hình ảnh siêu thực, hoặc huyền ảo (fantastique). Không những Mai Thảo đã "bóp méo" ngôn ngữ mà ông còn thêm những chiêu kích khác cho câu văn: chiêu kích không gian và thời gian, bởi vì, những *"ngó xuống, nhìn ra, nhìn lên, vây lấy"* ấy đã làm cho cái tôi (Mai Thảo) trong *căn nhà vùng nước mặn* không chỉ là một cậu bé, mà còn là *cậu bé lớn dần theo thời gian*, và *cậu ta đang được nhìn từ nhiều phía*, từ mái nhà, từ cửa sổ, từ lòng bể. Tóm lại, cậu bé này là *trung tâm của vũ trụ*. Cách nhìn một đối tượng như trung tâm của vũ trụ này, Mai Thảo còn thể hiện với nhiều đối tượng khác, khi ông vẽ chân dung, như với Luân, với sông Hồng, với Cửu-long, với Hà-nội...

Trong câu văn thứ nhì: *"Lửa Hà-nội nhìn xa như thế, mê đắm nghìn lần hơn khi Hà-nội nhìn gần. Trời cứ tối đặc ở ba phương. Riêng lửa một phương Hà-nội sáng."* Mai Thảo bóp méo cả ý tưởng lẫn cú pháp. Đúng cú pháp thì phải viết như thế này: "Nhìn xa thì Hà-nội ánh lửa lên như thế, nhưng khi nhìn gần thì...". Nhưng ông đã đảo câu, đảo chữ, để viết: *"mê đắm nghìn lần hơn khi Hà-nội nhìn gần"*, và ông đã bỏ hết liên từ, thay vì viết: "riêng chỉ có một phương Hà-nội là sáng", ông viết: *"riêng một phương Hà-nội sáng"*.

Sự vi phạm cú pháp nơi Mai Thảo tất nhiên là có dụng ý, cố tình viết ngược, làm câu khác thường, nhưng đối với những người có dịp gần ông, và nếu để ý, thì thấy khi ông nói chuyện, nhiều khi cũng có những câu "khác thường" như thế. Vậy đây còn là một thứ ngôn ngữ bẩm sinh nữa. Điều đó giải thích, tại sao Mai Thảo có thể viết nhiều, viết nhanh như thế.

Sự vi phạm cú pháp này đã tạo ra một thứ *biên ngẫu mới*, mà nhịp điệu và tư tưởng không còn ở trong quy pháp biên ngẫu cổ điển:

"Lửa Hà-nội nhìn xa như thế, mê đắm nghìn lần hơn khi Hà-nội nhìn gần.

Trời cứ tối đặc ở ba phương. Riêng lửa một phương Hà-nội sáng."

Vấn về đối về, từ đối từ: *xa đối gần, tối đối sáng*.

Nhưng trong biên ngẫu mới có thêm yếu tố huyền ảo vắng mặt trong thơ cổ điển và thơ mới:

Áng đào kiếm đâm bông não chúng

Khóe thu ba ngọn sóng khuynh thành (Nguyễn Gia Thiều)

Người giai nhân: bến đợi dưới cây già

Tình du khách: thuyền qua không buộc chặt. (Xuân Diệu)

Ôn Như Hầu và Xuân Diệu đối chiếu những yếu tố hiện thực với nhau: *áng đào kiểng* đối với *khóe thu ba*; người giai nhân đối với tình du khách. Nhưng Mai Thảo tạo sự đối xứng giữa những yếu tố ảo, huyền ảo: *Lửa Hà-nội xa - lửa Hà-nội gần*; *ba phương trời tối đặc - một phương Hà-nội sáng*. Là ảo, ảo cả, bởi làm gì có "lửa Hà-nội", Hà-nội cháy bao giờ? Vậy lửa Hà-nội trong Mai Thảo chính là ngọn lửa tâm, nói theo tiếng Phật. Sau này Bachelard coi đó là ngọn lửa nguyên thủy của đời sống: *lửa tình*.

Và ngọn *lửa tình* này đã nung nấu Mai Thảo trong suốt hành trình sống và sáng tác. Lửa đó ta không nhìn thấy, bởi nó vô hình, nhưng vô cùng hiện hữu, nó có thật, nó đã cháy và còn đang cháy, cháy trong người, cháy trong lòng người. Còn người sống là còn có lửa. Ngọn lửa ấy đã trong Mai Thảo, đã hiện lên ánh mắt, nằm trong cử chỉ, trong tình bạn, tình đời Mai Thảo, nó luồn vào chữ nghĩa Mai Thảo, ở những trang đạt nhất, vẫn ông bao giờ cũng có lửa. Lửa cháy trong Mai Thảo suốt đời. Trọn vẹn. Cho tới khi mất.

Cho nên khi không có lửa mà phải viết, Mai Thảo cứ viết, viết dở, viết vội những dòng văn kỹ thuật, không hay. Người ghét Mai Thảo chép lại những câu văn không hay của ông để chê là màu mè, lập dị. Nhưng kỳ quái hơn, phần lớn những người ca tụng Mai Thảo, cũng thường trích những câu văn kỹ thuật của ông để khen hay và những người bắt chước lối viết của Mai Thảo cũng chỉ bắt chước được những câu văn kỹ thuật. Vì không mấy ai có lửa trong lòng bút như Mai Thảo. Không phải nhà văn, nhà thơ nào cũng có lửa. Mà cũng không phải lúc nào con người cũng có lửa. Có lửa mà bất tài, lửa sẽ leo lét, thóp thoi, phụt tắt. Lửa mà không nhân hậu là lửa phũ phàng tàn bạo của cạm bẫy. Chỉ khi có lửa, lửa nhân, mà biết biến lửa ảo thành thực, biến lửa thực thành ảo, mới có thơ, có nghệ thuật.

Văn Mai Thảo, ở những đoạn hay nhất, luôn luôn là sự biến ảo: từ một hình thái đã chết trong quá khứ, ông truyền lửa cho sống lại, thành một bản nhạc, một bức họa ẩn tượng hay siêu thực. Chính ở khả năng biến hoá này, Mai Thảo đã khắc tạc nên những chân dung nghệ thuật và gây *sửng sốt* cho độc giả.

Triết lý nhị nguyên

Những truyện hay của Mai Thảo phần lớn đều dựa trên sự đối đầu giữa hai cực, giữa hai nguyên lý sâu xa của đời sống, đối cực nhưng đan cài nhau, quấn quýt nhau, giao hoà nhau, xây dựng và tận diệt nhau, như âm với dương, như sống với chết, như tự do với ràng buộc, như tình yêu và tan vỡ, như đỉnh cao và hư vô.

Chính cái triết lý nhị nguyên về đời sống đã dẫn đến thi pháp biến ngẫu mới hay chính cái thi pháp biến ngẫu mới này dẫn đến triết lý nhị nguyên, trong tác phẩm Mai Thảo?

Bởi sự đối xứng trong thi pháp biến ngẫu và sự đối đầu trong triết lý nhị nguyên có thể tìm thấy trong toàn bộ cấu trúc nghệ thuật của Mai Thảo, từ việc đặt tên các truyện ngắn như *Bản chú thư trên ngọn đỉnh trời*, đã có sự đối chiếu giữa *chú thư* và *đỉnh trời*, giữa *đỉnh cao* và *vực sâu*; đến *Ngọn hải đăng mù* đối chiếu: *hải đăng* và *mù*; rồi nội dung trực diện sống và chết. Hoặc sự đối chiếu hai bản sắc trong cùng một con người: như *tội ác* và *nhân bản* trong nhân vật Phương Bến Xanh (truyện *Chiều cuối năm*). Hoặc đối chiếu hai hành động: Vượt biển và trở về trong truyện *Tiếng gọi* (tập *Ngọn hải đăng mù*). Hoặc kháng chiến và về thành trong *Luân*; hạnh phúc và đe dọa trong *Bảy thỏ ngày sinh nhật*; người đẹp và định mệnh trong *Những bức hình của chị Thời*; hạnh phúc và tự do trong *Cửa sau*; tình yêu và tan vỡ trong toàn bộ tiểu thuyết, v.v...

Mai Thảo là người có địa bàn viết rộng nhất trong các nhà văn cùng thời. Một bút pháp đa chiều, đầy mãnh lực của một nhà hùng văn nhưng cũng có thể rũ xuồng mềm như cánh liễu theo dáng đi của một vũ nữ. Ông có thể ở trong một cậu bé, lớn dần lên trong thể xác và tâm hồn để trở thành một thanh niên cường tráng, sống trác táng trong các vũ trường và lịm dần trong sa đọa, để biến thành ông già răn reo như một xác chết. Mai Thảo thoải mái trong tất cả

các vai: từ vũ nữ, tướng cướp, đứa bé,... đến chiếc xe vận tải 405, dòng sông, căn nhà... bởi tất cả đều đã là... Mai Thảo.

Triết học hiện sinh thấm trong ông, trở thành nền tảng tư tưởng và bút pháp: để khảo sát con người, nhà văn phải đột nhập vào thể xác và tâm hồn của kẻ mình viết; nhà văn chính là nhân vật mà mình dựng nên. Sự tìm hiểu chính mình, sự nhận thức chính mình trong chiều sâu của triết học hiện sinh đã ở trong Mai Thảo.

Mối tương quan giữa Mai Thảo và *người khác*, vật khác, nhờ tâm thức hiện sinh, trở thành mối *tương quan đồng nhất*: Ông thấy người khác như đã thấy mình. Ông đi từ chính mình để viết về người. Mai Thảo khác người vì ông có ống kính hai chiều: ông chiếu về người bằng mình và chiếu về mình bằng người, đặc biệt trong truyện ngắn *Cửa sau*, viết về người đàn bà muốn sống tự do không ràng buộc: người đàn bà ấy là chính ông, con người tự do không phân phái tính. Đứa bé đi thuyền trên Sông Hồng vừa là đứa bé, vừa là Mai Thảo. Cậu bé (hay chàng thanh niên) trở về căn nhà vùng nước mặn cũng là Mai Thảo. Vẫn chàng thanh niên ấy trong *đêm giã từ Hà-nội*. Và vẫn người ấy trong chuyến vượt biên đến Poulo. Vẫn người ấy lang thang trên đất Mỹ. Vẫn người ấy trong Kiều Chinh, nữ diễn viên điện ảnh số một, khi rời quê hương trắng tay trắng nghiệp, phải đi lại từ đầu nhưng không hề khuất phục số mệnh... Tất cả là Mai Thảo, Kiều Chinh cũng là Mai Thảo, chỉ là Mai Thảo, trong những hoàn cảnh khác nhau, trong những địa chỉ khác nhau, trong những hành động khác nhau. Nhưng nếu chỉ đem mình ra mà viết như vậy, thì có gì đáng nói. Cái đáng nói là Mai Thảo đã nhìn thấy mối tương quan giữa *cái tôi* (nhân vật chính cũng là mình) đối với các nhân vật khác, *người khác*: một mối tương quan chằng chịt như những đường máu trong cơ thể.

Kiến trúc phi không gian thời gian

Thi pháp Mai Thảo trên hai kiến trúc: *không gian* và *thời gian* nhưng đồng thời ông cũng huỷ diệt ngay tức khắc cả *không lẫn thời* để đưa đối tượng mô tả vào khoảng vô định: phi không gian thời gian.

Kiến trúc không gian được thể hiện qua những ống kính, những chiều nhìn khác nhau về đối tượng (cậu bé) mà chúng ta đã phân tích ở trên.

Kiến trúc thời gian (trong *Căn nhà vùng nước mặn*) nằm trong chữ *sẽ*, một thì tương lai, rất Tây:

"Tôi sẽ về, về thẳng một mạch. Như con chim..."

"Tôi sẽ về thẳng căn nhà cũ của tôi. Những đoạn đường cuối cùng không có bạn hữu..."

"Tôi sẽ về nhà tôi, một mình..."

Sẽ thể hiện việc chưa xảy ra: *chưa về* nhưng đồng thời còn đưa ra những tín hiệu khác: Rằng những gì xảy ra sau đó, chỉ là tưởng tượng. Rằng hiện thực "trở về nhà" nằm trong không gian ảo và thời gian chưa xác định. Rằng chân dung *căn nhà vùng nước mặn* (vì chưa về thì chưa thấy) đã bước ra ngoài không gian và thời gian, nó không chịu sự huỷ diệt của thời gian nữa, bởi vì không ai diệt được cái gì *chưa đến*. Rằng tất cả ngàn ấy thứ nằm trong một chữ *sẽ*.

Nhưng ngoài *sẽ*, còn có những khả năng khác như *đã* và *có thể*:

"Tôi đã về nhà tôi, tôi đã về nhà tôi. Tôi có thể im lặng nghẹn ngào cảm động đến không nói thành tiếng. Tôi có thể đứng chôn chân xuống đất. Nhưng tôi cũng có thể hò hét toáng lên. Im lặng nghẹn ngào hay hò hét nhẩy múa thì cái nhà cũng vẫn nghe thấy tôi, trông thấy tôi. Nó ý thức được sự có mặt của tôi. (...) Căn nhà thức giấc. Nó trở mình. Nó mở tất cả những con mắt của nó, tất cả những vành tai của nó. Nó đã sống dậy với người. Người đốt lửa cho căn nhà sáng lên. Những căn buồng chìm khuất trong bóng tối phút chốc hiển hiện. Tâm hồn tôi cháy sáng bằng ánh sáng của chúng nó. Chúng nó cũng vậy. Người về như mặt trời. (...)

Việc làm thứ nhất: tôi sẽ đến rửa mặt ở cái bể rêu cuối sân lối đi ra vườn sau. Bao nhiêu trận mưa trời rơi xuống ở đây, từ mái ngói chảy qua lòng màng (...)

... người vú nuôi tôi đã chết" (*Căn nhà vùng nước mặn*, An Tiêm, 1966, trang 11, 12, 13, 14)

Trong *Chuyến tàu trên sông Hồng*, không có *sẽ*, nhưng cả ba: *sẽ*, *đã*, *có thể*, hạp lại trong cụm từ *hình dung thấy*:

"Hình dung thấy một cái bến tĩnh lặng..."

"Hình dung thấy một con tàu nằm sát kề mặt bến..."

"Hình dung thấy đứa nhỏ ngồi đó và nó nghĩ..."

"Hình dung thấy chuyến đi đó, trên con tàu, trên Hồng hà... dẫn đưa vào thiên đường cũ"

(Chuyến tàu trên sông Hồng, Tuổi Ngọc, 1969, trang 17-18).

Sẽ, đã và có thể, tập trung thành *hình dung thấy*, ngoài dụng ý phi thời gian không gian, nghĩa là chuyến đi trên sông Hồng *có thể chưa xảy ra*, ba thì quá khứ hiện tại và tương lai giao nhau còn ngụ ý *xác định giả tưởng sáng tạo*: có thể tôi đã làm thế này, nhưng cũng có thể tôi đã làm khác, tất cả tùy thuộc vào ngòi bút của tôi lúc bấy giờ; đồng thời, tạo ra một bối cảnh nghệ thuật mới: sự trở về căn nhà vùng nước mặn (và chuyến đi trên sông Hồng) *không còn ở trong hiện thực nữa* mà đã là mộng, đã ở trong những cơn mơ, chúng trở thành *hiện thực của tưởng tượng* và đó là mục đích chính của sáng tạo: biến ảnh thực thành ảnh ảo. Mỗi khi có suy nghĩ, có mơ mộng là lại có trở về căn nhà vùng nước mặn, và mỗi lần như thế sự thể lại khác đi, khi thì "tôi" đứng chôn chân xuống đất, khi thì "tôi" nhẩy toáng lên... những diễn biến ở đây đã ảo, chúng không còn là những thứ *người thật việc thật* trong một thứ hiện thực thô thiển, mà chúng đã trở thành những phiêu lưu xảy ra trong óc nhà văn, có thể biến hoá không cùng, lại có thể đến và đi bất cứ lúc nào trong cuộc sống: ký ức trong tác phẩm của Mai Thảo đã thoát khỏi sự giám định của thời gian và không gian.

Ngoài ra những câu như:

- "*Mái nhà ngó xuống, cửa sổ nhìn ra, nước trong lòng bể nhìn lên, quê hương vẫy lấy tôi*" ngoài lối giải thích cổ điển: Mai Thảo đã "nhân cách hoá" mái nhà, nó còn cho thấy cách viết điện ảnh của Mai Thảo: ống kính nhìn "tôi" từ nhiều phía: kéo cột, rường mối, cùng nhìn "tôi" và cùng hoà giọng với chiếc cầu thang: "*Chú đã về đấy hả?*". Rồi cậu bé trèo lên cầu thang dưới đôi mắt lo âu của người vú đã chết từ kỷ niệm bước ra, và như thế cậu bé đã lùi lại thành đứa trẻ mới chập chững biết đi: Thời gian lùi lại trong đôi mắt của người vú đến từ cõi khác. Đoạn văn trên còn dẫn đến nhận thức: dù "tôi" có làm cử chỉ gì đi chăng nữa thì cái nhà cũng *nhận ra* tôi: nhận ra cậu chủ con, cậu chef, sự *nhận ra* ấy rất tự nhiên, bởi nó nằm trong *tiềm thức nhà*: Cậu nhỏ đã là *trung tâm của vũ trụ*.

Nhưng không chỉ một mình cậu nhỏ được nhìn như vậy, mà những thực thể khác cũng có cái hân hạnh ấy. Ví dụ:

Cửu-long :

- "*Cửu-long đang bát ngát dâng lên, Long-xuyên đổ về, Châu-đốc đổ về. Miền xa về hạp chợ đi toàn bằng những bước đi của Cửu-long*" (Một chiều qua Cửu-long).

Phương Bến Xanh, tương cướp khét tiếng vùng châu thổ:

- «*Như một vang động hải hùng, một lưu truyền thần thoại. Từ Hồng-hà đổ sang và từ sông Đáy đổ xuống*» (Chiều cuối năm).

Con đường viễn chinh của Albert, theo đúng theo con đường Nam tiến của dân tộc ta:

«*Nổi chìm ở nơi một ngã rẽ. Thăng trầm đi theo từng dấu chân. Người Tây già lưu động và tha phương sống, nếu chỉ nói riêng ở cái khía cạnh hình thức của chiều hướng, di chuyển đã đi thật đúng con đường dân tộc ta xưa. Từ Bắc tới Nam. Từ rừng xuống biển. Lửa Lạc Việt tiền sử dựng nước le lói khởi dấy từ một điểm xuất phát phía bên kia những ngọn núi bây giờ là địa đầu biên thùy Hoa-việt. Lửa đi theo Hồng-hà. Lửa tiến cùng mặt trời. Ngọn lửa cá nhân soi đường cho thân thể trôi dạt của Albert cũng vậy. Từ Đông-đăng, Tuyên-quang, lửa xuống. Từ Sơn-tây, Hà-nội, lửa về. Lửa vượt Non-nước của Ninh-bình, Hàm-rông của Thanh- hóa, leo qua Hải-vân, đổ dốc Đông-giao, qua những biển lúa phẳng, qua những rừng dừa nghiêng, để ngừng lại ở đây, trong căn nhà bên suối*». (Căn nhà bên bờ suối, trong tập Người thầy học cũ, Văn Uyên 1968).

Những *đổ xuống, đổ về, ngược lên, xuôi chiều*... đã trở thành một cấu trúc nghệ thuật trung tâm vũ trụ mà Mai Thảo dùng để nhìn các đối tượng của mình.

Tính cách *trung tâm vũ trụ* này chính là *ý niệm thủ lĩnh* trong vô thức Mai Thảo.

Ý niệm thủ lĩnh

Kiêu hãnh. Tự coi mình là trung tâm vũ trụ: *Ta thấy hình ta những miếu đền.*

Sự kiêu hãnh này phát xuất từ đầu, từ câu đầu, trong truyện ngắn đầu:

Phượng nhìn xuống vực thẳm.

Hà-nội ở dưới ấy

Từ Hà-nội, Mai Thảo ném ra cái nhìn ngạo mạn đầu tiên: Hà-nội ở dưới chân ta.

Rồi sẽ có: *Hồng-kông ở dưới chân.*

Ta là ai? Là Phượng, là Mai Thảo, là cậu chủ nhỏ của căn nhà vùng nước mặn.

Ý niệm lãnh tụ đến từ bao giờ? Từ khi viết văn chăng? Chắc chắn sớm hơn, từ khi ra đời đã là cậu, cậu con nhà giàu, bé tý trong nôi đã là cậu chủ nhỏ đối với người vú. Lớn hơn chút nữa, dạn dòn, đi hoang bờ bụi. Khi đi học, trở thành lãnh tụ đám lỏi trường làng. Mai Thảo sống trọn vẹn vai trò lãnh tụ của mình từ thuở nhỏ, và đến khi cầm bút, ký ức tuổi thơ sống lại, ký ức lãnh tụ tuôn ra. Mai Thảo là một thứ lãnh tụ «bẩm sinh». Ký ức lãnh tụ hiện rõ trên chữ nghĩa: «*Người về như mặt trời*». Mặt trời ấy là một đứa con nít, nó đem ánh sáng lại cho căn nhà vùng nước mặn: chủ về là căn nhà sáng lên. Là mọi sự sống lại.

Ý thức lãnh tụ ở Mai Thảo mang ý nghĩa *souverain* của Jean Jacques Rousseau: lãnh tụ là tập hợp những ý nguyện của toàn dân trong mỗi tương quan đầu, mình, chân, tay, bình đẳng và thân ái. Trước Rousseau, đã có Khổng Tử trong Luận ngữ (quân quân, thần thần, phụ phụ, tử tử) và Platon trong République. Rồi trước Khổng Tử hơn nghìn năm, kinh Veda của Ấn-độ đã quan niệm vũ trụ như một con người mà sự tồn tại dựa trên mỗi tương quan bình đẳng và thân ái giữa bốn đẳng cấp: hiền nhân (brahman), chính nhân (kshatriya hay rajpute), nghệ nhân (vaishya) và hầu nhân (shudra), tất cả là một toàn khối như đầu, mình, chân, tay.

Sau này Lévy-Strauss chứng minh lại một lần nữa, cái ý thức lãnh tụ ấy trong cấu trúc của các bộ lạc nguyên thủy ở vùng Amazone: mỗi nhóm giữ đúng vai trò của mình trong bộ lạc. Người thủ lĩnh biết sống chết, biết chia sẻ niềm vui, nỗi buồn, lo thức ăn, thức uống cho toàn thể bộ lạc.

Mai Thảo chính là thứ nguyên thủ đó đối với «bộ lạc» di cư và di tản của dân tộc ông. Cho nên ông được mọi người mến yêu và tha thứ. Những văn hữu già sống với Mai Thảo bằng trung thành tình bạn đã trải. Những người viết trẻ bu lấy Mai Thảo như một niềm tin, một cột vịn. Ai cũng có thể thấy mình thân với Mai Thảo. Và khi Mai Thảo mất, những dòng ký ức chân thật nhất với Mai Thảo có thể đến từ những con người không mấy khi chân thật: Mai Thảo có sức chuyển hoá họ. Nhưng cũng không ít người, dù rất gần Mai Thảo, vẫn cảm thấy một *khoảng cách* giữa mình với Mai Thảo. Và cái khoảng cách ấy cũng lại có thật. Mai Thảo tạo được một triều đình, một thần dân, và cả sự xa cách. Đó là chứng hiện văn và người trong Mai Thảo.

Nguyên thủ là đầu tàu, đồng thời cũng là tổ hợp ý nguyện chung của bầy đàn mà hấn là nguyên thủ. Tương quan của nguyên thủ với mọi người là *tương quan đồng nhất*, như đầu mình chân tay, như máu chảy ruột mềm. Vị nguyên thủ có thể có trí khôn hơn, có thể có sức mạnh hơn, nhưng tất cả những thứ «hơn» ấy, hấn không dùng để phục vụ độc quyền lãnh đạo, không dùng để đàn áp đồng bào, mà để *che chở và thông cảm* với đồng bào hấn, vì thế người ta coi hấn là nguyên thủ và hấn trở thành nguyên thủ. Hấn chính là «khối nguyện vọng chung» của quần thể mà hấn làm lãnh tụ, hấn thờ không khí mà đồng bào hấn thờ, nhưng hấn thính hơn đồng bào hấn: khi đồng bào hấn rét, hấn rét hơn. Khi đồng bào hấn đói, hấn đói hơn. Khi đồng bào hấn bất hạnh, hấn bất hạnh hơn. Khi đồng bào hấn sung sướng, hấn sung sướng hơn. Và nhìn theo chiều hướng ấy: nguyên thủ của J.J. Rousseau tương đương với nhà văn dẫn thân của J.P. Sartre: nhà văn bắt buộc phải dẫn thân, hấn chính là lương âm của thời đại, của dân tộc hấn, hấn phải gánh chịu những hậu quả của ngòi bút, hấn phải có trách nhiệm ngòi bút và trách nhiệm ngòi bút chính là trách nhiệm với đồng loại. Trong ý nghĩa đó, nhà văn đích thực cũng là một thứ nguyên thủ.

Ý thức nguyên thủ này là linh hồn ngòi bút Mai Thảo.

Và ngòi bút ấy chuyên chở một nghệ thuật độc đáo: *nghệ thuật chân dung*.

Nghệ thuật chân dung

Tinh thần lãnh tụ có trong Mai Thảo từ thuở thiếu thời:

«Ngày bé, tôi nổi tiếng nghịch ngợm nhất nhà. Sáng vừa trở dậy, thoáng đã lên đi. Phơi nắng. Lang thang ngoài đồng, trong bờ trong bụi. Đi quên bữa ăn, đi lạc đường về. Bị đánh, bị mắng thế nào vẫn chứng nào tật ấy.

Những cuộc đi hoang trong thời thơ ấu ấy bao giờ cũng có thêm Tuyền. Lần nào, tôi vừa mất trước mắt sau lên ra khỏi nhà, quay lại là y như rằng đã thấy nó bu bám chạy theo sau. Nhiều lần tôi quắc mắt làm dữ, đuổi: "về". Nó đứng lại, mắt đã rung rung chực khóc. Tôi đuổi quá, nó liều lĩnh dọa: «không cho em đi, về mách mẹ cho mà xem». Thế là tôi lại đành cho nó đi theo. Tuyền thích được nhập vào những cuộc phiêu lưu tuổi thơ như thế. Nhưng thích mà vẫn sợ. Nó sợ đủ thứ. Sợ lạc đường. Sợ về nhà phải đòn. Sợ rấn rết dưới hố sâu. Sợ cọc nhọn, gai ngầm trong bụi. Một tiếng động lạ tai trong cỏ, một con thằn lằn từ cành rớt xuống, là đủ để cho nó, đang vui thích chạy theo tôi, đứng sững lại, mắt mở đến đứt kể, mặt mũi tái nhợt. Tôi vò đầu giậm chân, mắng: «Giời ơi! Sợ thế mà cứ đòi đi!» Nó hoàn hồn, nhoẽn miệng cười: «Sợ nhưng mà thích». (Bước đi một bước, trong tập Dòng sông rục rờ, Văn Uyển, 1968)

Hai chân dung trong một đứa bé: thằng anh và con em đều to gan như nhau, đều có khả năng «cầm quyền». Tuyền, đứa em gái liều lĩnh từ bé, lớn lên phản kháng, chống lại cuộc hôn nhân do cha mẹ sắp đặt, chọn thoát ly gia đình. Tuyền và người bác điên trên sườn Tam Đảo, là những chân dung âu yếm và đón đầu nhất mà Mai Thảo rút ra từ ký ức gia đình, tự nhiên, dễ dàng tưởng như có thể thò tay vào túi lấy ra được. Cái giây phút xuất thần ở người bác điên, khi thấy lâm nguy, đã bỏ điên, tỉnh lại, liều mình cứu mẹ, em và cháu thoát nạn. Cái linh thần của người bác điên, xuất hiện một lần trên đỉnh Tam Đảo, sống lại trong những đứa nhỏ: con Tuyền lấm chấm mà đã thích đi hoang với anh, thằng nhỏ *Trong rạp chiếu bóng*, dẫn bà nó đi xem xi-nê và đọc phụ đề tiếng Việt cho bà nhanh như gió, thằng Tám Cục Đất can trường, đánh lộn chấp tai tay, để bảo vệ danh dự mẹ. Thằng nhỏ trên *Chuyến tàu trên sông Hồng*, bé tí đã bước vào thế giới tưởng tượng của nhà văn... những đứa bé đó có một quyết định, một vượt thoát, không chỉ cho cuộc đời nó, mà cho cả những người chung quanh. Nó chuyên chở tâm hồn lãnh tụ, hơn bất cứ người lớn nào trên trái đất. Những đứa nhỏ đó đã là những lãnh tụ trong địa hạt thương yêu, bất khuất. Mai Thảo không những đã đối xử với những nhân vật bé nhỏ của mình một cách bình đẳng mà còn đầy kính phục và âu yếm. Ở đây không phải một người lớn viết về một đứa con nít, mà là sự nhập thân đầy âu yếm của *một người* trong một *người khác*. Quan hệ giữa Mai Thảo và đứa trẻ là quan hệ xuyên thâm bình đẳng giữa hai thực thể, hai con người. Bởi đứa trẻ cũng là Mai Thảo.

Những chân dung phụ nữ của Mai Thảo đều có những nét cao ngạo và bi đát của chính tác giả: Trước hết là chân dung Luân, người con gái có cái tên rất con trai. Ngôn ngữ hàng ngày luôn luôn phân biệt phái tính, và con người được phân biệt rõ gái trai ngay từ cái tên cha mẹ đặt. Xoá bỏ thành tri ngôn ngữ thông thường, Mai Thảo đặt cho tên người con gái ấy là Luân, một cái tên rất con trai. Luân là một tâm hồn trinh bạch. Về chiến tranh, Luân không phân biệt giới tuyến. Về phái tính, Luân không phân biệt nam nữ. Luân cư xử như một thiên thần. Luân đến với ba chàng trai mới lớn cùng một lúc, Luân cho họ đồng đều: tình yêu, tình bằng hữu, tình người: Luân là tình yêu tuyệt đối, càng cho càng đầy. *Luân là tình yêu lý tưởng đã đạt tới tự do*: yêu chia sẻ, yêu không giới tuyến, tình yêu vượt trên sự chiếm hữu. Luân giữ địa vị độc nhất trong tác phẩm của Mai Thảo, Luân chính là Mai Thảo thời còn tin tưởng, thời xây dựng tự do, thời mới di cư, sau 1954.

Những người đàn bà khác trong tác phẩm của Mai Thảo luôn luôn có vị trí bình đẳng và cao sang: từ cô gái điếm, cô gái nhảy, đến cô lái đò, đến người phụ nữ kháng chiến, tất cả đều có những nét kiêu kỳ, phóng túng và tự do như thế. Nhưng ở thời đoạn sau, Mai Thảo đã chán chường hơn, đã thất bại hơn, đã mất dần niềm tin. Sự hồ nghi dần dần chiếm lĩnh, đưa ông đến chỗ đối chọi giữa tự do và hạnh phúc, giữa tình yêu và hạnh phúc. Những người phụ nữ đầy đặn gió sương, chán chường và sa đoạ này chính là hiện thân của con người trong thời đoạn mất niềm tin của cuộc chiến thứ nhì và lần di tản thứ nhì. Họ cũng chính là Mai Thảo.

Đối với vật thể, Mai Thảo cũng coi là bạn đồng hành, đồng hoá nó với con người, cùng có một địa vị, một trách nhiệm như con người: từ căn nhà vùng nước mặn đến chiếc xe hàng cũ, từ những vì sao thứ nhất đến sông Hồng, sông Cửu. Vẫn trong vị trí thương yêu và bình đẳng: *Căn nhà vùng nước mặn* đã che chở đã nuôi nấng tuổi thơ và theo sát tác giả trong suốt hành trình sống và hành trình sáng tác, nó không còn chỉ là căn nhà nữa mà nó đã là mẹ, nó đã là nguồn sống, nguồn sáng tác. *Những vì sao thứ nhất* chính là nguồn cội của thi ca, mà Diệu trong đó không ai khác hơn là Xuân Diệu, thần tượng của Mai Thảo. Phải nghe Mai Thảo, mỗi lần ngà say, lại đọc «*Phát phơ hồn của bông hường, nghe hơi sương đọng còn vương máu hồng*», mới hiểu được hồn thơ Xuân Diệu đã ngấm vào người con trai mới lớn ấy như thế nào, trong một đêm sao, đã chao đảo cả một đời người về phía nghệ thuật. Luân là chân chung của tình yêu, Diệu là chân dung của thi ca. Cả hai đều là khởi điểm tự do của Mai Thảo. Như vậy, Cửu-long không chỉ là một dòng sông, mà nó chở tất cả niềm tin và hy vọng của người di cư, hy vọng sống còn, hy vọng trù phú, cho những người tay trắng. Hà-nội không chỉ là một thành phố, mà là ngọn lửa, cháy không ngừng trong tâm thức Mai Thảo và những người đi, từ chữ đầu khai bút lúc mới di cư, đến những trang di tản di chúc cuối. Bão là bỏ Hà-nội, giận thì nói thế chứ có bỏ được đâu. Không chỉ Hà-nội, mà còn sông Hồng, còn vùng trăng thứ nhất, còn chiếc xe hàng cũ... tất cả đều đã là một phần Mai Thảo, là toàn diện Mai Thảo. Chân dung trở thành đặc điểm trong sáng tạo của Mai Thảo.

Chân dung người lính viễn chinh:

«*Địa ngục nuốt chửng Dắc vào một thế giới lông lá, ma quỷ. Dắc chỉ còn là một tên lính đánh thuê. Dắc không nhớ được nữa. Đó là một cuộc đi dài, rã rời, vật vờ, hết chiến trường này đến chiến trường khác, hết đồn bót này đến đồn bót khác, qua những vũng lầy, những sinh lầy, những hầm hố, những bãi hoang, những vòng đai trắng, những làng xóm hủy phá, những cánh đồng sa mạc, những ngọn suối độc, những cánh rừng thẳm, những thân người.(...) Những cái bóng thấp thoáng, tiếng đại bác đĩnh tai nhức óc, những tiếng kêu thét rợn người và ngón tay Dắc bám liên hồi vào cò súng, những tảng óc toé ra trắng như màu tuyết trên những đỉnh núi nơi quê hương thăm thẳm nghìn trùng, tiếng Dắc cười điên dại, hấn bắn xả vào những ám ảnh xưa, những hình hài cũ, nước mắt Dắc dòng dòng, đôi mắt Dắc như hai khối lửa đỏ khé, máu tưới đầm lên đầu lên tóc lên tim lên hồn Dắc, những viên đạn đồng bóng loáng như bắn ngược trở lại đâm thủng bộ ngực lông lá của Dắc. Dắc không nhớ nữa. Hấn đứng trên một con tàu say, hấn sa vào một vùng gió lốc quay tít chóng mặt, hấn ngã xuống, hấn đứng dậy, hấn lại đi nữa, lại bắn nữa, lại uống rượu cho đến khi gục xuống, lại cười, lại khóc, lại đập phá tan tành, lại hò hét điên dại ở tất cả những quán rượu hấn đã đứng lại, đã bỏ đi, ngày tháng xô dạt, bay biến, đẩy Dắc ngã sấp xuống nữa, xuống mãi, cánh đàn lầy vô hình dâng lên, tới ngực, tới cổ, tới mũi, tới mắt, Dắc sặc sụa, Dắc la hét, địa ngục úp chụp xuống Dắc, cái nắp ván thiên đóng sập lại, những tiếng vỗ chát chúa vang lên kinh hoàng».* (Tiếng cười trên ấy, trong tập *Bản chúc thư trên ngọn đỉnh trời*, Sáng Tạo, 1963, trang 66-67).

Người lính viễn chinh xuất hiện như một con quỷ, hấn bắn liên hồi, nhưng bắn ai? Hấn bắn vào quá khứ mình, bắn vào những ám ảnh cũ, những hình hài xưa, bắn vào cái tội ác mà một lần hấn lỡ gây ra, nó suốt đời theo đuổi hấn. Hấn bắn vào cái bi đát của đời hấn. Hấn muốn giết quá khứ nhưng không giết được, con quỷ nhập tràng quá khứ chết đi sống lại trong đầu giết hấn lần mòn cho đến khi hấn chết. Cái bi đát của gã viễn chinh được trình bày như một ảo ảnh. Cái dã man của nghề chiến tranh thu gọn lại trong ống kính ác mộng của một kẻ mất trí. Cái chân dung khốn nạn của Dắc đã xả ra những viên đạn bắn vào tim chúng ta, phá vỡ những thành kiến có sẵn về lính viễn chinh, bởi họ cũng chỉ là lính, tức là người, với những khổ đau như muôn nghìn người khác. Sự căm thù giữa người và người không đưa lại một kết quả nào khả quan, ngoài tội ác. Ngược lại, sự tìm hiểu và cảm thông giữa người với người luôn luôn đưa ta tới những vùng trời khác, cho ta thoát khỏi cõi vô minh, ít nhất trong giây phút đắm mình trong tác phẩm. Và nhà văn có thể tạo được những giây phút đó trong lòng những kẻ sắt đá nhất.

Bên cạnh chân dung khốc liệt của Dắc, là chân dung dịu dàng đầy âu yếm của sông Hồng:

«Hình dung thấy chuyến đi đó, trên con tàu, trên Hồng-hà. Đêm trên sông lớn trải khắp bốn hướng mênh mông. Đưa nhỏ riu mắt gục xuống cái mũ trắng trên đầu gối, thiếp đi. Bỗng nó bàng hoàng thức dậy.(...) Tiếng còi vang động một vùng làng xóm ngủ thiếp, lọt vào những cánh cổng đóng kín, lan tới những khoảng sân vắng, những cái bếp tro than nguội lạnh, những bờ ao kín đặc trong sương, tự lòng sông chuyển cả không gian mịt mù, chuyển cả thời gian thăm thẳm, chuyển những vì sao lạc, những ánh trăng suông, cái điệp điệp trùng trùng của trường giang, cái mênh mông ngút mắt của bãi bờ, của cửa biển, của khơi xa, của núi rừng vào những làng xóm, làng xóm trùm kín lấy, và lắng đọng bồi hồi mãi mãi. Con tàu đi vào một khúc sông khác. Nhưng tiếng còi đêm còn lại, vĩnh viễn, với Hồng-hà. Đưa nhỏ nghe tiếng còi và tiếng còi bao nhiêu năm tháng sau này, còn ám ảnh thần trí nó, kết tinh thành cái âm thanh của tuổi nhỏ mất dần từ một đêm bỏ làng ra phòng phở» (Chuyến tàu trên sông Hồng, Tuổi Ngọc, 1969, trang 17-18).

Với chân dung sông Hồng, nhà văn chở ta vào thế giới của tưởng tượng. Chân dung sông Hồng bao trùm vũ trụ trẻ thơ, một thiên đường đã khuất: thời chưa chiến. Dặc là chân dung hoắc loạn của bạo lực chiến tranh. Hai bức chân dung để cạnh nhau, đối chọi như thiên thần và ác quỷ. Đọc và so sánh chúng, ta sẽ thấy sự khốc liệt của chiến tranh, sự êm đềm của hoà bình, ta có dịp đối soi giữa tình yêu và tội ác. Người Việt sẽ thức dậy sau một giấc ngủ dài chỉ biết lấy cảm hứng làm phương tiện duy nhất. Tác phẩm nghệ thuật đích thực luôn luôn dẫn thân, dù không có một khẩu hiệu nào.

Cho nên, những chân dung khi Mai Thảo đã khắc tạc thành công và ném đi, nó sẽ bay lên và trở thành «*những vì sao thứ nhất*» như Luân, Tám Cục Đất, Diệu, Dặc, chị Thời, Phương Bến Xanh, người bác điên trên sườn Tam Đảo, Cửu-long, Hồng-hà, Sài-gòn, Hà-nội, Vũ Hoàng Chương, Vũ Khắc Khoan, Quách Thoại... Mỗi chân dung mở ra một kiên định của nhà văn hướng về một vấn đề: nói như Sartre, chúng là những viên đạn, bắn vào tâm thức chúng ta, những người còn sống hôm nay và sẽ sống ngày mai, mỗi lần đọc, ngắm những chân dung ấy, bắt buộc phải nhìn lại mình, nhìn lại cách đối xử của mình với Quách Thoại, với Vũ Hoàng Chương, với Cửu-long, Hồng-hà, mà xấu hổ, mà ăn năn, mà quyết không làm như thế nữa. Bởi Mai Thảo đã ở trong tất cả, đã là đầu, mình, chân, tay của tất cả những thứ ấy. Mai Thảo chính là lương tâm của tất cả. Những viên đạn chữ, ông đã bắn đi, từ tim mỗi chân dung, mỗi nhân vật, trúng vào hồng tâm lương tri con người.

Nhưng không phải lúc nào Mai Thảo cũng thành công trong việc vẽ chân dung. Tập *Bản chú thích trên ngọn đỉnh trời* là một trong ba tập truyện ngắn hay nhất của Mai Thảo, cùng với *Chuyến tàu trên sông Hồng* và *Ngọn hải đăng mù*. Nhưng truyện nổi tiếng nhất *Bản chú thích trên ngọn đỉnh trời* lại không thành công. Nhân vật chính là một chân dung giả tạo:

«*Tổ tiên chàng thuở đó sống rải rác trong những làng mạc dựng trong hốc đá, những vùng biển khuất gió, mình mặc áo lông thú dày, vũ khí là nỏ thuốc độc và đao ngắn, thờ thần mặt trời. Khi sương mù bắt đầu tan trên mặt biển, tất cả bộ lạc lại ào ạt kéo xuống những đoàn thuyền chiến buồm đen, mũi thuyền khắc nổi những hình thù kỳ quái. Đoàn thuyền rời bến bờ hoang dã trong tiếng ốc xuất quân rền rĩ, tiếng la hét mọi rợ, tiếng chèo vang mặt biển sớm đưa cả một đoàn người mà lẽ sống là chinh phục xuống những vùng trời có nắng, những đất đai trù phú ở phương Nam. Chàng bảo đời sống ngang tàng tổ tiên chàng thuở đó nằm trong những viễn trình, những chân trời xa khuất, những trùng dương mênh mông, những chiến trận không bao giờ chấm dứt, đời sống gắn liền vào đối đời và vũ khí, kẻ chết muốn lên thiên đàng khi ngã xuống phải có gươm nỏ trong tay, những cuộc tàn sát khủng khiếp, những đêm liên hoan điên cuồng trên đồng chiến lợi phẩm và thây xác kẻ thù. Cuộc sống đó không có phần chỗ cho đàn bà» (Trích *Bản chú thích trên ngọn đỉnh trời*, Sáng tạo 1963, trang 15-16).*

Nhân vật chấp vá, bối cảnh chấp vá: Chàng, với những chi tiết: «*tổ tiên là một bộ lạc sống trong hốc đá, khi sương mù bắt đầu tan, kéo nhau xuống những đoàn thuyền chiến đen, trong tiếng ốc xuất quân rền rĩ, kẻ chết muốn lên thiên đàng khi ngã xuống phải có gươm nỏ trong tay...*» như thể bước thẳng từ phim *Les Vikings* ra, có thể Mai Thảo vừa xem phim này về, ngẫu hứng viết những dòng này. Bởi thế, chàng không có cá tính rõ ràng: Á hay Âu? Tiếp đó hoàn cảnh xô

đẩy đưa chàng nhập với bọn người thám hiểm ngọn đỉnh trời: đỉnh Everest, trên Hy Mã Lạp Sơn chẳng? Lại một chấp vá nữa. Chàng cùng đồng bạn leo hết ngọn đỉnh trời và tới đỉnh, chàng ngã xuống vực. Để trình bày luận đề đỉnh cao và hư vô: trên đỉnh trời không có gì hết, chỉ là hư vô, là cõi vực, Mai Thảo đã đưa ra những nhân vật gương ép, cả chàng lẫn nàng đều không thực. Sự chấp vá Âu, Á, đỉnh cao và hư vô, này có lẽ đã làm thỏa mãn một số độc giả trí thức sinh Tây thời đó, vì vậy truyện nổi tiếng ngay. Tất nhiên không chỉ ở chỗ chấp vá mà truyện mất hay, bởi vì trong truyện dài, nhiều khi Mai Thảo cũng đưa ra những hoàn cảnh «hoàn toàn bịa đặt», nhưng khi viết, ngòi bút ông có thể đạt tới những sự thật đau đớn về tình yêu, về con người, cho nên người đọc vẫn bị lôi cuốn, không «nghỉ ngơi» gì.

Nghệ thuật tiểu thuyết

Tiểu thuyết của Mai Thảo phần lớn xây dựng trên vũ trường, trên đồ vỡ, trên những cuộc sống về đêm của một Sài-gòn ăn chơi đàng điếm. Thường là những bức tranh đời ông qua nhiều khía cạnh: một nghệ sĩ tự do, không chấp nhận bị ràng buộc bởi bất cứ một yếu tố nào kể cả gia đình. Và như thế cô đơn và tự do trở thành một cặp uyên ương miên viễn. Tiểu thuyết Mai Thảo (cũng giống như trường hợp Bình Nguyên Lộc) viết vội để đăng báo hàng ngày, bán rất chạy, được tuổi trẻ miền Nam thời ấy gối đầu giường.

Tại sao có hiện tượng ấy? Bởi đó là một nghệ thuật bình dân. Bình dân như quan điểm nghệ thuật của Tự Lực văn đoàn thừa trước, nghĩa là ở trong tầm tay của tất cả mọi người, trái với quan niệm nghệ thuật trí thức của Thanh Tâm Tuyền, Vũ Khắc Khoan, Dương Nghiễm Mậu. Trước tiên hãy nói về «điều kiện» viết của Mai Thảo.

Ở thời điểm ăn khách nhất, mỗi ngày ông viết hai, ba feuilleton đăng báo, sau in thành truyện dài... Hỏi Trần Thanh Hiệp: có đúng là anh Mai Thảo viết mỗi ngày hai ba feuilleton đăng báo không anh? - Đúng, nó viết thế đấy! Lại hỏi: Thế đêm nào cũng đi nhảy, uống rượu đến khuya, còn làm chủ báo, còn viết tiểu luận, truyện ngắn, tùy bút... thì lấy thì giờ đâu? - Ừ nó vẫn có thì giờ!

Trên giá sách căn phòng Mai Thảo ở California không có lấy một cuốn của ông. Hỏi: Sao không có sách của anh? Anh không giữ tác phẩm của anh à? Anh có đọc lại những gì anh đã viết không? Trả lời: Không. Và lại những gì tôi đã viết cũng thường thôi. Cầm bằng cho gió bay đi.

Giữ làm gì thêm nặng.

Giữ làm gì. Tôi viết cũng thường thôi.

Mai Thảo không đọc lại thật. Ví dụ có một lỗi trong cuốn «*Sau khi bão tới*», nếu đọc lại chắc chắn ông đã sửa: tên người tình cũ (đã mất) của Dũng ở những trang đầu là Uyển; sau đó vài trang, người tình của Kính (bạn Dũng) cũng tên Uyển. Mấy trang sau, Uyển (của Dũng) trở thành Liên. Trừ lỗi này, toàn truyện không có một sơ hở kỹ thuật nào khác, các chi tiết dù nhỏ nhặt, ăn khít với nhau. Bố cục các truyện dài (qua chín mươi quyển mà chúng tôi đã đọc) luôn luôn chặt chẽ, các dữ kiện gắn bó mật thiết, không có dấu vết nào của lối viết feuilleton, cầu thả.

1- Tiểu thuyết «*Khi mùa mưa tới*» mở đầu bằng những dòng:

«Phủ nhìn lên. Phiến trời nhỏ, thật xa, giữa những bờ tường xám, hồng dần. Trên những ô kính của cái chòi canh lục lăng cao vút, tia nắng rực rỡ thứ nhất vừa ánh.

Đứng tựa lưng vào một thân cột lớn, hai tay đút túi quần, mơ màng, Phủ nghe thấy vọng lại từ những hành lang dài thẳm sau lưng những bước chân rộn rịp, những cửa sắt mở ra trong tiếng khoá lách tách, tiếng trục nghiêng rít lạnh lạnh, và chàng bỗng thấy thèm muốn được ngủ, được ném cái thân thể mỗi mệt, nhộp nhúa, hôi hám xuống bất cứ một thứ mặt phẳng trơn nào, vùi mái tóc rũ rượi vào bất cứ một khoảng trống nhậy nhụa nào. Nhưng ngủ. Miễn là ngủ. Ngủ mê man và bần bật. Ngủ. Một ngày. Một tháng. Một đời. Một phút cũng được. Nhưng ngủ.

Trong niềm khao khát đến cực điểm muốn thét vỡ thành tiếng trong đầu, thoát hiện lên như một riều cọt chua chát, hình ảnh ám cúng của một căn buồng màu hồng nhạt. Những rèm cửa xanh màu nước biển lất phất như những cánh bướm đêm. Ánh sáng chìm chìm lẩn lẩn. Mùi nước hoa phẳng phất trên mặt đệm trắng muốt. Cái cánh tay trắng ngần sửa đong của người đàn bà.

Phủ lạc đến cái phòng ngủ ấy lần đầu. Như người đàn bà ấy, chàng cũng mới gặp lần đầu, ở Sài-gòn» (Khi mùa mưa tới, Thái Lai 1964, trang 7).

Một lối mở truyện rất lạ. Khó có thể hiểu làm sao tác giả có thể viết những dòng như thế này một mạch kiểu feuilleton, ngoài sự dụng bút của một thiên tài.

Đây là một đoạn khúc có ba âm giai, với ba chiều ống kính:

Phần mở: *Phủ nhìn lên...* ống kính chiếu ngược lên trời.

Phần giữa: *Đứng tựa lưng vào...* ống kính chiếu vào tiềm thức.

Phần kết: *Trong niềm khao khát...* ống kính chiếu sâu thêm vào vô thức, để chuyển đoạn.

Ba âm giai và ba ống kính nối kết mật thiết với nhau trong cách hành ngôn và hành động của mộng tưởng, từ lúc Phủ ngẩng mặt nhìn trời: bức tranh ấn tượng và siêu thực giao thoa trong tia nắng thứ nhất, chiếu trên những ô kính của chiếc chòi canh lục lăng cao vút. Một sức hấp dẫn ma quái bắt đầu, vì cả chòi canh, bờ tường, lẫn tia nắng, không có gì chứng thực là hiện hữu hay ảo ảnh.

Quay về mình, Phủ nghe những thanh âm vọng lên từ một tiềm thức xa xôi, màu sắc đã biến đi nhường chỗ cho âm thanh: bản nhạc kinh dị trở lên với tiếng những bước chân rộn rịp, tiếng khoá lách tách, tiếng trục nghiêng rít lạnh lạnh... hình hài nhớp nhúa, âm nhạc thời miền Phủ đến một thềm muốn không cự lại được: ngủ. Ngủ như một sự chết, thoát, chìm ngấm.

Trong giây phút cực điểm của thềm muốn đang vỡ bung, một hình ảnh nén sâu trong tiềm thức vung lên «*căn buồng màu hồng nhạt với những rèm cửa xanh màu nước biển lát phát như những cánh bướm đêm*». Lại một hình ảnh vừa thực vừa phi thực. Phủ thoát khỏi ám ảnh ngủ để bước vào một cơn mê mới: giấc mộng hồng. Giấc mộng đưa Phủ vào cuộc đời thực phủ phàng.

Mở truyện như vậy là một lối: *Từ mộng vào thực* của Mai Thảo

2- Truyện dài «*Sau khi bão tới*» bắt đầu bằng những hàng như thế này:

«... Người tài xế taxi nhỏ mạnh ra ngoài xe một bãi nước miếng. Y ném theo vệt nước tung toé một tiếng chửi thề cục cằn. Thò một nửa mái đầu bù rối ra ngoài khung kính, cặp mắt y nhúu lại những đường hằn bực bội nhăn nhúm. Cặp mắt ấy vừa theo dõi những đầu người nhấp nhô trước mặt, vừa ném chéch sang phía vỉa hè, lên cao, nơi có những tấm biển số nhà thấp thoáng dưới một hàng hiên dài. Những cửa tiệm còn mở cửa. Nhưng hàng hiên nhô rộng, đã che hết ánh sáng từ những ngọn điện đường chiếu xuống, và những con số lơ mờ trên những tấm biển nhỏ, không nhận được ra. Nhiều tấm biển số nhà hiện ra và mắt hút. Sự nóng nảy của người tài xế bực bội cũng gia tăng thêm. Y lại nhỏ nước miếng và lại chửi thề nữa.

Cuối cùng chiếc taxi già cũ rú máy khét lẹt, dừng khựng lại. Người tài xế kéo mạnh tay số về điểm chết, quay lại hỏi dồn, như một nạt nộ:

- 234. *Phải không?» (Sau khi bão tới, trang 7- 8).*

Ở đây, Mai Thảo chiếu thẳng ống kính vào nhân vật phụ nhất là người tài xế taxi. Hắn không có nhiệm vụ gì hết, trừ nhiệm vụ mở đầu tác phẩm. Hắn mở phủ phàng, trần tục, thô lỗ. Và hắn đóng bằng cách quay số về điểm chết, như một khai tử, nhưng đồng thời hắn cũng cho ta thấy cách xây dựng hiện thực của Mai Thảo, đúng hơn là cách Mai Thảo *ném* hiện thực phủ phàng về phía người đọc, hệt như tay tài xế nhỏ nước miếng và «*y ném theo vệt nước tung toé một tiếng chửi thề cục cằn*». Sự tục tằn không đến từ tiếng chửi thề (bởi tác giả không cho biết lời hán chửi) mà đến từ hành động: «*y ném theo vệt nước tung toé*». Chính cái sự y ném... ấy, làm ta buồn nôn và đó là hiện thực Mai Thảo: dùng thủ thuật hình ảnh giống như trong thơ, nhưng phủ phàng, lỗ mãng như cuộc đời. Một thứ hiện thực gián tiếp đã được lọc qua một hình ảnh khác. Ông không chỉ quay hiện thực bằng camera ngang như mọi người mà còn đảo tít các chiều khác nhau theo ánh mắt bực bội của người tài xế: chiếu vào những đầu người nhấp nhô, ném chéch sang vỉa hè, lên cao... rơi vào những hàng hiên nhô, những ngọn điện đường chiếu xuống..., những tấm biển số nhà... Mai Thảo thay đổi không ngừng cách nhìn hiện thực, ông tận dụng mọi chiều không gian, như đã nhìn Hà-nội, Cửu-long, sông Hồng, khiến cho cái màn tìm nhà của gã tài xế trở thành một hoạt cảnh sống động vừa tục tằn vừa sục sạo, khổ ải.

Sự hắc ám của người tài xế mở ra trang đầu, đối diện với khuôn mặt «lạc lõng, bờ ngõ, nai lạc bầy» của người con gái đi tìm anh, lần đầu tiên đến Sài-gòn, là một đối chất mới. Sự đối chất sáng tối này sẽ xảy ra trong toàn diện tác phẩm.

Và đó là lối mở truyện: *đối chất biến ngẫu* của Mai Thảo.

3- Truyện dài *Mái tóc dĩ vãng*, bắt đầu bằng những dòng như thế này:

«Tám màn trong suốt bỗng vén mở từ từ. Như một dấu chân êm ái vừa nhẹ lướt khỏi tiềm thức, giấc ngủ dịu dàng chuyển mình. Tiếng trực quay rì rào. Tiếng trực quay rì rào trong đầu Quyên. Tám màn trong suốt vẫn đều đặn vén lên, tới đâu đẩy mắt Quyên mở ra tới đó. Tiếng trực rì rào ngừng bật. Và Quyên tỉnh dậy.

Chàng nằm im, nghe ngóng. Phút giây tỉnh thức ngắn ngủi tụ đọng nguyên vẹn trong bầu không khí chiêm bao mờ hồ lưu luyến, Quyên chưa nghe, chưa nhìn thấy gì, giấc ngủ còn là một trạng thái xanh biếc chưa đổi màu, mặt đệm dưới lưng giam cầm trong khoảng trống ám áp lũ tay chân bất động trong dáng điệu cũ, gây cho Quyên cái cảm giác ngây ngất vừa dềnh lên từ một vực thẳm thơm ngát. Quyên đã thức, nhưng chàng còn nằm tròn trong cái cảm giác thơm ấy như trên một đài hoa lớn. Rồi những cánh hoa lả tả rụng xuống. Và, với sự hiện hữu của chung quanh, Quyên biết giấc ngủ đã bỏ đi, chàng không trở lại với nó được nữa. Mấy giờ? Quyên không đoán được. Tiếng đồng hồ thả giọt xuống một vùng bóng tối trên đầu, xếp đặt dần trong thần trí mình mãi vị trí của căn phòng, khung cửa sổ mở rộng cắt thành một hình vuông trên một nền trời mực tầu ở rất xa bên ngoài, là khởi điểm quy định cho Quyên đoán thấy những đồ vật im lìm chung quanh». (*Mái tóc dĩ vãng*, Xuân Thu tái bản, trang 10).

Quyên đang ở trạng thái thức ngủ chập chờn: «*Tám màn trong suốt bỗng vén mở từ từ...*» chỉ là tâm thức của Quyên đang chuyển mình từ trạng thái đóng sang mở. Tiếng trực quay rì rào vang trong đầu Quyên như tiếng sóng chiêm bao, và khi tiếng trực chấm dứt Quyên tỉnh. Trạng thái tỉnh kéo theo một tâm thức khác: sự định thần, và bây giờ chàng thấy giấc ngủ là một «*trạng thái xanh biếc*» và «*lũ tay chân bất động*» đang bị giam cầm trong khoảng trống của mặt đệm ám áp. Chàng đang nhập hồn, «*lũ tay chân*» ấy chưa phải là của chàng, «*chúng*» còn đang muốn tiếp tục hưởng những hơi ấm cuối cùng của chăn gối. Chính Quyên cũng chưa muốn bước ra khỏi vực thẳm thơm ngát của đài hoa mà chàng đang nằm. Nhưng tiếng đồng hồ vô tình đã «*thả giọt xuống vùng bóng tối trên đầu chàng*» làm cho bóng tối ấy tan đi và chàng dần dần tỉnh hẳn. Khó có một cuộc tỉnh ngủ nào nên thơ và lãng mạn như thế. Lối mở pha trộn mộng thực này gây liên tưởng đến cách viết của Marcel Proust, nhưng tuyệt đối vẫn là sản phẩm của Mai Thảo. Mai Thảo 1963. Với tiểu thuyết đầu tay, đã chinh phục độc giả qua lối viết mới lạ: với cảm xúc lãng mạn, Mai Thảo đi vào vùng tri giác của con người trong giây phút chập chờn giữa mộng và tỉnh: ở chính giây phút nửa ngủ nửa thức ấy, sự gì đã xảy ra?

Đó là lối mở truyện *đi tìm thời gian đã mất* của Mai Thảo.

4- Truyện dài «*Để tưởng nhớ mùi hương*», giới thiệu nhân vật nữ chính như thế này:

«*Người đàn bà chừng ba mươi tuổi. Có thể hơn một chút, ở cái nhìn còn trong suốt, đen láy, thăm thẳm, phẳng phất như màu đen nhìn thấy giữa lòng một đài hoa. Buổi chiều đi qua trên đầu nàng, trên mái tóc Trang, trên cuộc đời nàng, nàng ngời đó một mình, trầm tư trong mơ màng, và nàng vừa gội đầu xong. Những sợi tóc lướt thướt toát ra mùi bồ kết thơm cay, được những ngón tay cong vút lùa vào, hát nhẹ, cho thả dài thành một dòng suối mun từ đỉnh đầu xuống gần sát mặt đất.*

«*Trang ngời như thế, hơi cúi xuống, soi dung nhan nàng trên mặt nước giới hạn và trong vắt của cái bể non bộ. Đường mũi, vành môi, gò má, trũng mắt mờ mờ hiện. Đẹp. Trang biết nàng đẹp. Khuôn mặt phản chiếu lên từ đáy nước đã mất đi ánh hào quang rực rỡ của những xuân đời Trang đã bỏ lại, nhưng Trang biết nàng còn đẹp, một nhan sắc vô ích, một mình, lặng lẽ nó biết nó đẹp, nhưng không biết đẹp cho ai và dùng để làm gì. (...)*

«*Trang bắt chợt dúng một ngón tay vào lòng nước, khoáng mạnh. Mặt nước tan tác. Phiến trời mất biến. Khuôn mặt Trang vỡ tan*». (*Để tưởng nhớ mùi hương*, Nguyễn Đình Vượng, 1971, trang 14-15).

Một Trang trong khung cảnh *tự lực* trong nhậy cảm *thạch lam*. Một Trang, *thừa tự* của *lạnh lùng*, nhưng Khái Hưng đã đi qua, và Mai Thảo đến như một bắc cầu giữa quá khứ và hiện tại. Tất cả không khí khơi gợi lại *thời tự lực*: từ chiếc bẻ non bộ, đến mái tóc mun, mùi thơm bồ kết, quá khứ hiện lên trong từng màu sắc, từng mùi vị, nhưng Trang không còn là Nhung thời cũ trong vòng lễ giáo chưa ý thức được mình. Trang có ý thức, Trang nghe những xúc cảm chảy trong cơ thể, nghe những rạo rức thôi thúc thân xác. Trang biết nài nỉ. Một sắc đẹp vô ích. Trang biết mình đam mê. Một đam mê vô ích. *Trang biết con người là một sinh vật đam mê vô ích*. Như Sartre. Và Trang có thể bằng một cử chỉ khoáng tan những ảnh ảo của nhan sắc, của đời nài nỉ. Trang đã già từ thời điểm *lạnh lùng* Khái Hưng, nài nỉ khai phá nỗi *cô đơn hiện sinh* Mai Thảo.

Đó là lối mở truyện *tự lực thời hiện sinh*.*

Độc giả của Mai Thảo ở thời điểm ấy cũng là những kẻ đang bắc cầu giữa mộng và thực: một Nguyễn Tường Thiết mới lớn, muốn thoát khỏi ảnh hưởng người cha Tự Lực, mong xây dựng một đài hoa tân kỳ cho thế hệ trẻ của mình. Một Trần Vũ, gia đình thuần túy Hà thành, di cư vào Nam đem theo tất cả hành trang đau thương của thời kháng chiến, lớn lên và đọc Mai Thảo khi vừa bước vào tuổi vị thành niên.

Một cô gái mới lớn nhìn thấy tất cả những rung động của mình trong chữ nghĩa Mai Thảo qua nhiều chiều ông kính, qua nụ hôn đầu, bất tận, đã xác định mình như một thực thể hiện hữu: «*Lửa và ánh sáng nghìn cũ làm sống trái đất ngu ngơ cảm nín bây giờ là lửa và nụ hôn là ánh sáng làm sống lên, làm ngoi lên, làm nở ra Linh, từng cánh run rẩy, từng đài bồ ngỗ, Linh nở lên thành hình hài mới, trước tấm gương mà Linh nhìn ngắm nài nỉ bằng ôm ghì, bằng nhắm mắt, bằng nhận được tận cùng và đáp lại trọn vẹn, để thấy rằng nài nỉ đang được đời sống đích thực thụ thai, nài nỉ đang được tình yêu đích thực khai sinh.*

Linh muốn nói thật nhỏ, bằng cái tiếng nói mê sảng thì thầm lạc giọng: «Tôi đã có thực» Linh muốn hét thật lớn, cho tiếng hét đánh vỡ tan tành những thành tri vô hình của Huế: «Tôi đã là tôi», Linh muốn truyền âm thanh qua miệng chàng, tới tâm hồn chàng: «Vi anh đó mà em có, vi anh đó mà em đã là em» Nhưng Linh không nói, không hét được, vì nài nỉ đang hôn.

Cái hôn bất tận, kéo nài nỉ vào ngã vào vùng phiêu lưu quay cuồng của cảm giác vừa tiếp nhận, vừa khám phá...» (Khi mùa mưa tới, trang 229).

Một tay du đãng nhìn thấy ảnh mình đậm nét trong kính chiếu hậu của Mai Thảo. Một kẻ trác táng, «*tội lỗi*» chất đầy, dĩ dẫu cũng thấy «*Đám đông như một bầy kiến lửa. Kẻ khác như kẻ thù. Và dư luận: con rắn độc ngóc đầu phun phì phì cái hơi thở hôi hám của nó vào mặt mũi, vào sự yên vui cửa đời chàng*» (Khi mùa mưa tới, trang 17). Và tự hỏi: «*Đi đâu? Tìm đến một cuộc sống khác? Đồng ý. Nhưng cuộc sống nào? Và để làm gì?*» (trang 140).

Một vũ nữ về già, nhìn thấy sự «*Thảm thương nhất là một đời vũ nữ về già. Đó là hình ảnh một vực thẳm rơi lần xuống, rơi lần xuống, cho tới khi chạm đáy. Đó là hình ảnh một ngõ cụt không có lối thoát, một khuôn mặt nghiêng chìm vào tối tăm, một vụ tự tử chạm, một vụ chết đuối chắc chắn vì chắc chắn chẳng còn một bàn tay nào đưa ra cho kẻ chết đuối để tạo cho kẻ đó cơ hội và niềm hy vọng cuối cùng. Ấy thế nhưng mà vẫn phải sống, dù sống chỉ là chết. Ấy thế mà vẫn phải cười dù đầu óc não nề và tâm tư phiền muộn*» (Khi mùa mưa tới, trang 128).

Nhưng đó cũng lại chính là hình ảnh chàng, hình ảnh những người bạn trác táng của Mai Thảo và chính bản thân Mai Thảo trong những đêm phòng trà tắm tối âm u:

«*Những ý nghĩ buồn rầu về hình ảnh một người vũ nữ về già thoát làm Phủ liên tưởng đến đời chàng. Minh cũng thế. Phủ nghĩ thẳm. Minh cũng không biết ngày mai cuộc đời sẽ ra sao, lòng không đợi chờ, không hy vọng, đã hết ngạc nhiên bởi không còn tin tưởng. Lát nữa trở về con đường đêm, những bước chân nặng lết đi, kéo theo sự phiền muộn như một sợi dây xích sắt vô hình quấn từng vòng thật chặt lấy số kiếp. Một căn buồng khách sạn rẻ tiền. Những vĩ tường trần trụi. Ánh sáng lạnh lẽo ngoài hành lang. Ánh sáng mờ đục dưới cái chao đèn cầu bần ở đầu giường. Một giấc ngủ nặng, có mồ hôi nhòp nhúa ở cổ áo, một giấc ngủ vật vã như một chạy trốn tuyệt vọng vào lãng quên*» (Khi mùa mưa tới, trang 128).

*

Những truyện dài của Mai Thảo chỉ viết độc một đề tài: Mai Thảo.

Những nhân vật chính trong truyện dù là Ninh, Dũng, Quyền, Trường, Phủ... họ đều là Mai Thảo, dưới những ống kính khác nhau, trong những thời đoạn khác nhau.

Những vũ nữ về già như Mẫn, Uyển, Phấn, Điệp, Ngà, Oanh, Phụng... những người đã chọn cuộc sống tự do, trác táng, không ràng buộc với ai, cũng là... Mai Thảo.

Một Mai Thảo thông suốt chiều dài tác phẩm: *«cảm thấy nghi ngờ trước chính những cái chàng hằng coi như lẽ phải hằng cứu. Một đời sống tự do không ràng buộc. Một bản thân đơn độc tách rời, không hệ lụy, vô trách nhiệm đối với kẻ khác. Có phải như thế là đã tìm thấy lý tưởng? Có phải như thế là sống cuộc đời đáng sống?»* (Mái tóc dĩ vãng, trang 231). Một Mai Thảo luôn luôn đặt lại vấn đề tự do của mình: *«Chàng nghĩ những bước chân vô định lang thang chính là cuộc đời chàng như một hành tinh mãi miết lặn đi trong không gian vô tận, nó vĩ đại, nó kiêu hãnh vì cuộc hành trình lớn, nhưng kỳ thực là nó buồn thảm, nó lạnh lùng vì không tìm được chỗ dừng chân»* (Mái tóc dĩ vãng, trang 230).

Một Mai Thảo tự do *«Không chịu lưu đầy một đời trong nếp cũ. Nghĩa là phải dám sống như một người tự do. Được đổi thay khi mình muốn thay đổi»* (Để tưởng nhớ mùi hương, trang 112).

Một Mai Thảo đòi hỏi tự do, thực hiện tự do, nhưng vẫn luôn luôn hoài nghi những điều mình làm, kể cả tình yêu: *"Gắn bó với nhau, nhưng vẫn giữ cho nhau được nhẹ thoáng như mây trời. Hoà lẫn vào nhau, nhưng vẫn sáng suốt dành cho nhau một lối thoát. Thế là yêu ư?"* (Để tưởng nhớ mùi hương, trang 132).

Một Mai Thảo muốn chặt đứt quá khứ, nhưng quá khứ vẫn cứ đeo đuổi. Một Mai Thảo, người xa lạ, xa lạ với cả chính mình: *«Phải, tôi là một người lạ mặt. (...) Một người lạ mặt trước hết với chính tôi.*

Chặt đứt một quá khứ. Chôn vùi từng kỷ niệm. Đánh loăng trí nhớ, vít kín con đường trở lại với sau lưng, nơi vẫn những xâu chuỗi ám ảnh chập chờn theo đuổi. Giết chết cái tôi cũ. Khởi đầu cái tôi mới. Làm một kẻ lạ mặt với chính mình, trong đổi thay một con đường khác với con đường của những dấu chân, những cỏ hoa và những bờ bến thuở xưa. Sống là một làm lại.» (Để tưởng nhớ mùi hương, trang 13).

Bởi trên đường lẩn trốn mọi ràng buộc, Mai Thảo luôn luôn gặp ràng buộc. Trên đường từ chối tình yêu, Mai Thảo luôn luôn gặp tình yêu. Những thiếu nữ như Thúy, như Hậu, như Khánh, như Linh... là những cản lực bất ngờ không thể cưỡng lại được trên đường «tìm tự do» của Mai Thảo. Cản lực ấy là tình yêu. Tình yêu của người con gái mới lớn, biết yêu lần đầu. Tình yêu đầu đời của người con gái dậy thì như ngọn gió khốc liệt quật ngã những lý tưởng siêu việt nhất, ghé góm nhất. Bởi nó là hình ảnh của bản thể lần đầu tiên xuất hiện, là sự nhận diện thân xác và hiện hữu chính mình của người con gái qua kẻ khác.

Cuộc hiện sinh trong tiểu thuyết của Mai Thảo là cuộc nhận diện thân xác mình qua sự tiếp xúc với thân xác kẻ khác. Nhận diện sự hiện hữu của mình qua tình yêu của kẻ khác. Không có kẻ khác thì không thể có mình. Không có tình yêu thì không có cuộc sống. Không có hiệu hữu. Nhưng con người tự do còn một đòi hỏi khác: đòi hỏi không chịu ràng buộc với ai. Đòi hỏi không bị chiếm hữu.

Cho nên cuộc hiện sinh trong tiểu thuyết của Mai Thảo trở thành cuộc đối đầu giữa hạnh phúc và tự do trong suốt chiều dài tác phẩm. Ở *Suối độc* là cuộc đối đầu giữa Trường và Thúy, giữa cuộc đời phóng túng sa đọa và tình yêu thần thánh của người con gái dậy thì táo bạo lặn xả vào tình yêu. Ở *Khi mùa thu tới* lại một tiếng sét ái tình phi lô-gic giữa hai kẻ không thể gặp nhau: Linh một cô gái Huế tinh khiết và Phủ, chàng trai đầy tội lỗi Sài-gòn.

Để tưởng nhớ mùi hương là một trong những truyện rất chín của Mai Thảo. Tình yêu đích thực ở đây được mô tả dưới nét Trang, một người phụ nữ đứng tuổi, trang khiết, một «lạnh lùng» đã thoát khỏi tay Khái Hưng để chuyển sang thời Mai Thảo, táo bạo hơn, nhục cảm hơn, khốc liệt hơn và bi đát hơn, bởi không có lễ giáo nào ép buộc, chỉ còn có mình đối diện với chính mình.

Mọi quyết định, mọi dẫn đo là ở tự lương tri, (lương tri hiểu theo nghĩa triết học của Kant).

Lương tri xuất hiện như định mệnh cuối cùng: nếu con người không thoát khỏi bản năng, thì cũng không thoát khỏi lương tri. Khi Ninh đóng cửa phòng, mặc tiếng gọi thiết tha của Trang,

thể «lạnh lùng» vào tay Mai Thảo đã đảo ngược: người «thủ tiết» ở đây, không còn là người đàn bà mà là người đàn ông: sự tự do và bình đẳng đã đạt tới đỉnh và tính bi đát cũng đã lên tới cực: Mai Thảo không đối chọi *hạnh phúc* với *tự do* nữa, mà đối chọi *hạnh phúc* với *lương tri* và lần này, hạnh phúc đại bại. Con người Kant trong Mai Thảo đã thắng con người Epicure. Trung thành với triết lý nhị nguyên của đời mình, toàn bộ truyện dài của Mai Thảo khai quật những bi đát nảy sinh từ sự đối đầu giữa những yếu tố nguyên khai của đời sống: tự do và hạnh phúc. Hạnh phúc và lương tri. Muốn có hạnh phúc thì phải mất tự do, phải trói buộc đời mình vào đời một kẻ khác. Muốn có tự do thì suốt đời sẽ là kẻ đi trên hành tinh sa mạc. Mai Thảo đã lựa chọn tự do, và trên hành trình sa mạc đó, Mai Thảo chỉ thua cuộc khi phải đối chọi với lương tri của chính mình.

Giờ phút bi đát nhất của con người tự do, vì không chịu ràng buộc đời mình, là giờ người vũ nữ về già nhìn lại đời mình:

«Ngà tắt đèn, đóng cửa đi ra. Nàng ngồi ngoài đầu thêm cho tới sáng. Sương phủ ướt đầm vai, tóc mà Ngà không hay. Nàng đưa cặp mắt buồn rầu nhìn ra khoảng tối tăm yên tĩnh trước mắt, tưởng như nhìn thấy đời nàng hiện lên. Một cuộc đời vô nghĩa, trống rỗng, bần thiêu, tàn tạ. Ngà thổn thức khóc. Nàng tàn nhẫn lạnh lùng với tất cả những người đàn ông. Nhưng đó là thứ lạnh lùng tàn nhẫn bề ngoài, che dấu một trạng thái yếu đuối không muốn tỏ lộ. Ngà vẫn chỉ là một người đàn bà. Nghĩa là thiếu vắng tình yêu và thêm khát hạnh phúc. Mình già rồi, Ngà đón đau nhủ thầm. Cuộc sống không phải, không thể như thế này. Thêm một vết nhăn trên khuôn mặt. Thêm một mệt mỏi và ngờ vực trong tâm hồn, và sự tàn tạ kéo đến.» (Khi mùa mưa tới, trang 158-159).

Cuộc nhận diện cô đơn không chỉ xảy ra trên vai những vũ nữ về già, trong ánh rượu chát, trong khói thuốc mù mịt phòng trà, trong những khách sạn rẻ tiền tầm tối, trong những phòng hồng biệt thự xa hoa, mà còn là những lần lướt thường trực vô hình đan cài đau đớn của những kiếp người, mọi nơi, mọi thời, mỗi khi tình rượu lúc tàn canh, từ Nguyễn Du trở ngược lên tiền sử. Tác phẩm của Mai Thảo xuyên suốt những mẩu đời ngang trái, biệt lập, đối chọi nhau, của những gái điếm hết thời, của những cô gái nhà lành, những tay du đãng, những gia đình êm ấm hạnh phúc, những kẻ ăn chơi trác táng, một chú Lành nghiện hút, một cụ Quảng Hưng liệt giường, một cô gái quê bốc hoả chỉ đợi dịp là trốn theo trai... toàn diện con người đan cài với nhau trong khối cảm thông vượt ngoài tầm cảm giác, như một linh giác tiềm tàng trong bản thể tác giả: một lòng nhân hậu tuyệt đối, sống âm thầm trong hơi chữ, trong từng lời đối thoại, trong mỗi cử chỉ của nhân vật, dù nam hay nữ, người ta đều gặp lại Mai Thảo, gặp lại lòng nhân hậu đất Chợ Cồn của u già vùng nước mặn.

Hình ảnh Mai Thảo cúi xuống vũ nữ Cẩm Nhung một chiều như lời Nguyễn Sa kể lại chính là tâm hồn tác phẩm Mai Thảo.

Một biển nhân hậu, bởi hải hậu chính là quê hương ông.

Mai Thảo. Mãi mãi. Ký ức.

Du Tử Lê

Lời nói đầu: Nhân dịp kỷ niệm 12 năm, ngày mất (10 Tháng Giêng, năm 1998) của nhà văn Mai Thảo, chúng tôi xin được gửi tới quý bạn đọc và thân hữu, hai bài viết về nhà văn này, của chúng tôi. Bài thứ nhất, chúng tôi viết một ngày sau khi ông mất. Bài thứ hai, chúng tôi viết 30 ngày sau đó, dưới bút hiệu Lê Hà Nam, cho tạp chí Hợp Lưu, số “Trường Mộ Mai Thảo,” Tháng Hai và Ba, năm 1998.

DTL.

1. Mai Thảo, thế giới đèn màu, Saigon, trước 1975

Nói tới nhà văn Mai Thảo, trong hơn hai mươi năm qua, ở hải ngoại, người ta chỉ có thể hình dung ông trong cung cách lạnh lùng, lừng khừng của một nhà văn lưu vong. Hoặc người ta nhớ tới ông, trong câu chuyện của một ông già, mỗi buổi sáng thường lững thững trên một đoạn đường Bolsa (khúc nối liền giữa khu chợ 99 và Phước Lộc Thọ).

Cũng chính ở khúc đường này, nhiều lần, cảnh sát đã chặn ông lại, nhét vào túi ông những tấm giấy phạt vì tội... “vi phạm luật đi... bộ!”

Ông bị phạt nhiều tới độ ông trở thành một nhân vật... nổi tiếng của Hội Đồng Thành Phố Westminster. Tôi nhớ, năm 1996, một nhóm anh em văn nghệ sĩ đứng ra tổ chức “Đêm Mai Thảo,” tại hý viện Westminster Auditorium, thuộc thành phố Westminster. Nghị Viên Lâm Quang, lúc đó còn là quyền thị trưởng thành phố Westminster, lên sân khấu trao bằng “Ngọc Ca Thành Tích Văn Học” cho nhà văn Mai Thảo.

Trong phần phát biểu, Nghị Viên Lâm Quang chuyển lời xin lỗi của Hội Đồng Thành Phố và, của cảnh sát trưởng thành phố này, tới tác giả “Ta Thấy Hình Ta Những Miếu Đèn.”

Họ Lâm nói, dù biết Mai Thảo là một nhà văn nổi tiếng của miền Nam Việt Nam, nhưng sự việc ông băng qua đường một cách bừa bãi là một điều nguy hiểm cho sinh mạng của ông trước nhất; kế tới, cản trở lưu thông và, sau chót... “vi phạm luật dành cho người đi bộ!”

“Bởi thế, nếu không phạt ông, thì cảnh sát Westminster chúng tôi cũng sẽ không thể phạt những người... đi bộ khác,” Ông Lâm Quang nói.

“Và trong ‘Đêm Mai Thảo’ này, chúng tôi xin cầu chúc nhà văn Mai Thảo, tương lai sẽ không còn bị phạt vì tội đi... bộ nữa. Được như vậy, cá nhân chúng tôi cũng bớt phần... áy náy.”

Đêm đó, hội trường rung rinh vì những chuỗi cười ngặt nghẽo, ném lên từ khán giả.

Trên sân khấu, người đàn ông vừa bước vào tuổi 70, cũng bật cười. Nụ cười móm mém. Nụ cười hóm hỉnh. Thân ái. Nhẹ nhàng chấp nhận.

Trong số 500 khán giả, những người yêu mến Mai Thảo kia, tôi nghĩ, có lẽ ít ai biết, cái ông già hom hèm, móm mém đang đứng trước họ đó, hai mươi năm trước, từng là “Ông Hoàng Của Ngàn Lẻ Một Đêm Sài Gòn.”

Tôi nghĩ, trong số 500 khán giả, những người yêu mến Mai Thảo kia, có lẽ ít ai biết, cái ông già chỉ còn vài chiếc răng trệu trạo, lung lay, loáng thoáng đầu đó trên gương mặt xanh rớt ấy, hơn hai mươi năm trước, là một tay chơi từng đương đầu với nguyên băng thảo khấu, đàn em của Bảy Viễn: Băng Lai Văn Sang. Giữa thập 1950, một đêm, băng Lai Văn Sang, xuất quân từ sông bài Đại Thế Giới ở Chợ Lớn, đại náo một vũ trường ở đầu đường Trần Hưng Đạo, trong một cuộc biểu dương quyền lực, để tranh giành một vũ nữ hoa khôi, tên C. thời đó...

Tình địch của băng Lai Văn Sang, ngày ấy, không ai khác hơn: Mai Thảo.

Tôi nghĩ, trong số 500 khán giả, những người yêu mến Mai Thảo, yêu mến ông già có nụ cười hóm hỉnh, móm mém, chưa từng lập gia đình kia, có lẽ ít ai biết, giữa thập niên 50, từ Saigon, đã một mình, bay ra cố đô Huế. Ông lững lững tới tận nhà nữ ca sĩ họ Lục, (sau này trở thành danh ca dưới tên H.Th.) để xin hỏi cưới nàng. Người đàn ông đó, cũng là Mai Thảo.

Không chỉ đa số khán giả của “Đêm Mai Thảo” kia, không biết mà, ngay song thân của người nữ ca sĩ họ Lục, ngỡ ngàng, kinh ngạc khi nghe Mai Thảo tự giới thiệu... “thân thế” mình:

“Tôi là Mai Thảo. Từ Saigon ra. Chúng tôi thực sự muốn lấy L.H. làm vợ. Nếu hai cụ đồng ý thì, tôi hứa, trong vòng một tháng, bố mẹ chúng tôi sẽ bay ra đây, nói tiếp phần còn lại...”

Liên sau đó, ông xin phép song thân họ Lục, để được đưa con gái họ... đi chơi!

Cũng liên sau đó, song thân của người con gái họ Lục, cho hay, sẽ khó khăn cho họ biết là chừng nào, nếu có một chàng rể như... Mai Thảo!

Tôi nghĩ, trong số 500 khán giả, những người yêu mến ông già có nụ cười móm mém, hóm hỉnh kia, có lẽ ít người biết, giữa thập niên 1950, khi lớp người miền Bắc di cư vào Nam, còn bị người địa phương ngấm nhìn như những người... ngoại quốc... (Những người không phải là người... “Diệt”... Những người ăn... thịt người, chuyên bắt cóc con nít?!) thì, Mai Thảo đã trở thành người em nhỏ trong tình thương, quý của nữ nghệ sĩ Phùng Há, của lão nghệ sĩ Năm Châu... Mai Thảo cũng trở thành người anh đáng tin cậy của Thành Được, Kim Chung, Bích Hợp, Dũng Thanh Lâm...

Nghệ sĩ lừng danh Thành Được, hiện cư ngụ tại miền Bắc Cali, thưở xa xưa, mỗi lần gặp nhà văn Mai Thảo, thường dùng hai chữ “văn nhân” để tỏ lòng quý, trọng ông.

Mai Thảo, với những đêm lặn lóc ở Tổ Đình, chờ tan một xuất diễn, đợi hết một buổi tập tuồng, để được theo chân bà chị Phùng Há, ông anh Năm Châu đi vào thế giới Saigon ban đêm. Thế giới của những nghệ sĩ cải lương, chèo cổ nổi tiếng đương thời.

Chính Mai Thảo là người đầu tiên, vào từ miền Bắc, mở được cánh cửa tương thông, thân ái giữa những người làm nghệ thuật ở hai đầu “thế giới” lạ lẫm. Không có ông, tôi nghĩ, khó ai biết được tới lúc nào, cánh cửa tương thông, thân ái nọ, mới được mở rộng?!


Tôi nghĩ, trong số 500 khán giả, những người yêu mến ông già đã tận hiến trọn vẹn cuộc đời của mình cho dòng văn học Việt Nam ở quê hương, cũng như tại quê người, có lẽ ít ai biết, hơn 20 năm trước, chính ông già lạnh lùng, lừng kùng, đôi lúc giống như bất thường đó, lại là người phong tặng danh hiệu cho nhiều tiếng hát miền Nam. Những danh hiệu mà, hôm nay, ở hải ngoại, mỗi khi nhắc tới họ, một số người trong chúng ta, chưa quên. Như, Thanh Thúy, “Tiếng hát liêu trai.” Thái Thanh, “Tiếng hát vượt thời gian,” Lệ Thu, “Tiếng hát mùa thu sương khói”...

Đó là một phần chân dung đời thường của nhà văn Mai Thảo. Người đứng đầu tạp chí Sáng Tạo. Một tạp chí trương cao ngọn cờ cổ xúy phong trào “giải phóng” dòng văn học, nghệ thuật miền Nam, từ những năm giữa thập niên 1950, khỏi ảnh hưởng của phong trào văn chương tiền chiến.

Đó cũng là một phần nhân-cách-Mai-Thảo. Người đi hết một đời nhà văn của mình mà, không hề lưu lại một dòng, một chữ gây thương tổn bạn văn.

Nhớ lại, biết được như thế, chúng ta sẽ không ngạc nhiên, tại sao đám tang ông, đám tang một nhà văn, (dù là nhà văn hàng đầu,) lại có nhiều, quá nhiều những khuôn mặt, những tên tuổi tiêu biểu cho nửa thế kỷ tân nhạc và, sân khấu Việt Nam, quê người; cũng như giới tay chơi, giang hồ hữu hạng... bên cạnh những khuôn mặt thuộc văn giới. Đủ loại!

Từ đó, tôi nghĩ, Mai Thảo không chỉ lớn lao trong văn học, mà, ông còn lớn lao trong nhiều lãnh vực khác của đời sống Việt Nam nữa.

Mai Thảo, những giờ phút cuối cùng hay, ‘ly cà phê sữa đá’ 

Thứ Năm, 8 Tháng Giêng, 1998:

- 4:45PM: Mưa tiếp từ đêm trước. Nhưng bầu trời vẫn óc ách, xộc xệch những đám mây ồng nước. Tôi vừa bước vào nhà. Điện thoại reo. Đầu dây bên kia, giọng nói nhanh, trẻ, gãy gọn, và rất mực lễ phép.

“Thưa bác cháu là Tâm, bác cháu, bác Mai Thảo muốn gặp bác gấp, nếu có thể được...” Tôi nhận ra ngay. Đó là người con gái lặng lẽ, trong nửa năm qua, nhiều lần đứng tựa tường, dọc hành lang bệnh viện Fountain Valley, những ngày đầu Tháng Tám. Tôi hình dung được ngay, đôi mắt mờ lớn, dáng đi nghiêng, hất về phía trước. Người con gái tôi từng gửi gắm để xin dành ưu tiên cho Hoàng Anh Tuấn và Đỗ Vấn Trọn từ San Jose về, được vào thăm ông bác của cô, sau chuyến đi hồi tởc. Họ hốt hoảng chạy vào bệnh viện. Họ ngỡ ngàng bị chặn lại bên ngoài khung kính khu ICU. Đó là Tâm. Con của một trong mấy người em gái ruột của tác giả “Đêm Giã Từ Hà Nội.”

“Thưa bác, bác cháu không còn ở dưỡng đường Haster nữa. Bác cháu đang nằm ở bệnh viện Garden Grove... Lầu 6 phòng 608... Bác biết đường Garden Grove... Bác biết đường Harbor? “Biết. Biết.”

“Cháu không có địa chỉ. Nhưng đường như nó là Garden Grove Art Hospital, lầu 6. Bác nhớ.”

“Nhớ, bác ghi được rồi.”

“Nhân tiện, nếu bác gặp bác Đỗ Ngọc Yến, cũng xin bác nhắn hộ là bác cháu cũng muốn được gặp bác Yến...”

“Có chuyện gì Tâm biết không?”

“Dạ cháu không biết.”

“OK. Bác sẽ nhắn bác Yến. Bác sẽ đi ngay.”

- 5:00PM: Mưa tiếp từ đêm trước. Bầu trời vẫn óc ách, xộc xệch những đám mây ồng nước. Chiếc xe trôi chậm rì trong gió và, bóng tối lép nhép. Khúc đường gần xịt, bỗng trở nên dài dằng. Một chiếc quạt nước gẩy tiếp tục đào sâu đường rãnh có sẵn, hình cánh cung trên kính xe. Linh cảm tôi dự báo điều bất thường. Điều tôi chờ đợi từ nhiều tháng qua, phải chăng đã tới? Chúng tôi im lặng. Chúng tôi ghìm giữ trong lòng những cảm nhận, những suy nghĩ riêng của mình. Tuồng, nếu không giữ được, tai họa, bất hạnh sẽ không có cơ hội sập xuống. Tuồng, nếu hai đứa tôi, dối gạt được nhau, thì, cũng có nghĩa là đã dối gạt được định mệnh! Mưa tiếp. Nặng hạt hơn. Một chiếc quạt nước gẩy, đào nhanh hơn, sâu hơn đường rãnh có sẵn, hình cánh cung trên kính xe. Tôi không thể nghĩ, đoán bất cứ một lời trối trăn nào của người đàn ông mà Tâm gọi bằng “Bác”; và, anh em chúng tôi quen gọi bằng “Anh”, với tất cả yêu mến, kính trọng gần như tuyệt đối.

Tôi cố để không nhớ lại lời anh kể với chúng tôi rằng:

“Vũ Tài Lục bảo tôi, nhiều lắm thì cũng chỉ hai tới ba năm nữa là cùng.”

Tôi nói lớn trong đầu, cũng có khi Vũ Tài Lục sai chữ. Sai quá đi chứ. Bằng chứng Anh đã bước qua biên giới sinh tử. Anh đã được đưa về Convalescion Home để tập ăn, nói, đi lại, một đời thường. Tôi nhắc nhở tôi, câu nói đùa của một người bạn, chưa lâu, rằng: “Biết đâu một ngày nào, người ta lại thấy ông Mai Thảo lại lững thững đi trên đường Bolsa. Ông lại băng ngang khu Phước Lộc Thọ... Có thể lắm chứ. Who knows? Và trong túi người bạn già của chúng ta, lại có thêm vài cái ticket phạt người đi... bộ...”

Mưa tiếp. Chúng tôi vượt qua ngã tư Harbor. Vượt qua ngã ba, nơi có nhà hàng Pháp mà người bác của Tâm thỉnh thoảng vẫn ghé lại. Nơi anh đã đem Nguyễn Bá Khanh tới để chụp những tấm hình cho một ngày trong đời anh. Nơi (đi tới vài phút) là đầu đường Fairview. Đường Fairview sẽ xấn ngang Rancho Way. Rancho Way, 1980. Căn nhà, con đường đã nhiều lần xuất hiện trong văn chương, bền lâu, của ký ức anh. Rancho Way. Căn nhà. Con đường anh tìm đến, ở lại nhiều ngày, đêm những tháng ngày đầu đời lưu vong.

- 5:20: Mưa bị tòa building 8 tầng chặn lại. Tôi bị người phụ nữ Mễ Tây Cơ, mặc áo blouse màu hồng, lớn tiếng, đuổi ra khỏi căn phòng 608. Bà ta đang vật lộn với trở ngại ngôn ngữ. Với bộ xương dài ngoằng, bất động trên chiếc giường sắt.

Hành lang lạnh. Trắng. Hun hút những câu hỏi không câu trả lời nơi những cửa phòng đánh số và, những ngã rẽ. Đôi ba bóng người hiện ra, rồi biến đi, tựa hình ma hay, bóng quế!

Bình nước tiểu sóng sánh chút nước đỏ cạch cùng những tấm drap được mang ra cùng nụ cười của người đàn bà Mẽ Tây Cơ. Chúng tôi bước vào. Đôi mắt anh sáng lên. Có lẽ cũng cả nửa năm qua, tôi mới gặp lại ánh mắt tinh, ranh, thoáng chút riều cợt, khinh mạn nơi đuôi mắt. Linh tính tôi sai bét. Dự báo nhầm.

“Vũ Tài... gì thì lần này cũng té giếng thôi...” Tôi nghĩ.

Không một chờ đợi trăm trọng nào trong phòng nào của chúng tôi, xảy ra. Anh ra dấu bảo tôi cho anh một liều thuốc. Những ngón tay dài ngoẵng, đúng hơn những lóng xương nổi nhau, khó nhọc, vất vả đưa lên gần đôi môi mỏng, mím, nơi khuôn mặt đã biến dạng. Anh ra dấu. Ra dấu. Ra dấu.

Vài giây im lặng qua đi. Tôi hỏi:

“Anh cần gì? Thuốc lá phải không anh?”

Ánh rạng rỡ nơi đôi mắt anh, tăng cấp số nhân. Lại thêm vài giây im lặng lẫn qua. Ánh rạng rỡ ngúm tắt. Tôi đọc được ý nài nỉ nơi cái đầu Anh cố gắng đưa xuống gần ngực. Tôi đọc được ý nài nỉ nơi đuôi mắt anh chuyển động. Nháy. Nháy.

T. buột miệng bảo tôi:

“Không được anh. Anh phải ra hỏi y tá thôi. Nguy hiểm lắm. Máy báo động sẽ kêu. Còn giường bên cạnh...”

Đuôi mắt tiếp tục nháy. Nháy. Cường độ nài nỉ tăng cấp số nhân, với toàn bộ khuôn mặt anh: Những phần da, xương còn khả năng biểu lộ. Tôi ra khỏi phòng, tựa vách tường.

Hành lang lạnh. Trắng. Hun hút những câu hỏi không câu trả lời nơi những căn phòng đánh số và những ngã rẽ. Đôi ba người hiện ra, biến đi, tựa những hình ma hay bóng quế.

T. bước ra, trên tay lắt lẻo miếng plastic màu xanh, ghi hàng chữ: “Patient: Nguyễn, Quý. Dr. Nguyễn Khiêm.” Tôi hỏi, ở đâu ra cái này? T. đáp:

“Em gỡ. Anh ấy đòi. Em sợ anh ấy muốn giựt bỏ mọi thứ giấy nhợ chạy quanh người. Triệu chứng gì em không biết. Nhưng đây là lần đầu tiên... Phải báo y tá ngay!”

Tôi gạt đầu. “Phải báo y tá ngay!”

Tôi báo sự việc bất thường này với bà y tá già và, người đàn bà Nurse Aid, Mẽ Tây Cơ rồi trở vào phòng. Những lóng xương xếp thành hình dạng những ngón tay dài ngoẵng, lại lấy bấy nhắc lên. Chúng lại khó khăn, vất vả đưa về gần đôi môi mỏng, mím. Lần này, cùng với thủ hiệu, là đuôi mắt trái của anh nháy. Nháy. Tôi chỉ còn chọn lựa sau cùng, đối gạt nài nỉ kia: “Vâng. Anh để tôi xuống xe lấy thuốc lá cho anh.”

Tôi đi thẳng một mạch ra thang máy.

Những mẩu thuốc nỏ, trương, sưng nước hớ hênh cười nhạo trên dưới ánh đèn. Mưa tiếp. Núp dưới hiên, tôi rút một liều thuốc. Đốt cho chính mình, cho mưa, và, cho sự đối gạt còn mặn, ướt trên môi tôi.

5:30PM: T. xuống. Đưa tôi miếng giấy. Đúng hơn, là bao đựng mấy miếng sponges của nhà thương. Miếng giấy có hàng chữ sau cùng của một người có trên nửa thế kỷ ăn ở trên trọng, nghiêm chỉnh với chữ nghĩa. Giòng chữ viết:

“1 cà phê sữa đá.”

Mưa xấn sỏ ném lên những con chữ, như thể muốn nuốt chửng, muốn bôi xóa chúng. Hay tố giác sự bất lực, đón hèn tới đón mặt của chúng tôi?

8:10PM: Mưa tiếp. Tôi điện thoại xin gặp Tâm. Tôi muốn báo cho Tâm biết tôi đã hoàn tất lời Tâm nhắn. Tâm không có nhà. Tôi nói chuyện với mẹ Tâm.

Chị Yến kể cách đây 10 phút nhà thương đã đưa anh ấy trở về lại đường Haster. Một lần nữa, linh tính tôi sai toét. Dự báo lầm. “Vũ Tài... gì thì cũng có lần phải sai chứ...” Tôi nói với chị, ngày mai, chị lên mang cho anh ấy một liều thuốc và, “một cà phê sữa đá.” Bệnh viện không thể, nhưng Convalescion Home thì được.

Tôi kể chị nghe về khuynh hướng muốn dứt bỏ mọi thứ giấy nhợ. Chúng tôi đồng ý với nhau, tình trạng anh, trở lại mức khởi điểm đầy hy vọng:

“Bolsa - Phước Lộc Thọ - Và dăm tám giấy phạt người đi... bộ.”

8:20PM: Mưa tiếp. Nằm trên chiếc sofa, vẫn bằng vào lạc quan kia, trả lời điện thoại Đỗ Ngọc Yến, tôi nói. Nói. Nói:

"...Tuy nhiên, ngày mai bác cố gắng đến Haster, thăm anh ấy. Haster, chứ không phải nhà thương Garden Gorve. Có thể ông ấy nghĩ bác ba đầu sáu tay sẽ đốt được cho ông ấy một điều thuốc và 1 cà phê sữa đá... không chừng..."

Yến âm ừ. Tôi nghĩ nhiều phần có thể Yến không đến Haster, ngày mai... Cuộc nói chuyện chấm dứt khi tôi có đường dây khác tới.

9:00 PM: Mưa tiếp. Anh Nguyễn Sa gọi. Hỏi thăm. Tôi tóm tắt những diễn biến chính. Anh bảo: "Vậy thì tốt."

"Tốt hả anh?"

"Tốt chứ. Về lại Nursing home mà. Đâu có ở nhà thương nữa."

Thứ Bảy 10-1-1998

Houston, 9:30AM: Đường Tuam. Trời the lạnh. Tin thời tiết cho biết Texas sẽ có một ngày nắng ráo. Nhiệt độ thấp nhất 50. Cao nhất 65. Bão sẽ đi qua Houston và vùng phụ cận vào ngày hôm sau, từ 12 giờ trưa, tới 4 giờ chiều. Có "chill wind" và mực nước mưa có thể từ 2 tới 5." Tùy khu vực. Quán mới mở cửa. Hào gọi cho tôi "1 cà phê sữa đá" và tô phở. Cửa mở. Bung. Nắng rõ ràng. Một phụ nữ tất tả bước vào. Chị tới thẳng bàn chúng tôi. Mừng rỡ, tôi chào. Hỏi:

"Chị ăn gì chị Phương Hoa?"

Chị nói, ăn rồi.

"Cho tôi 1 cà phê sữa đá."

Hào tìm người chạy bàn. Tôi nhúng thìa, đưa vào tô phở của mình. Nhạc xuân. Một bài hát cũ. Rất cũ. Của Nguyễn Văn Đông? Nói về một người lính ôm súng trong vọng gác, đón giao thừa. Phương Hoa khuấy ly cà phê sữa đá. Tiếng muống, đá va vào thủy tinh, lanh canh. Tiếng lanh canh bứt rứt. Ngập ngừng. Đứt đoạn. Tôi ngược nhìn chị. Đôi mắt chị đỏ hoe. Chuyện gì? Tôi không đoán. Chị cúi xuống ly cà phê sữa đá. Tiếng lanh canh bứt rứt khua động thêm một vài hồi rời rạc. Rồi tắt.

"Tôi không thể đợi tới lúc anh ăn xong tô phở," cúi xuống ly cà phê sữa đá của mình, chị tiếp: "Anh Mai Thảo mắt rồi. T. mới báo cho chúng tôi biết. Anh Thăng kẹt bệnh nhân. Tôi nghĩ phải ra đây cho anh biết, trước khi anh đi Austin..."

Tôi đặt đĩa, muống xuống. Hào đặt muống, đĩa xuống. Chiếc muống trong ly cà phê sữa đá của chị Hoa vẫn được những ngón tay chị giữ chặt. Có phần chặt hơn. Những ngón tay bầm, thâm vì máu không thể đi tới.

"Khi nào?"

"Ba giờ sáng nay."

Trước mặt chúng tôi, là ba "ly cà phê sữa đá."

Austin 2:50PM: Khi đã tìm được exit vào đường Jamestown, Hào thuận miệng hỏi:

"Anh có thêm một ly cà phê sữa đá?"

Tôi gật đầu:

"Nên lắm chứ. Hạnh phúc biết bao nếu lúc này, chúng ta có được một ly cà phê sữa đá. Thật ra, tôi muốn nói với Hào rằng: "Hạnh phúc biết bao, trong đời sống này, chúng ta có được một người tên Mai Thảo."

Suốt cuộc hành trình trên xa lộ 290 W., trong tôi cứ lẩn quẩn hoài câu nói của Khổng Tử (?) rằng: "Được làm người đã khó, nhưng sống cho ra một con người còn khó hơn nữa!" Chưa bao giờ tôi thấm thía câu nói đó, bằng lúc này. Và, nếu được phép sửa một chút, tôi sẽ xin được sửa thành:

"Sống cho ra một con người đã khó, nhưng sống như Mai Thảo/Nguyễn Đăng Quý trong đời sống này, còn khó hơn một bậc nữa vậy!"

Mặc dù, mỗi chúng ta, hằng ngày, bất cứ lúc nào, ở đâu, cũng có thể gọi được, tự làm được cho mình "một ly cà phê sữa đá." Chỉ riêng anh thì không.

Chẳng bao giờ. Chẳng bao giờ, có nữa!

Mai Thảo Cao Xuân Huy

Trước 1975, ở Việt Nam, tôi chỉ biết ông qua “Đêm giã từ Hà Nội” và “Bầy thỏ ngày sinh nhật”. Đối với tôi, một thằng lính đánh trận, Mai Thảo, và tên tuổi của vài nhà văn khác, lạ vừa phải vì đã biết tên, quen vừa phải vì cũng chỉ biết tên.

Sau 1975, ở Mỹ, tôi vô tình cầm bút, và từ đó có dịp giao du, tụ tập với những người viết mới, thỉnh thoảng gặp những người viết trước trong cùng một quán, nhờ vậy, tôi mới biết mặt Mai Thảo, nhưng không quen.

Vào những năm cuối thập niên 80, các bữa rượu của đám mới cầm bút khá thường xuyên, hết quán này đến quán khác. Hầu như lần nào gặp Mai Thảo, tôi cũng thấy có một vài người luôn đi chung với ông. Lúc thì nhà văn Tuấn Huy, lúc thì nhà báo Đỗ Ngọc Yến, lúc thì nhà văn Vũ Huy Quang.

Cung cách của những người quanh Mai Thảo, và thái độ có phần khịch bác, khó chịu của ông khiến tôi không những đã không muốn quen, mà còn không ưa. Đến nỗi, có khi mặt đối mặt, tôi không chào. Có người bảo tôi “mày chào ông ấy một tiếng có mất gì đâu”, tôi vẫn không chào. Cho đến một buổi tối, ở quán Phở Ngon thường lệ, tôi ngồi với mấy người ở một bàn, thấy Mai Thảo ngồi ở một bàn khác, nhưng không phải với một vài người quen thường thấy, mà chung bàn là những thương gia “cổ cồn cà vạt”, đang ồn ào khoe thành tích về các thương vụ của mình. Tôi thấy ông ngồi im lặng, vẻ chịu đựng chứ không bần gắt, hay la mắng như khi ngồi với Vũ Huy Quang.

Thấy vẻ chịu đựng của Mai Thảo, tôi ái ngại, đến sau lưng, nói nhỏ vào tai ông: “Anh muốn về, em đưa anh về.” Ông ừ ngay lập tức: “Ừ, đưa tôi về!”

Ông không bao giờ lái xe, nên tuy từ Phở Ngon về đến chỗ ông ở, khu người già ở phía sau tiệm Song Long, đi bộ chỉ mất chừng 15 phút, nhưng vì trời đã tối, ông không đi bộ về được.

Tôi lái vào đến tận chân cầu thang, ông mở cửa xe ngồi yên, ngằn ngừ không muốn xuống. Tưởng chỉ riêng tôi, uống là phải “tới bên”, nhưng còn ông, sao như chưa muốn về. Tôi kiên nhẫn chờ. Ngập ngừng một chút, ông thốt lên: “Giờ này mà lên phòng ngồi uống một mình, thì buồn nhỉ!”

Tôi nhìn ông, rồi quyết định theo ông lên phòng.

Một chiếc giường đơn, một cái bàn con, vài bức tranh trên tường, tấm hình Vũ Hoàng Chương, vài chai rượu, và cái bàn viết. Cái bàn viết của một người suốt đời chỉ sống với văn chương, một mình. Tôi ngắm nhìn, lòng đầy cảm kích.

Ông lấy chai rượu uống dở, vừa rót ra hai cái ly, vừa nói:

“Tôi biết Huy không thích tôi. Nhưng thôi, tôi không cần biết nguyên do. Uống với tôi một ly.”

Ông uống rượu mạnh không soda, không đá. Tôi cũng uống giống ông. Chỉ khác là, nghe nói, ông chuyên uống cognac VS, loại nặng mà không sao, còn tôi chỉ VSOP, loại nhẹ, tỉnh dậy đỡ váng đầu.

Tôi uống với ông không chỉ một ly, mà là nhiều ly, rất nhiều ly đêm đó.

Thế là tôi được quen ông. Khi quen rồi, khi tiếp xúc nhiều rồi, tôi mới tiếc là đã bỏ phí một thời gian quá dài không chịu quen với ông. Một nhà văn, nhưng Mai Thảo còn là một quyền tự điển sống về thơ.

Hỏi ông về một câu thơ tiền chiến, ông đọc nguyên đoạn, có khi nguyên cả bài, cắt nghĩa từng câu từng chữ. Ông thao thao về tác giả và trường hợp sáng tác bài thơ. Ông như được sống lại

với thời ra đời của bài thơ. Ông say sưa nói, nói quên uống, trong khi ông là người khi uống rượu, rất ít nói.

Rượu vào, Mai Thảo ngang ngược, không coi những người chung quanh ra cái gì. Trong một bữa rượu ở quán Song Long, ông hút thuốc liên tục, mặc dù đã có lệnh cấm hút thuốc trong quán, khiến các thực khách chung quanh khó chịu, đến nỗi người phục vụ của quán phải đến nói ông mỗi khi hút thuốc nên ra ngoài. Ông quát lên: “Tôi hút thuốc trong này, đũa nào khó chịu thì đi ra ngoài”.

Một lần đi uống rượu ở quán Việt, chúng tôi gói rượu mạnh mang theo (các quán ăn của người Việt Nam thường chỉ có giấy phép bán bia và rượu vang). Thức nhắm ê hề trong khi rất ít người ăn, chỉ uống là chính. Uống nửa chừng, ông gọi thêm thức ăn, tôi cản lại: “Mời còn đầy trên bàn, không ai ăn, anh gọi thêm làm gì?” Ông mắng: “Mày ngu cũng vừa vừa thôi, quán người ta bán bia, mày mang rượu vào, chỉ gọi soda với đá thì làm sao người ta sống? Dù không ăn cũng phải gọi để mà trả tiền chứ!”

Thời gian bị bệnh, ông chuyển chỗ ở từ trên lầu xuống dưới nhà. Những ngày cuối, phòng của ông bị y tá đến dọn sạch những chai rượu, sạch luôn cả sách vở. Tôi với một người bạn đến thăm ông. Phòng trống lốc, ngoài cái giường đơn ông đang nằm, giữa phòng chỉ có đọc một cái bàn đựng năm ba chai thuốc tây. Thấy tôi vào, ông hỏi: “Huy uống rượu không?” Nhìn ông tiêu tụy xanh xao, tôi chưa kịp nói thì ông bảo: “Có rượu đây”, và chỉ tay vào cuối giường: “Trong này này.” Tôi moi trong chần phía chân ông ra một chai rượu giờ, giờ lên: “Có một chút này thôi hả anh?” Ông cười mồm mỉm: “Không, moi tiếp đi, một chai nữa, còn nguyên.”

Ông yêu văn chương, cả đời ông sống với văn chương, ai cũng biết. Và ông yêu cả người đọc. Tạp chí Văn của ông ra hàng tháng, mỗi khi phát hành, ông luôn luôn viết tay tên và địa chỉ người nhận trên bao thư, một lần tôi nói với ông: “Anh để em đánh máy tên độc giả vào computer để mỗi lần gửi báo, chỉ cần in ra rồi dán vào bao thư cho đỡ mất công”. Ông không chịu: “Mình viết tay thế này là để chứng tỏ sự ưu ái của mình với độc giả”. Tôi không thể tưởng tượng nổi, làm thế nào, chỉ một mình, ông không biết đánh máy, không biết sử dụng computer, không lái xe để chở báo, tên và địa chỉ người nhận ông viết tay, ông lại uống rượu suốt ngày, vậy mà tạp chí Văn được gửi đến độc giả hàng tháng, đều đặn và đúng thời hạn như thế. Trong khi tôi coi tờ Văn Học, biết đánh máy, biết trình bày báo trên computer, tên và địa chỉ độc giả in thẳng từ danh sách trong computer ra, chỉ việc dán vào bao thư, biết lái xe chở báo ra bưu điện, vậy mà, chưa số báo nào đến tay người nhận đúng thời hạn. Ấy là chưa kể (lấy cớ) nào là vì bị bệnh một năm, rồi thì vì thiếu người trị sự nên phải hoãn ra báo (có mỗi) một năm, ra lại được (những) hai số, mà báo đến tay độc giả chỉ trễ có... hai tháng (chứ mấy).

Đám tang ông, tôi không đi đưa. Vì, tôi không muốn khóc trước mặt người khác.

Luân

Nổi vui mừng vỡ òa trong tôi phút đó khi đã nhận ra Luân, Luân trên kia, Luân đứng đó, bắt tôi phải chạy bay lên mới đứng. Nhưng trước bấy nhiêu con mắt cùng chăm chú ngó xuống người lạ mặt như một cái đích, họ chưa nhận ra ai, tự nhiên tôi thấy gương, gương đến nỗi nóng bừng cả mặt mũi. Tôi định thần. Tôi cố trấn tĩnh lại. Tôi tháo khỏi lưng cái bạc-đà đã ướt đầm mồ hôi, và xách nó lủng lẳng trong tay, tôi thông thả đi lên. Vợ chồng cụ Chánh, thằng Tạo, anh chị Mùi đứng đó, thành một hàng dài. Những cái bóng nắng chiều làm nghiêng đi, nổi bật lên cái nền xanh thẫm trùng điệp của núi rừng Nông Cống. Xa hơn một chút, lùi về phía sau một chút, in hằn lên nền trời: Luân.

Tôi thầm cảm ơn bà cụ bán hàng tôi gặp ngoài đường lớn. Không có cái ngón tay chỉ đường quý báu của bà cụ, tôi đã tiến sâu mãi vào phía núi biếc, tôi đã không tạt vào con đường nhỏ, tôi đã không đến đứng dưới chân ngọn đồi này, tôi đã trở về căn nhà lạnh lẽo của cơ quan, phía bên kia sông Mã. Tôi đã không bao giờ, không bao giờ nữa, gặp lại được Luân. Đất rừng mới đốt rẫy, cỏ chất từng đống lớn vàng cháy giữa những thân cây bị đào bật lên, còn cả gốc rễ và những cành lá tươi. Một lối đi nhỏ của chân người dẫm lên, còn mới.

Đến lưng đồi, tôi đứng lại. Thăng Tạo nhận ra tôi trước nhất. Nó lập tức chạy bay xuống, vừa chạy vừa ngoái cổ lại la lớn: "Anh Trí, anh Trí". Tôi chỉ kịp đỡ cái đà người nó đâm xầm vào mình. Thăng Tạo nắm chặt lấy cổ tay tôi, kéo tôi lên, miệng vẫn la lớn: "Anh Trí, anh Trí". Rồi tất cả mọi người đều nhận ra tôi, và, trừ Luân, đều reo lên "Anh Trí, anh Trí". Tôi cười nhưng trông mắt đã rưng rưng. Cuộc chiến tranh lâu dài với những khổ đau chồng chất nếu có gỡ lại được một phần nào, cái phần khiến con người còn chịu đựng được cái tác động hủy phá ghê khiếp của nó, là ở cái nét đẹp ánh lên của những phút gặp lại nghẹn ngào và tủi mừng đến ứa nước mắt như vậy đó. Người ta xa nhau, không nhìn thấy nhau sau bức tường lửa đạn. Tưởng rằng đã chết, đã mất. Thấy nhau bất ngờ như thấy kẻ đã chết rồi lại vừa sống lại. Tôi chào mọi người, trao bạc-đà cho thăng Tạo. Nó đón lấy và khệ nệ đi lên đỉnh đồi. Cả gia đình cụ Chánh đứng vây lấy tôi, mỗi người, trừ Luân, hỏi tôi một câu. Cụ Chánh nói với cụ bà tôi đen và gầy đi nhiều. Chị Mùi hỏi tôi từ đâu đến, sao biết gia đình chị ở đây, anh Mùi hỏi tôi bây giờ làm gì. Duy có Luân từ lúc thấy tôi là không nói một lời nào. Luân đứng đó, hai tay buông thẳng, chân như chôn chặt xuống đất, đôi mắt đen láy mở to trên khuôn mặt nửa như muốn cười, nửa như muốn khóc của Luân. Thái độ yên lặng, chỉ có tôi hiểu, làm làm mọi người. Chị Mùi thì bảo Luân: "Anh Trí đấy mà!" Cụ Chánh thì bảo tôi: "Em Luân, cậu Trí nhớ không?" Tôi đáp: "Có nhớ ạ" và lách mọi người tôi đi lại phía Luân. Tôi nhìn cái khuôn mặt nửa muốn cười nửa muốn khóc của Luân mà sự kinh ngạc còn in lên gần như một niềm đau đớn. Tôi muốn nâng hai tay đỡ lấy khuôn mặt ấy, mười ngón tay tôi cười lấy hai gò má ấy, tôi muốn ôm chặt lấy Luân, ôm thật chặt cái thân thể yêu dấu, tôi muốn hôn vào đôi mắt kinh ngạc, tôi muốn nói với Luân một hơi, không ngừng, một câu nói thật dài, không bao giờ hết. Tôi muốn nói với Luân, đau xót và thành thật nói, câu nói tôi muốn gửi không riêng gì cho Luân mà cho tất cả những người thiếu nữ Việt Nam, qua hình ảnh Luân lúc đó. Những người thiếu nữ xấu số của một đất nước hiền hậu như họ không bao giờ thích hợp với một không khí chiến thời nào.

Tôi muốn bảo Luân, tôi muốn bảo Luân: Anh xót thương em những đêm dài trong núi, dưới mái nhà sàn cơ quan, trên những con đường hầm hố vết thương, những xóm làng hủy phá, trên những thềm nhà cỏ hoang phủ kín, trên những vì tường đổ gục, trên những thân cây chặt đứt, qua những chân cầu đổ nghiêng, trong hầm trú ẩn máy bay. Tôi muốn bảo Luân, anh xót thương em đêm giã từ Hà-nội ra đi nhìn về Hà-hội cái rừng lửa cháy, buổi chiều đứng trên con đê Hồng-Hà, buổi trưa về thăm lại Hưng- yên, buổi ra đi bãi ấy còn xanh biếc ngô non, buổi về chỉ thấy mênh mông phù sa kín nhòa bãi cũ. Tôi muốn bảo Luân, anh xót thương em trên những đầu ngón chân anh đi, cái hình ảnh xót thương lăn theo sỏi đá dọc đường, nằm trên từng cột cây số từng nền lũy tre xanh, chảy theo mặt nước lúc xuống đò qua sông, khuôn theo lòng đường lúc xuống đò lên bộ, từng buổi sớm xuống suối rửa mặt, cái hình ảnh xót thương trong veo trên nền sỏi trắng, từng buổi chiều không biết đi đâu, cái hình ảnh xót thương bát ngát đầy chiều.

Tôi muốn bảo Luân, anh nhớ đến em trong tiếng súng ban đêm, những vết lửa dài cháy vào bóng tối, lúc bỏ núi sau lưng cái hình ảnh xót thương còn mang hình trái núi, lúc xuống đồng bằng trước mặt cái hình ảnh xót thương đã mang hình những ngọn lửa dài, lúc anh muốn chết,

lúc anh muốn sống, lúc tuyệt vọng tối đen vực thẳm, khi tin yêu sáng chói mặt trời, lúc nhìn xa cái hình ảnh lớn theo ngút mắt, lúc tưởng gần cái hình ảnh thu cũng nhỏ vào một góc trái tim như một tấm hình kỷ niệm.

Nhưng tôi không nói được một lời nào. Tôi cũng đứng sững đó trong nỗi xúc động mãnh liệt chưa từng cảm thấy. Tôi đứng sững đó, tôi đang sống một trong những phút giây xúc động nhất của đời tôi, tôi tưởng đã chết rồi những niềm xúc động. Khuôn mặt yêu dấu của Luân cứ lớn dần, lớn dần, như khởi đầu là một phiến trời thật nhỏ sau một khung cửa hẹp, một hẻm núi, bây giờ ra ngoài khung cửa, đi khỏi hẻm núi cái phiến trời nhỏ đã lớn thành cả một vùng mênh mông, tôi ngắm nhìn nỗi vui mừng của tôi mênh mông trong đó.

Rồi đáy mắt Luân thoáng lên một ánh lửa. Tôi nhận cái ánh lửa ấy như một tiếng chào thầm, một sự đáp lại yên lặng. Luân nhìn tôi như thế, đoạn Luân cúi đầu xuống và quay gót đi trở lên.

Chúng tôi lên theo. Căn nhà lớn dựng trên đỉnh đồi trọc nhìn xuống một căn thứ hai, phía tay trái, nhỏ hơn, tôi đoán là nhà bếp. Cả hai cùng mới cất. Mái lá tươi nằm trên những cột nhà là những thân cây rừng. Tường vách là những tấm phen đan hình mắt cáo, nhiều tấm còn chưa trát đất. Thằng Tạo bung lại cho tôi một bát nước chè tươi nóng. Anh Mùi quán cho tôi một điều thuốc lấy ra ở một cống sành nhỏ dưới gậm giường; điều thứ hai anh cuốn cho cụ Chánh; điều thứ ba cho anh. Chúng tôi cùng châm lửa và thở ra những đợt khói tan bay mau chóng trong gió rừng buổi chiều lồng lộng thổi qua. Vẫn xa hơn mọi người một chút, vẫn thái độ yên lặng, Luân ngồi yên trên một góc giường giữa cái vui vẻ ồn ào của mọi người, như đắm chìm vào một suy nghĩ riêng tư thầm kín. Lúc tôi trả lời cụ Chánh là trên đường đi tìm địa điểm an toàn cho cơ quan tôi tình cờ qua đây, Luân đột nhiên đứng dậy đi ra. Tôi nhìn theo Luân đi khuất về phía căn nhà bếp. Mọi người, trừ tôi hình như không ai để ý đến sự bỏ đi bất thành linh của Luân, đã mỗi người một câu kể lại cho tôi nghe về những lần di chuyển gian khổ, những ngày tháng lênh đênh điêu linh kể từ ngày tản cư khỏi thị xã Hưng-Yên, về vùng Ân-Thị, rồi từ Ân-Thị sang Đống-Năm, Cống-Thần, Hồng-Phú, qua Liên Khu Ba vào Thanh-Hóa, chợ Rừng Thông, phủ Thiệu-Hóa, với hình ảnh những căn nhà mới dựng lên chưa ấm hơi người đã bị bom đạn đốt cháy tan tành ở những thị trấn năm ấy, khiến cho gia đình cụ Chánh -chạy trốn lửa đạn đuổi theo, đánh xuống như một kẻ thù dai dẳng- cố tìm cho được một đất sống thực an toàn đã phải tìm đến khoảng đồi trọc giữa vùng núi rừng hoang vu này. Kiểm điểm lại đoạn đường dài với những đổi thay không ngừng, cụ Chánh đã mỉm cười chỉ cho tôi gian nhà trống không ngoài mấy chiếc tay nải để trên hai chiếc giường gỗ và nói cả cơ nghiệp của gia đình cụ, mỗi lần di chuyển như vậy, mất đi, bỏ lại, bây giờ chỉ còn có thế. Cũng may là còn được mạnh khỏe cả và còn những bàn tay làm lụng được.

Tôi cảm động nhìn bàn tay gầy yếu của cụ Chánh, và liên tưởng đến một bàn tay khác, với những ngón tôi nhớ rất dài rất thon, bàn tay của Luân. Ngày xưa tôi đã ngắm nhìn bao lần không chán mắt những cái ngón trắng muốt khi sòe mở khi thu lại, hình nét đều mềm mại như một bông hoa. Tôi giật mình tưởng như cụ Chánh đoán được ý nghĩ tôi. Cụ nói gia đình cụ bây giờ - kể cả thằng Tạo người nào cũng đã quen lắm với những công việc cực nhọc: cắt nhà, chặt cây, phát cỏ, đốt rẫy, làm đất rừng. Cụ nói: "Anh ở lại đây sáng mai sẽ thấy cả nhà chúng tôi, già trẻ lớn bé kéo nhau ra làm đất rẫy. Bây giờ biến thành nông dân cả rồi. Em Luân nữa, nó cũng cây bừa giỏi ra phết rồi đấy cậu Trí nhé".

Hình ảnh lam lũ của Luân đẩy lười cày trên nền đất rừng cần cỗi, khiến tôi xót xa nghĩ đến hình ảnh Luân ngày trước.

Bảy giờ là vào khoảng giữa năm 1945. Cuộc đảo chính Nhật vừa kết liễu. Bắt đầu những trận mưa bom của phi cơ đồng minh. Chúng tôi theo trường tản cư về thị xã Hưng-Yên. Và quen Luân ở đó. Chúng tôi, vì là ba người: Phạm, Trương và tôi do một sự tình cờ đã đến trọ học cùng nhà một bà cụ già: cụ Lý Bằng. Luân là cháu gái cụ Lý. Cùng một phố, hai nhà ở cách nhau khá xa nhưng vì thị xã hồi đó thiếu nước, chúng tôi hằng ngày gặp Luân. Ấy là những buổi sáng, mùa hè thật sớm, mùa đông muộn hơn một chút, nhưng sáng nào trở dậy là chúng tôi đã thấy Luân cấp một cái rổ quần áo cao có ngọn sang giặt ở cái ao rộng phía sau nhà cụ Lý. Bờ ao sát liền với buồng học - tường là những tấm liếp mỏng - khiến cứ nằm ở giường nhìn ra chúng tôi cũng ngó thấy Luân thấp thoáng ở ngoài hàng rào xương rồng đầu cổng, Luân đi qua vườn, Luân tiến lại phía bờ ao.

Hình ảnh mà tôi còn giữ được ở những buổi sáng lâu dần đã là những buổi sáng đợi chờ ấy, của Luân là một mái tóc phủ kín vai kín lưng, mặt nước xao động sóng sánh, những cánh bèo Nhật- Bản dạt rộng thành một vòng tròn chung quanh cái cầu tre mỏng mảnh, tiếng rữ tiếng đập, tiếng nước đổ ào ào trong yên lặng mát trong, và những cái bọt sà phồng trắng sộp trôi đầy mặt nước. Qua thời gian làm quen khởi đầu ngây ngô, tức cười, ở Luân là những lắc đầu, những nụ cười muốn dẫu, một vẻ sợ hãi luống cuống rất đáng yêu, ở chúng tôi là những câu thả tình bóng gió, băng quơ, những thăm dò ý tứ một cách hóm hỉnh vụng dại, những phút đứng cạnh bờ ao hàng giờ mà không biết làm gì hơn là bứt những cánh lá trên đầu Luân thả đầy mặt nước, những hẹn hò vu vơ lúc Luân đã giặt xong đứng dậy, chúng tôi quen nhau. Cho đến bây giờ, tôi không có đủ bằng chứng để quyết đoán chắc chắn -chưa từng ai hỏi ai điều đó- tôi vẫn nghĩ rằng cả ba chúng tôi đều yêu Luân. Phạm yêu Luân, Trương yêu Luân và tôi cũng vậy. Cùng yêu và điều buồn cười, nhưng đúng, cùng yêu như nhau. Tình cảm của mỗi người đối với Luân có thể khác biệt trong phần tâm tưởng thầm kín, nhưng ở những biểu tỏ thì có thể nói là đồng đều. Tình yêu chung gửi cho một người này nếu không gây những va chạm, những tổn thương đáng tiếc cho tình bằng hữu chúng tôi suốt thời gian đó, một phần do sự đồng đều này. Cả ba như cùng ước hẹn ngầm: nên đứng đó, đừng ai đi xa hơn. Một phần, và cũng là nguyên nhân chính, tình yêu của chúng tôi thuở đó, như tuổi, như lối sống, cũng lảng mạn, hồn nhiên, cũng mát trong như tâm hồn mỗi đứa chúng tôi lúc bảy giờ. Yêu một người cũng như yêu cảnh vật, một đêm trăng, một ngày mưa, một buổi chiều có nắng đẹp, một bông hoa cùng ngó thấy một buổi sớm trong vườn, không ai tính đến chuyện ngắt bông hoa vì lòng còn ngây ngất. Yêu như yêu một hình ảnh, yêu như yêu thiên nhiên, tạo vật, cuộc đời. Yêu như yêu chính cái bản thân mình. Tình yêu ấy lúc đó và về sau, chẳng những đã không gây những tiếc hận mát mát cho ai mà mỗi người đều cảm thấy ở mình như nó lớn gấp ba lần, nó cộng tâm hồn mình với tâm hồn hai thằng bạn thân làm một. Đối với Luân, cũng không có chuyện lựa chọn khó xử, Luân nhận cả, Luân không nghiêng về phía nào. Không nhận riêng một tình yêu nào hết, Luân sung sướng nhận lấy cái không khí yêu thương. Hoặc nếu có sự lựa chọn rồi của Luân trong thâm tâm, chúng tôi không biết. Chỉ biết những thời gian sau thân mật hơn, những việc đáng lẽ chỉ có ý nghĩa vì thầm kín riêng tư: tặng một kỷ niệm, viết một lá thư, hẹn một buổi tối gặp mặt, chúng tôi cũng bàn với nhau, có thỏa thuận mới tặng mới gửi. Tôi cảm động nhớ lại cái thế giới đẹp một vẻ đẹp hoang đường những năm tháng ấy. Cuộc sống thần tiên. Sách vở bạn bè. Luân ở giữa chúng tôi. Từ một người bạn nhỏ, một cô gái lảng giềng đến người thiếu nữ của mỗi tình thơ mộng thứ nhất đầy vẻ bờ ngõ, khám phá như cái ý thức đầu tiên mở vào cuộc sống. Tâm hồn ấy thiên thần tạo nên cuộc sống ấy thiên đường. Nỗi buồn ghê gớm nhất cũng chỉ là niềm băng khuâng, nỗi nhớ nhung cũng là lửa ấm, cả cái bối cảnh âm u của một thời chiến bắt đầu bén lửa cũng không chạm được vào cái thế giới thần tiên.

Mấy tháng về sau, khi cụ Chánh đau nặng, Luân phải đi chợ xa thay mẹ, chúng tôi thường chiều chiều kéo nhau ra khỏi thị xã lên trên con đê cao đầu làng Mậu Dương đón Luân gánh hàng từ phía Tân Châu về. Vượt qua con sông Hồng mênh mông lúc đó đã đổ thắm rắng chiều, cái bóng nhỏ bé của Luân khi hiện ra ở đầu con đê cao vẫn có cái tác động màu nhiệm đổi thay cảnh vật, làm tươi sáng cả một vùng hoang hôn bát ngát đang thắm vào tâm hồn để xúc động của chúng tôi. Luân đến, đặt gánh hàng xuống, thờ ra, thường vẫn cau mặt trách chúng tôi "đón đường" như thế. Nhưng trong cái cau mặt rất đáng yêu có thoáng lên một ánh sung sướng. Nhiều lần, nghịch ngợm, Luân chịu để cho chúng tôi thay nhau gánh đỡ gánh hàng nặng một đoạn đường. Những đoạn ngắn chỉ dăm bảy bước. Chúng tôi không quen, đau vai, đã hạ vọt cái đòn gánh xuống. Và Luân lại được dịp cười phá lên và chế "cái vai học trò của các anh".

Con mắt yêu thương của chúng tôi, trước sau đều nhìn thấy bất cứ cái gì ở Luân cũng hay cũng đẹp. Riêng tôi, đẹp nhất là cái tiếng nói. Chỉ là âm thanh mà nghe thành hình ảnh. Tiếng nói mỗi khi nghe thấy, nhớ tới, thường làm tôi nghĩ đến một buổi sáng ở một cửa rừng vui nào với những hàng cây thưa, những thảm cỏ mượt những tiếng chim ca ánh sáng trên đầu, cái buổi sáng bình yên trong ca dao, có cu gáy có bướm vàng của Huy Cận.

Tiếng nói có một ấn tượng vui ám tương tự như khi đi một mình trên cánh đồng mưa tối chợt bước vào một đầu phố, một thôn xóm có ánh sáng, có người ở, có tiếng cười, có sự sống chung quanh. Tôi vẫn nghĩ tâm hồn Luân phải trong đẹp lắm Luân mới có tiếng nói thủy tinh trong suốt như vậy. Tiếng nói tựa như cái toàn thể hiện hậu của một khuôn mặt hiền hậu, nhìn vào tâm hồn kẻ nhìn cũng hiền hậu theo. Nó tác động mãnh liệt trong tôi đến nỗi đã có nhiều buổi tối tôi đã rủ Phạm rủ Trương cùng lên nằm ở căn gác trọ một người bạn cùng lớp -hắn ở sát nhà Luân- và qua một khung cửa khói bốc lên làm chảy nước mắt, chúng tôi đã chụm đầu hàng giờ lắng nghe tiếng Luân cười, nói từ dưới bếp nhà Luân vọng lên. Nỗi thích thú không bao giờ tìm lại được đã khiến tôi về sau thường nghi ngờ cái khiếu thẩm âm của mình trước bất cứ một tiếng hát một điệu nhạc nào. Vọng lại từ quá khứ, hình ảnh Luân có thể sẽ nhòa mờ dần, nhưng tiếng nói của Luân cất lên từ những ngày đẹp cũ, âm thanh huyền hoặc của nó còn nguyên vẹn trong đầu óc tôi. Về sau, rời bỏ Hưng - Yên, ở những lá thư dài viết cho Phạm cho Trương, tôi nhớ vẫn nói với bạn về cái tiếng nói của âm thanh và hình ảnh. Tiếng nói ấy suốt đời tôi vẫn còn nghe thấy.

Cụ Chánh kể chuyện gia đình cụ, tôi thuật lại đời sống mấy năm tản cư kháng chiến của tôi và đêm rừng bên ngoài tự bao giờ đã xuống. Chị Mùi đứng lên mắc màn, cụ Chánh mời tôi đi ngủ. Tôi nói tôi chưa buồn ngủ và đứng dậy. Ý chừng cụ Chánh đoán được ý tôi: "Thế anh ra ngoài một lát cho thoáng rồi vào đi ngủ kéo muộn. Chắc em Luân nó còn ở dưới bếp".

Tôi châm một điếu thuốc trong khoảng tối đen hoa mắt và lần bước về phía căn nhà bếp thấp thoáng ánh lửa hắt lên. Một tấm khăn trắng bịt kín đầu cho bụi cám khỏi vương vào mái tóc, một cái áo bông đen phủ lên vai -đêm rừng lạnh buốt- Luân ngồi sàng gạo dưới ánh lửa. Tôi đứng lại. Tôi nhìn như thu vào hồn hình ảnh Luân lúc đó, lòng tay Luân nắm chắc mép sàng, những ngón tay sò mở mềm mại, dáng ngồi nghiêng nghiêng, bờ vai rung nhẹ theo nhịp sàng, và những hạt gạo trắng muốt lọt sàng rơi rào rào xuống cái yên tĩnh huyền bí của đêm núi rừng. Cho tới khi cảm thấy sự có mặt của tôi, Luân ngừng đầu lên. Đôi mắt thật buồn của Luân bắt gặp cái nhìn không dấu được cảm động của tôi. Luân ngừng tay sàng trong một giây ngắn rồi lại sàng tiếp. Tiếng nói nhỏ chỉ vừa đủ nghe thấy:

- Anh ngồi xuống đây, anh Trí.

Tôi ngồi xuống trước mặt Luân. Một khoảng yên lặng -tôi đoán sao rừng chắc đang sáng nhiều vô kể- rồi Luân cất tiếng:

- Anh nói đi tìm địa điểm cơ quan, anh nói dối thầy em, phải không?

Tôi gật đầu:

- Anh biết Luân ở đây, anh lên tìm Luân.

Câu trả lời hình như không làm Luân sung sướng. Mà trái lại. Khuôn mặt buồn, đều tay sàng với một giọng nói cố làm thản nhiên:

- Anh sắp đi khỏi nơi này. Anh sắp về Hà Nội phải không?

Tôi kinh ngạc về cái dự định thầm kín bị Luân đoán trúng tuy đã định sẽ kể hết cho Luân nghe chuyện tôi sắp bỏ đi xa, cuộc khởi hành sắp tới là nguyên nhân chính khiến tôi đã đi bộ suốt hai ngày đường để gặp lại Luân lần cuối cùng. Tôi cúi đầu xuống trước viễn tượng một chuyến đi tự nhiên trở nên buồn thảm lạ lùng. Đứng đấy em ạ! Người đàn bà đưa đường cho anh đã nằm chờ sẵn ở một địa điểm bí mật gần giới tuyến. Trên đường sang đây tìm em, anh đã ném một hòn đá xuống dòng sông Mã, một hòn nữa xuống dòng sông Chu như những dấu hiệu vĩnh biệt, và sớm mai khi rời bỏ ngọn đồi này đi xuống anh sẽ đi những bước đầu tiên trên con đường trở về một thứ đất nước và thế giới bên kia. Anh biết em ở đây, trước khi bỏ đi anh không thể không tìm gặp lại em một lần sau cùng. Gặp lại cho Phạm. Cho Trương. Cho em. Cho chúng mình. Cho một cái gì đã mất. Cho cái thế giới thần tiên, cái thiên đường lộng lẫy. Cho những buổi chiều của chúng ta trên con đê xưa, những buổi sáng của chúng ta trong căn vườn cũ. Cho cái vốn kỷ niệm cần thiết của một đời người khi tới lúc không thể sống bằng kỷ niệm. Cho những ảo tưởng thực hơn nghìn lần sự thực. Cho những sự thực đã thành ảo tưởng. Cho sự chấm dứt của những năm tháng bình yên. Cho sự khởi đầu của những tháng năm đau đớn. Anh muốn khởi một cuộc hành hương trở về tuổi ấy, cái tuổi trắng tuổi sao trong máu trong tim, cái tuổi con bướm bông hoa ngoài đồng nội. Khi ngày mai đã là một đời khác lớn lao, anh muốn về với lá thư, tấm hình, nỗi nhớ thương, niềm băng khuâng, cái thế giới ảo tưởng, những rung động khởi đầu, tình yêu thứ nhất.

Nhưng tôi không thể trả lời mà hỏi:

- Sao Luân biết anh về Hà Nội?

Luân đặt sàng xuống, lấy tay vun gạo thành một đống lớn, san phẳng rồi lại vun lên:

- Em biết anh sẽ rời bỏ nơi này ngay từ lúc trông thấy anh đột ngột hiện ra ở dưới chân đồi. Người xa lạ em còn biết, nữa là anh. Người đi xa có trở lại, người đi không về, em đều biết trước. Có lẽ vì mấy năm nay em nhìn thấy nhiều quá những cảnh kẻ ở người đi như thế.

Con mắt Luân gửi vào một khoảng không, tiếng nói chỉ còn là hơi thở:

- Các anh đi và các anh không trở lại.

Tôi cảm thấy một buốt lạnh toàn thân, còn buốt lạnh hơn đêm rừng vây quanh khi Luân nói tiếp:

- Em cũng không bao giờ gặp lại anh nữa đâu. Gặp anh lần này là lần cuối cùng đấy, anh Trí.

Câu nói đượm một vẻ chịu đựng nhẫn nhục. Một thứ cúi đầu trước định mệnh. Tôi không tìm được ý tưởng chống lại nó. Chính tôi cũng cảm thấy như vậy. Lần cuối cùng. Hình ảnh của chia cách vĩnh viễn vây lấy chúng tôi. Khoảng tối đen khủng khiếp mở ngay từ chỗ này như đêm rừng trước mặt.

Luân lắc đầu như muốn đuổi đi hình ảnh đó. Luân đẩy cái sàng về phía tôi:

- Sàng hộ em một tay.

Tôi đỡ lấy chiếc sàng nhưng không biết cách, làm gạo văng tung tóe khắp chung quanh khiến Luân bật cười:

- Các anh vẫn thế, chẳng được cái tích sự gì hết.

Rồi Luân hỏi tôi còn nhớ không, những buổi chiều ngày xưa trên con đê Hưng Yên, chúng tôi tranh nhau gánh hàng cho Luân chưa được mấy bước đã bỏ vội đòn gánh xuống, những buổi sáng ở cầu ao nhà cụ Lý đòi giặt hộ Luân, đánh rơi cả quần áo, bàn chải, sà phòng xuống nước. Nhưng một vài kỷ niệm ngộ nghĩnh vừa nhắc lại chỉ gây được cho Luân và tôi một nỗi vui ngắn. Nét buồn đã trở lại khuôn mặt khi Luân hỏi tôi về Phạm về Trương. Tôi cho Luân biết Phạm đã chết, thân thể tan nát trong một cuộc oanh tạc ngay trên mảnh đất quê hương của Phạm, và tin cuối cùng tôi nhận được của Trương cách đây đã hai năm là Trương sống vất vưởng bệnh tật tại một vùng nước độc gần biên giới.

Chỉ còn nghe thấy tiếng Luân nói: "Tội nghiệp cho các anh". Lửa bếp tự một lúc nào leo lét vừa tắt hẳn. Chỉ còn điểm sáng nhỏ của điều thuốc cháy dở. Một tiếng tàn than nổ gọn trong bóng tối. Chúng tôi ngồi đối diện mà không trông thấy nhau như thế, rất lâu, tưởng như cùng lắng nghe một sự im lặng kỳ lạ nào, cho tới lúc Luân cất tiếng trước: "Mấy năm rồi anh Trí nhỉ?" Tôi đáp: "Sáu năm". Bên kia tiếng Luân nhắc lại: "Sáu năm". Sự yên lặng, bóng tối, khiến tôi trở lại ý nghĩ ban nãy: chắc bây giờ sao rừng đang sáng vô kể bên ngoài. Tôi rủ Luân ra ngoài. Tôi nghe thấy tiếng gạo vun lại, tiếng sột soạt của chiếc vĩ buồm được kéo gọn về một phía. Bước ra khỏi cửa bếp, tay tôi chạm nhẹ vào tay Luân. Tôi nghĩ đúng. Sao rừng trên đầu chúng tôi phút đó sáng nhiều vô kể. Những điểm sáng to nhỏ, lỏm đỏ, tưởng như một lúc nào đó sẽ rớt xuống sẽ đậu đầy trên đầu trên cổ chúng tôi. Mùi đất bốc lên, tiếng côn trùng rậm rạp ở những khoảng thấp. Nhịp chân siêu siêu cho tôi biết mình đang đi xuống. Được một quãng Luân đứng lại. Chúng tôi ngồi xuống một thân cây. Tôi kéo Luân vào gần cùng lúc một vệt sao sa tự đỉnh trời kéo một vệt thật thẳng thật dài mắt hút vào những bóng núi. Luân đã cởi chiếc khăn bịt đầu tự lúc nào. Tôi ngồi yên, mặc cho những sợi tóc vướng vào cổ, vòng tay về phía trước thu gọn lấy hai bàn tay Luân. Luân không chống lại. Cái thân hình thu nhỏ lại ấy như muốn kiếm tìm một sự che chở. Tôi thấy tôi không còn che chở gì được nữa cho Luân. Cuộc sống đổi khác và con người đã lớn. Cái thế giới thiên đường, thần thánh ngày xưa của chúng tôi đã che chở Luân. Cái thế giới ấy đã mất.

Luân ngả đầu vào vai tôi:

- Anh về Hà Nội sẽ làm gì?

- Chưa biết em ạ, có điều chắc chắn anh sẽ bỏ học. Anh nghĩ anh sẽ sống một cuộc đời vô nghĩa và tầm thường. Đi buôn chẳng hạn. Nhưng thế nào anh cũng về thăm lại Hưng -Yên. Đó là một trong những việc làm thứ nhất.

Luân nắm chặt lấy tay tôi như tìm thấy nguồn an ủi.

- Anh có về thăm Hưng -Yên nhớ thăm cả nó cho em.

Tôi gật đầu. Anh sẽ về thăm lại cái dấu tích, cái thiên đường đổ vỡ của chúng ta. Cho em. Cho anh. Cho Phạm cho Trương nữa. Thềm nhà cỏ hoang, bờ ao không người. Bờ đê, những lối đi cũ. Anh sẽ không lấy lại được gì trên những dấu tích kỷ niệm ấy, nhưng anh sẽ về. Người ta không sống được bằng kỷ niệm, nhưng trên những lông lá mới mọc và sự đổi khác ghê gớm của tâm hồn và hình thể, anh muốn trở về soi ngắm mặt mũi mình xuống lòng nước cũ. Người ta không sống được bằng quá khứ nhưng người ta cần có quá khứ như một tấm gương. Anh muốn nhận định lại nhiều điều và điểm khởi hành phải bắt đầu từ đó.

- Em thì không bao giờ trở về Hưng-Yên được nữa, Luân nói một cách tuyệt vọng. Em sắp lấy chồng rồi.

Tựa hẳn đầu vào vai tôi, Luân đã kể cho tôi bằng cái giọng đều đều nhẩn nhục của kẻ ửng chịu cảnh ngộ về người đàn ông mấy tháng nữa, thân thể tàn phế, sẽ chống lên mình chiếc nạng gỗ và sẽ tập tễnh đi lên ngọn đồi này. Tên hắn là Mạnh. Cũng tử tế, hiền lành, người quê mùa, theo Luân. Mạnh bị thương trong một trận đánh đồng bằng ngoài liên khu Ba, hiện đang nằm ở một quân y viện cách đây ngót hai mươi cây số, lý do chính đã khiến cho gia đình Luân đến khẩn hoang ở ngọn đồi trọc này. Luân không yêu Mạnh. Cuộc hôn nhân cũng vô nghĩa như đời sống những tháng năm vừa qua, vô nghĩa như đời sống con người trong chiến tranh. Nhưng cái ý định ở mãi mãi với Mạnh có từ buổi xuống thăm Mạnh ở bệnh viện.

- Em nhìn thấy chiếc nạng gỗ và Mạnh lúc đó. Và thế là xong.

Luân nhắc lại một cách tuyệt vọng:

- Thế là xong.

Tôi muốn tìm một câu nói an ủi Luân, nhưng tôi không nói được gì. Trong một yên lặng kéo dài vòng tay tôi ôm chặt lấy người Luân hơn, tôi nhìn những điểm sao lấp lánh trước mặt, nghe tiếng côn trùng rậm rạp xuất lên từ những khoảng thấp dưới kia, và tôi nghĩ đến cái đêm cuối cùng, lần gặp gỡ cuối cùng, tôi không ngờ là ở nơi này, khoảng núi rừng cách biệt không bao giờ trở lại tôi đã sống với Luân những phút cuối cùng của một thời đã mất. Tôi xoay người Luân trở lại và, trong cái ý nghĩ gửi về một cái gì đã mất ấy, tôi cúi xuống hôn Luân. Tôi hôn Luân nồng nàn và tôi nói:

- Anh hôn em lần đầu tiên và lần cuối cùng.

Luân khóc không thành tiếng. Nước mắt Luân ướt đẫm hai gò má. Lúc tôi đỡ Luân đứng dậy và chúng tôi cùng đi trở lên đỉnh đồi, cánh tay Luân khoác chặt lấy tay tôi khiến tôi có cảm tưởng như tôi, Luân cũng muốn ghi nhớ những phút cuối cùng như kỷ niệm nồn nà đau đớn nhất của một thời đã mất.

Sáng hôm sau, tôi xuống núi thật sớm. Như người đi trốn. Tôi không có can đảm ở lại để nhìn thấy cái hình ảnh lam lũ của Luân đẩy lưới cây trên nền đất rừng cằn cỗi. Con đường nhỏ mờ mờ mở ra từ chân ngọn đồi. Trời đã sáng nhưng hai bên núi rừng còn yên lặng ngủ. Gần tới đường lớn tôi trông thấy một con bướm. Nó đậu trên một bụi cây thấp. Mình nó vàng ánh với những chấm đen ở hai đầu cánh. Tôi bắt lấy con bướm và bỏ đi không nhìn trở lại.

Suốt dọc đường tôi nghĩ đến Luân, đến Phạm, đến Trương, đến tôi. Lúc nhìn xuống, con bướm tự lúc nào đã chết nát trong lòng bàn tay.

*Trong tập Bản chúc thư trên ngọn đỉnh trời,
Sáng Tạo 1963*